

Ba nhà chí sĩ họ Phan

**Phan Đình Phùng
Phan Chu Trinh
Phan Bội Châu**

Đào Văn Hội

Phan Đình Phùng

« ... Tôi có một ngôi mộ rất to, nên giữ, là đất nước Việt Nam. Tôi có một ông anh rất to, đang bị nguy vong, là cả mấy mươi triệu đồng bào. Nếu về mà sửa sang phần mộ của mình, thì ngôi mộ cả nước kia ai giữ ? Về để cứu vớt ông anh của mình, thì bao nhiêu anh em trong nước ai cứu ? ... »

Cụ Phan Đình Phùng là người làng Đông Thái, tổng Việt Yên, huyện La Sơn, tỉnh Hà Tĩnh.

Cụ có hai người vợ :

Phan phu nhơn là con gái một quan phủ ở làng Thọ Tường, thuộc về tổng Việt Yên, lấy cụ sanh ra được bốn người con trai. Về sau, phu nhơn và mấy người con trai lớn đều mất sớm về bệnh điên, trong lúc cụ Phan đang cầm quân kháng cự binh Pháp ở núi Vụ Quang, cho nên cụ đã có câu than thở :

- Minh sanh gặp phải lúc gia biến, quốc biến, thê biến, tử biến.

Trong bốn người con trai của cụ, duy có người chót là Phan Đình Cừ tự Bá Ngọc, thông minh can đảm lắm. Năm Bính thân (1896) Cừ trốn sang học Nhựt Bản, cuối năm 1921, bị ám sát tại Hán Khẩu.

Cụ có bà vợ thứ, là em ruột quan Nguyên lại bộ Tham trí Trần trạm, ở với cụ sanh được một người con trai là Phan Đình Can, mất sớm, sau lại sanh hạ một người trai nữa.

Hồi cụ cầm quân khởi nghĩa, sớm tối đều có bà truy tùy trong quân, cho tới khi chung cuộc, nên người ta gọi bà là « Cổ nguêc rừng ».

Thi đậu, làm quan

Cụ Phan tướng mạo xấu xa, thuở nhỏ học tới tam đàn độn, song tánh kiên nhẫn cương quyết, thường nói với bạn đồng học rằng :

- Ta học để cổ chiêm cho được khôi nguyên mới nghe.

Khoa thi bính tí (1876) là năm cụ 30 tuổi, cụ đậu Cử nhơn, năm sau 1877, vô kinh thi hội đậu Đình nguyên Tấn sĩ.

Sanh bình, cụ lấy đức thuần phác trung hậu làm gốc sự học, cho nên phát ra văn chương cũng một tâm lý ấy. Tánh cách thật thà mạnh dạn hơn người, điều gì biết thì nói biết, không biết thì nói không biết. Khoa thi đình, đầu bài chính tay vua Tự Đức ra, có vấn đề nào cụ chưa từng nghiên cứu tới, thì trong bài thi, tới chỗ đó, cụ viết ngay rằng : « Sĩ vị tăng độ, bất cảm mạo tầu ».

Đậu rồi, cụ được bổ làm Tri phủ Yên Khánh ở Ninh Bình. Thấy một ông cố đạo người Việt Nam, ý thể tôn giáo, hà hiếp lương dân, cụ không kiên nhẫn ngăn ngại gì, cứ việc hô lính đề cổ ông giáo sĩ đó xuống mà đánh. Ông ấy là Trần Lục, tục gọi là cụ Sáu (Pháp kêu le Père Six), sau được Triều đình phong làm Tuyên phủ sứ, oai quyền lừng lẫy một lúc ở vùng Phát Diệm, Ninh Bình, ai cũng sợ.

Cụ Phan vì cái lỗi đánh một ông cố đạo mà bị Triều đình trị tội, phải triệu về kinh, sung vào viện Đô sát, làm chức Ngự sử.

Năm ấy là năm Tự Đức 31.

Vốn tánh cương cường, cụ nói thẳng ra, mỗi khi gặp việc sai lầm.

Thuở ấy, nhà vua có lập một sở tập bắn ở cửa biển Thuận An, cách xa kinh thành mười bốn cây số, buộc các quan văn võ ở kinh điều phải ra đó tập bắn. Các cụ bắn trật lất thế mà viên chấp sự cũng ghi vào sổ « trúng nhiều ».

Biết sự tồi tệ ấy, quan Ngự sử làm sớ tâu xin vua ngự giá ra cửa Thuận An, để xem các quan tập bắn cho rõ hư thực.

Vua ngự ra xem, thấy các quan tập bắn, 10 phần chỉ có 1, 2 phần trúng mà thôi, ngài châu phê rằng : « Thử sự cửu bất phát, phùng Phùng nãi phát » (việc này lâu nay không có ai phát giác ra, nay gặp Phùng mới phát).

Vua Tự Đức thương cụ là người cương trực, giáng chỉ phái cụ làm quan Khâm mạng ra thanh tra tình hình quan lại ở Bắc kỳ. Cụ đi thanh tra rồi dâng sớ về tâu vua, hạch tội ông Thiếu bảo Nguyễn Chánh, Kinh lược Bắc kỳ, chỉ ôm tiết việt vua ban làm món đồ bày trước mặt cho oai vệ, chớ sự lợi hại của dân gian, thiệt chẳng để tâm gì tới.

Vua Tự Đức giáng chỉ sai cụ thâu lấy tiết việt của Nguyễn Chánh về, không làm cho kinh được nữa.

Ở ngoài Bắc trở về kinh, cụ Phan lại sung chức Ngự sử.

* * * * *

Chiếu theo điều ước ngày tháng 3 năm 1874, nước Pháp có quyền đặt một khâm sứ tại Huế, để giao thiệp với Triều đình ta.

Viên khâm sứ đến đóng ở Huế trước nhất là Rheinart (1875).

Năm 1878, Philastre tới thay, rồi tháng 7 năm 1879, Rheinart lại tới làm khâm sứ lần nữa.

Khoảng năm 1880, vua Tự Đức sai sứ thần đem đồ phương vật sang triều cống vua Thanh nước Tàu và xin Tàu cứu giúp.

Chánh phủ Pháp cho là Rheinart không khéo ngoại giao nên cử Champeaux là người thông hiểu phong tục Việt Nam làm khâm sứ. Song Champeaux cũng không thành công gì hơn Rheinart, rốt cuộc Rheinart lại tới Huế nữa.

Từ năm 1882 trở đi, công cuộc giao thiệp giữa hai nước càng thêm rắc rối. Khi nghe tin quân Pháp hạ thành Hà Nội, triều đình và văn thân càng uất ức, càng không muốn hòa.

Binh bộ Thượng thư là Tôn Thất Thuyết ngầm dự bị để chống quân Pháp, sai cấm cứ ở sông Hương để ngăn giới hạn bên tòa sứ và bên Hoàng thành.

Tình thế càng rắc rối nên đầu năm 1883 Rheinart bỏ Huế vào Sài Gòn.

Vua Tự Đức là vua văn chương minh triết, song bọn tả hữu là hạng tù trưởng cũ rích, gặp buổi vận hội gian nan mà cố chấp mơ màng, chính họ đã dối vua hại nước.

Một viên đại tướng Pháp Le Myre de Vilers, trong bức thư dưng vua Tự Đức có câu rằng :
« Bọn tả hữu của Hoàng thượng đã làm cho Hoàng thượng sai lầm việc nước ».

Lúc bấy giờ, trong dân gian nảy ra lắm người thức thời hữu chí, bày tỏ tâm xin nhà vua mau mau sửa đổi theo Âu Mỹ, nhưng người nào cũng bị các triều thần làm kỳ đà cản mũi, còn kiếm cách hãm hại là khác.

Như ông Nguyễn Trường Tộ tâm xin cải cách theo như Âu châu, và ông Bùi Phụng tâm xin giao thiệp với Mỹ.

Vua Tự Đức họp đình thần bàn xét thi hành chớ người không muốn độc đoán, nhưng các cụ đình thần chỉ sợ người khác tranh công cướp vị của mình nên chỉ các cụ ra sức cản trở nhà vua về việc lo toan cải cách.

Trên thì bà Từ Dụ Thái hậu cấm đoán, dưới quần thần trở ngại trong mỗi công việc thì Tự Đức không thể chủ trương quyết đoán ra thế nào được cả.

* * * * *

Tường, Thuyết chuyên quyền

Vua Tự Đức thăng hạ ngày 19 tháng 7 năm 1883 (ngày 16 tháng 6 năm Quý mùi) di chiếu lập con nuôi lớn của ngài là Dục Đức (con Thoại thái vương) lên làm vua, phó thác việc nước cho Trần Tiểu Thành, Nguyễn Văn Tường và Tôn Thất Thuyết làm Phụ chánh đại thần.

Thuyết họp đình thần bỏ ông Dục Đức, lập Văn lăng công lên làm vua, Kỷ nguyên Hiệp Hòa, ngày 30 tháng 7 năm 1883. Giữa triều, Phan Đình Phùng cả tiếng mắng Thuyết làm việc trái nghịch di chiếu.

Thuyết giam cụ Phan 10 ngày rồi thả ra, song cách hết chức tước, còn Dục Đức thì bỏ chết đói trong ngục.

Thuyết lại sai hai lực sĩ đến tận nhà riêng của Trần Tiểu Thành ở xóm Đông Ba, gạt Thành rằng có chiếu vua đòi, rồi chém chết.

Vua Hiệp Hòa bị Tường và Thuyết áp chế thái quá, âm mưu với cận thần rồi với Khâm sứ Champeaux định giết hai người ấy.

Cơ mưu vua bại lộ, Thuyết họp đình nghị, bắt vua Hiệp Hòa bỏ ngục và bắt ngài uống thuốc độc chết, nhằm ngày 28 tháng 11, năm 1883.

Thuyết lại tôn con ông Kiên thái vương là Ung Đồng, mới có 14 tuổi lên làm vua, tức là vua Kiến Phúc, rồi Tường lại tra thuốc độc vua chết, ngày mùng một tháng tám năm 1884, tôn em ruột vua Kiến Phúc là Ưng Lịch lên làm vua, Kỷ nguyên là Hàm Nghi.

Lúc bấy giờ, mặc dầu người Pháp đã lấy binh lực chinh phục được cả Trung Bắc lưỡng kỳ và chiếu theo điều ước 1884, trào đình nước Nam đã phải nhìn nhận nước Pháp bảo hộ rồi, nhưng mà cuộc bảo hộ mới thực hiện về danh nghĩa chớ về tinh thần thì chưa, vì phần đông dân tâm sĩ khí sôi nổi còn hăng chưa chịu khuất phục.

* * * * *

Vua thua chạy dài

Đêm 19 tháng 5 năm 1885, Thuyết tấn công Trấn bình đài là nơi Pháp đóng binh và bắn sang tòa Khâm sứ.

Sáng ngày 20, bộ binh và thủy binh Pháp phản công một lượt, chiếm kinh thành Huế, Hữu quân đô thống Hồ Hiến phò xa giá ra cửa tây nam chạy lên phía tây, do ngã Kim Luông. Nguyễn Văn Tường theo xa giá, qua đò Kẽ Vạn rồi lên đến Kim Luông. Tường định phò xa giá tạm dừng trong giáo đường đăng báo cho Pháp biết. Hồ Hiến rút gươm muốn chém Tường. Tường hoảng kinh chạy vào nhà thờ không dám ra. Hồ Hiến lật đặt phò vua đến trường thi ở làng La Chữ thì Thuyết theo kịp.

Trưa đến làng Văn Xá, chiều hôm ấy tới Quảng Trị đóng lại hành cung.

Tường ra hàng với Đề Đốc Courcy, nhưng sau bị đày qua Tahiti rồi chết ở đó.

* * * * *

Hạ chiếu cần vương

Vua Hàm Nghi chạy tới Sơn Phòng tỉnh Quảng Trị, hạ chiếu cần vương. Văn thân ứng nghĩa suốt một giải Trung kỳ mãi đến ngoài Bắc, trừ một hạt Thừa Thiên.

Kế Thuyết đem vua chạy lên Bắc Đài là chỗ giáp giới tỉnh Quảng Bình, rồi trèo qua Mai Lĩnh lên Lao Bảo, xuyên đường rừng núi tới Hàm Thao. Rồi định từ đó đi lên Sơn Phòng Hà Tĩnh, nên mới hạ chiếu cho bọn văn thân Hà Tĩnh tiếp giá, nhưng khi nghe quân Pháp đuổi gần tới nơi, thì Thuyết lật đặt đem vua đi chỗ khác.

Tới tháng 10, vua mới lui về đến miền thượng du tỉnh Quảng Bình.

* * * * *

Cụ Phan đầu khi bị cách chức về quê làm ruộng được ít lâu thì Thuyết cả cụ làm Tham biện Sơn phòng tỉnh Hà Tĩnh năm 1884.

Vào khoảng tháng sáu, tháng bảy năm 1885, cụ nghe tin vua Hàm Nghi chạy ra tới miền thượng du tỉnh Quảng Bình, liền phải một ông cử ở trong làng là Phan Cát Su lên miền thượng du tỉnh Hà Tĩnh để đón, dặn rằng khi nào xa giá tới nơi thì kíp về báo cho cụ biết.

Tháng 10 vua Hàm Nghi đến nơi, cụ cùng các bạn đồng chí là Phan Quang Cư, Phan Khắc Hoè, Hoàng Xuân Phong, Ngụy Khắc Kiêu, Phan Trọng Mưu, tới chỗ hành tại bái yết, khóc và tâu rằng :

- Để cho thành tan nước mắt, Thánh thượng mong trần là tội ở lũ thần hạ ; xin Thánh thượng yên lòng, lũ thần hạ nguyện hết sức cần vương cứu quốc, dầu chết cũng không từ, miễn để Thánh thượng sớm hồi cung được.

Vua Hàm Nghi phong cụ làm Tán lý quân vụ, thống tướng các đạo nghĩa binh. Cụ tạ ơn lui ra, cùng ông Thuyết bàn việc quốc gia đại sự.

Thuyết hỏi kế sách tiến hành, cụ bàn thời cuộc khó khăn, nhưng còn trông cậy vào lòng người song phải trừ biện khí giới và cầu cứu viện binh, phải trông cậy vào Xiêm, chớ không vào Tàu.

Cụ lại tính ra Bắc để hiệu triệu cho bọn chí sĩ ngoài ấy hưởng ứng.

* * * * *

Khởi nghĩa binh

Cụ phụng mạng trở về, phát hịch đi khắp nơi kéo cờ khởi nghĩa ngay ở làng cụ là làng Đông Thái.

Trong hịch văn, đại ý cụ nói phụng mạng vua cử nghĩa binh chống cường địch, cứu quốc gia, song đó là việc chung của người làm dân, tự mình cụ không gánh vác nổi vậy xin những bậc anh hùng chí sĩ trong bốn biển chín châu, cùng ra tài ra sức với cụ.

Trong có một tuần, nghĩa sĩ ở các nơi hưởng ứng theo cụ có đến năm, sáu ngàn người, đều thể hết sức theo cụ chỉ huy, liều mình vì vua vì nước.

Cụ bèn lấy ngay nhà cụ ở làm « nghĩa sĩ đường » tụ họp nghĩa quân, làm lễ tuyên thệ, rồi chia binh ra từng đồn từng trại đóng khắp tổng Việt Yên. Đồn trại nào cũng đều có kỷ luật và có thám tử hẩn hoi, sắp đặt điều khiển rất là nghiêm minh.

Nơi địa đầu làng Đông Thái lập một xưởng lớn để đúc súng và chế thuốc đạn, rèn gươm đao. Lúc bấy giờ, anh hùng chí sĩ ở bốn phương về theo cụ rất đông : người trong làng thì Tấn sĩ Phan Trọng Mưu, cử nhân Phan Cát Su, Phan Quang Cư, còn văn thân hai tỉnh Hà Tĩnh và Nghệ An thì có Thám hoa Nguyễn Đức Đạt, Hoàng giáp Nguyễn Quý, Tấn sĩ Nguyễn Xuân Ôn, Đinh Văn Chất, Cử nhân Nguyễn Hành, hai anh em ông Ấm Lê Ninh, ông Phó bảng võ Nguyễn Hạnh, ông Cử nhân Thái Vĩnh Chinh, Cao Đạt ... nhân vậy mà thanh thế của cụ thành ra to lớn.

* * * * *

Hồi đó trong Triều đã lập vua Đồng Khánh em ruột vua Hàm Nghi lên ngôi ngày mồng 6 tháng 8 năm Dậu, ba tháng sau kinh thành thất thủ.

Lúc ấy các tỉnh Trung kỳ, duy có tỉnh Quảng Bình là còn độc lập, còn tỉnh nào cũng từng phục cả, là vì còn đức Hàm Nghi trốn tránh ở đó, nên bọn văn thân dựa vào chủ nghĩa cần vương mà hoạt động mạnh mẽ.

Trận đầu tiên của cụ Phan Đình Phùng ra binh là đánh phá mấy làng có đạo, làng Đình Trường và Thọ Ninh, vì mấy cố đạo chẳng chuyên tâm làm việc tôn giáo lại xen vào việc

chánh trị và ỷ mạnh hiếp người ta. Bọn chúng sai ba tên dân đạo giết hòa hồ trong mình núp trong bụi tre, gần bên trường đúc khí giới của cụ, toan đốt phá cả đồn trại.

Bị nghĩa binh bắt được, chúng khai là cô của chúng sai biểu. Cụ Phan sai chém cả ba rồi hạ lệnh nghĩa quân đang đêm đến vây đánh hai làng Định Trường và Thọ Ninh, song lệnh truyền đánh phá nhà thờ không được xâm phạm nhà dân.

Cổ đạo sai người liều chết cầu cứu với đồn Pháp gần đó. Nghĩa quân đón đầu quân Pháp giao chiến mãnh liệt hai giờ đồng hồ, nhưng vì khí giới kém sút nên thua chạy. Quân Pháp thừa thắng đánh rốc tới Đại đồn Đông Thái đốt phá tan tành. Dân cư bị tử thương và trốn bỏ làng mà đi rất nhiều.

Cụ Phan thu thập tàn quân, an ủi tướng sĩ, rồi kéo quân vào đóng ở đất hai huyện Hương Sơn và Hương Khê, nay ở chỗ này, mai chỗ khác, quân Pháp đánh giệp hao tổn song không được.

Phong trào văn thân lại bùng bột nổi lên tứ phía.

Đầu năm 1886, cụ đóng quân ở làng Phụng Công về huyện Hương Sơn, anh cụ là Phan Đình Thông thì đóng ở huyện Thanh Chương tỉnh Nghệ.

Không ngờ Phan Đình Thông bị tên thủ hạ là Nguyễn Sử làm phản, làm nội ứng, đem quân lính Bảo hộ nửa đêm về bắt sống ông Thông đang ngủ, giải về tỉnh Nghệ bị Tổng đốc Nghệ An là Nguyễn Chính hạ ngục. Nguyễn Chính là người hồi làm kinh lược Bắc kỳ bị cụ Phan hạch tội nên bị vua Tự Đức cách chức, giờ lại được chánh phủ Bảo hộ phục chức cho làm Tổng đốc Nghệ An.

Lúc ấy ông Tiểu phủ sứ Lê Kinh Hạp nguyên trước là bạn thân của cụ Phan, nhưng sau Bảo hộ sai đem quân đánh cụ, thừa dịp anh cụ bị bắt, Hạp gởi cụ một bức thư chữ Hán dịch ra quốc văn như vậy :

« Bác Phan,

« Tôi với bác xa cách bấy lâu nay, tâm tình thương nhớ, chắc cũng bồi hồi như nhau, điều đó không cần chi phải nói.

« Duy có điều phải nói là đôi lúc gần đây tôi đi qua làng Đông Thái, ngó thấy đền thờ cùng là phần mộ các đấng tiên quân bác nghiêng ngả điêu tàn, không ngờ tôi sụt sùi nước mắt mà khóc.

« Này bác Phan ơi ! ngày nay trong họ hàng làng xóm được an hay nguy chỉ can hệ nơi bác, tánh mạng ông anh bác mất hay còn, cũng chỉ can hệ ở nơi bác. Thôi thì tắc lòng trung của bấy tôi đối với vua tới đó bác cũng đã chứng tỏ với quý thân rồi, không lo gì ai chê mình vào đâu được nữa. Còn HIẾU và ĐỂ cũng là cái gốc lớn của đời người ta, có lẽ nào bậc người khoa giáp như bác mà học chưa tới nơi hay sao ?

« Huống chi là nuôi ong tay áo, nọc ở trong mình, tấm gương ấy không phải đâu xa, kỳ thiệt nó sờ sờ ở trước con mắt bác rồi đó.

« Núi Hồng sông Lam có vô số là cảnh non nước tốt đẹp có thể làm nơi vắng vẻ thanh cao cho bác ở để tu dưỡng cái chí tiết của bác được.

« Thôi nên về đi thôi. Tôi xin nói thiệt ».

Cụ Phan tiếp được thư, cười lạt mà rằng :

- Hủ nho hèn nhát, đogn một chút là đem cửa nhà mô mả ra để dọa nạt người ta.

Cụ lại thanh minh cùng chúng tướng rằng cụ chỉ có một ngôi mộ to nên giữ là đất nước Việt Nam, một ông anh rất to là mấy mươi triệu đồng bào. Cụ thề chỉ có một cái chết mà thôi...

Cụ không viết thư trả lời Lê Kinh Hạp, chỉ nhắn kẻ đưa thư về nói lại rằng : « Nếu ai có làm thiệt anh ta, thì nhớ gởi cho ta một bát nước canh ! »

Cụ đóng đồn trong núi, thường dùng cách đánh du kích, chớ chưa đủ sức đương trường đối chiến. Nghĩa binh có giao chiến nhiều trận với quân lính bảo hộ song một là bị kẻ mật thám cho lính bảo hộ để lập công, hai là nghĩa binh chiến trận chưa quen, súng cũ đạn ít nên đương cự không lại.

Năm hợi (1887) cụ nghĩ mình cô lập khó thành công nên quyết ra Bắc kỳ để hiệu triệu văn thân, dặn dò chúng tướng khoan đánh, đợi cụ về.

* * * * *

Vua Hàm Nghi bị bắt

Bị quân Pháp đuổi bắt, vua tôi rày đó mai đây rồi lại tan tác chia lìa : Phạm Thận Duật bỏ về, Hữu quân Hồ Hiến bị bệnh chết, chỉ còn tro tro cha con Tôn Thất Thuyết và Chương vệ Trần Xuân Soạn, cùng mười mấy lính theo hầu.

Tháng 10 năm Dậu (1885) vua tới miền thượng du Hà Tĩnh sau khi hiệu triệu cụ Phan Đình Phùng khởi binh cần vương rồi, ngày 16 tháng ấy, quân Pháp đuổi gấp quá, Thuyết đưa ngài lên Voi Tán, chính là miền trên tỉnh Quảng Bình giáp với xứ Lào, chỗ biên cương này là xứ Mọi, Trương Quang Ngọc làm thổ tù.

Tạm trú đó được ít lâu Thuyết để hai con hầu hạ vua con mình và Trần Xuân Soạn sang Tàu cầu viện.

Vua nương náu ở làng Mọi là Khê-xa-bao được một năm thì bị Trương Quang Ngọc và một đồng đảng là Nguyễn Đình Thanh dắt đại tá Boulanger về, giết thác Tôn Thất Tiết, bắt vua Hàm Nghi đưa xuống pháo thuyền Comète, chạy vào Sài Gòn, rồi sang tàu khác, đem ngài đây nơi xứ Algérie, vào tháng 10 tây năm 1888 (mậu tí), ba năm sau kinh thành thất thủ và sau khi cụ Phan ra Bắc được một năm.

Thuyết sang Tàu, sau chết già ở Long Châu thuộc tỉnh Quảng Tây mà chẳng làm nên công việc gì.

* * * * *

Thượng tướng Cao Thắng

Cao Thắng là cánh tay mặt của cụ Phan trong cuộc khởi nghĩa. Ông là một vị tướng đủ trí dũng ân oai, cơ mưu thao lược người xóm Nhà Nàng, làng Lê Động, huyện Hương Sơn, tỉnh Hà Tĩnh.

Ông con nhà tầm thường, có tướng ngủ đoãn, thuở nhỏ có tập tành nghiên bút, song tánh thích võ nghệ, có người em là Cao Nữu cũng tánh như anh.

Năm giáp tuất (1874) là năm Tỵ Đức thứ 27, Thắng theo giặc Cờ vàng tức là giặc Đội Lựu tại Hà Tĩnh. Không đầy một năm, Đội Lựu chết, giặc Cờ vàng tan, Thắng trốn, may nhờ ông anh thứ hai cụ Phan là ông Phan Đình Thuật mới đậu cử nhơn thương, đem về nuôi. Được 8 năm, ông Thuật mất, Cao Thắng lại về làng ở.

Cuối năm Ất dậu (1885) cụ Phan khởi nghĩa, anh em ông cùng bạn ông là Nguyễn Kiều đem bọn thủ hạ ra xin theo, được cụ phong cho lma chức Quản cơ. Năm ấy ông mới 20 tuổi.

Sau khi cụ Phan ra Bắc, các tướng sĩ đều giải tán, duy còn ông cùng mấy người anh em đồng chí là Cao Nữu, Cao Đạt và Nguyễn Niên thâm tàng quân về ẩn trong rừng núi thuộc làng Lê Động là làng của ông, để mưu cách khôi phục.

Lúc này, bạn thân của ông là Nguyễn Kiều đã chết rồi.

Ông bắt cóc nhà giàu, nhà buôn, cho chuộc lấy tiền giúp việc binh, lại bắt cóc thợ rèn hai làng Trung Lương và Vân Trảng, thuộc huyện Can Lộc tỉnh Hà Tĩnh, dẫn về làng Lê Động, trong một khu rừng sâu để đúc súng, đúc một tháng trời được 200 khẩu súng hạt nổ của ta hồi xưa.

Quân lính thì ông mộ thêm được 400 người, chia làm hai đội.

Ông nghĩ muốn đánh với quân Pháp phải có khí giới như họ mới được, ông ước ao có một khẩu súng tây để ăn cắp kiếu. Ông đang thắc mắc về vấn đề ấy, thì, may sao có người nghĩa sĩ hiền kế ông phục kích giết 15 tên lính tập và hai tiểu tướng Pháp lấy được 17 khẩu súng và 600 viên đạn.

Làm luông mấy tháng ròng rã, được cả thảy 350 khẩu súng giống y súng tây. Duy có thuốc đạn thì còn phải dùng thuốc ta mà thôi.

Súng đạn có, lương tiền dồi dào, quân lính cũng được 1000 người, Cao Thắng sai người tâm phúc ra Bắc hà rước cụ Phan về.

Phong trào võ lực phản đối ở ba tỉnh Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Bình đã yêm hơi vắng tiếng ít lâu, giờ lại âm âm nổi lên và kéo dài được mấy năm.

Một võ quan Pháp có dự vào cuộc đánh dẹp ở Nghệ Tĩnh hồi bấy giờ là Đại úy Gosselin, về sau viết ra quyển sách « Nước Nam (Empire d'Annam) nơi trang 313, có đoạn nói về Phan Đình Phùng đại khái như vậy :

« Cuộc biến loạn của Phan Đình Phùng cầm đầu tràn lan rất mau và có thịnh thế lớn, đánh bại những đám phản đối nổi lên về trước không thấm vào đâu.

« Nhưng vì phương lược cai trị, vả lại cũng không muốn làm xôn xao kinh hải dư luận bên tây, cho nên ở đây người ta răn giấu nhem được chừng nào càng hay, không nói rõ cho bên tây biết.

« Lúc đó, người chủ tướng khởi binh cầm đầu cả bốn tỉnh miền Bắc nổi lên đánh lại với binh ta, chúng tỏ ra một người có tài năng tổ chức lạ lùng (doué d'un extraordinaire talent d'organisateur) lại thêm ông ta có cái địa vị là đậu Đình Nguyên, thành ra nhân dân quy phục hết thảy, vì dân này vốn trọng học vấn và kính mộ danh nho.

« Té ra từ trước tới đây chúng ta không hay, Phan Đình Phùng biết sắp đặt tập rèn quân lính ông ta theo như kỷ luật và chính pháp của Âu châu ; cho quân lính mặc y phục giống hệt một thứ với lính tập bốn xứ của ta, lại mang khí giới là súng kiểu 1874 do ông ta bí mật chế tạo lấy rất nhiều, nhưng chết tạo ở chỗ nào không ai biết, tới nay chúng ta chẳng hề tìm ra.

« Tôi có đem nhiều khẩu súng đó về tận bên tây ; xem nó giống đủ mọi vẻ như súng của các xưởng binh khí nước ta chế tạo, đến đổi tôi đưa cho các quan binh pháo thủ ta xem, các ông phải sửng sốt lạ lùng, chỉ hiềm vì nó khác với kiểu súng ta có hai chỗ này thôi : ruột gà không đủ sức mạnh và trong lòng súng không có xẻ rãnh (rayures) ; vì đó mà đạn bắn ra không xa không mạnh nhiều. Tuy vậy mặc dầu, những súng đó đã từng bắn chết hết bọn lính khổ xanh, cùng là cai đội tây và lính tập, vì thật ra lúc bấy giờ chỉ có lính khổ xanh ra xông pha đánh giết đám loạn nầy, ta phải nói rằng lính ấy họ xuất lực thành công một cách vẻ vang ».

* * * * *

Sở dĩ cụ Phan chủ chiến và chiến đến cùng là vì ::
trên có mạng vua,
dưới có lòng người,
thề đến chết mới thôi.

Cụ ra Bắc cốt để hiệu triệu chí sĩ ngoài Bắc nổi lên làm thanh thế cho cụ. Hồi ấy, phong trào văn thân ở ngoài Bắc cũng lớn lắm, tràn khắp ra hầu hết các tỉnh, nhứt là tỉnh Hải Dương, Nam Định, Bắc Ninh, Sơn Tây... Nhưng trong đó phần nhiều là giặc cỏ nên không đối địch được với Pháp.

Cụ Phan thấy thế lấy làm chán nản, biết rằng văn thân Bắc hà không đủ cho cụ nương dựa được bèn giả làm một ông đồ nghèo, ngồi dạy học một nhà làm ruộng tại huyện Thạch Thất tỉnh Sơn Tây.

Cụ ở Sơn Tây nhưng vẫn thường có thơ từ giao thiệp với anh em văn thân ở hạt Đông Triều tỉnh Hải Dương hồi đó, là gốc cách mạng ở ngoài Bắc.

Cụ vật sắc được một bậc hào kiệt là ông Hoàng Hoa Thám, tức là Đề Thám, khuyến khích Thám nên gấp khởi nghĩa ở Bắc kỳ.

Được mật thơ của Cao Thắng, tức khắc cụ sửa soạn lên đường, đi đường biển mà về. Ghe vô tới bến làng Ngân Xá ở chum núi Hồng Sơn, gần chợ Chế thuộc huyện La Sơn.

Núi Vụ Quang

Cao Thắng đem quân nghinh tiếp cụ tại đây, đón rước cụ về tạm đóng trên mấy trái núi Trùng Khê, Tri Khê ở huyện Hương Khê.

Nghe tin, tướng sĩ cũ lai tập đông đảo.

Cụ hay nguyên nhân vua Hàm Nghi bị bắt là do Trương Quang Ngọc báo tây về bắt ngài, tức thời cụ điểm binh thân hành lên đất Mọi bắt tên Ngọc ra chém đầu, và khám xét trong nhà nó thấy một cây bửu kiếm của vua Hàm Nghi.

Hào kiệt hữu danh ở tỉnh Hà Tĩnh như Ngô Quảng, Nguyễn Cáp, Vũ Phát, và Thanh Hóa thì Cầm Bá Thước, đều đem quân về, để theo cụ sai khiến.

Cụ lựa nơi hiểm yếu đóng đồn, là núi Vụ Quang, tức gọi là Ngàn Trươi, một khu rừng núi thật là hiểm hóc, có thể dòm được tỉnh thành Hà Tĩnh, đằng sau có lối bí mật qua đất Lào mà sang Xiêm, một con đường nhỏ nữa thì thông qua núi Đại Hàm.

Từ Vụ Quang tới Trung Khê Trí Khê dài gần một trăm dặm, bây giờ đều có đồn trại của nghĩa binh.

Cụ Phan chia nghĩa quân thông thuộc trong tay cụ ra 15 thứ, mỗi thứ có từ 100 đến 500 quân, còn ở đại đồn Vụ Quang, thì lúc nào cũng có 500 quân, toàn là quân tay súng kiểu mới và luyện tập bắn giỏi. Có 20 thân binh tử sĩ thường trực bên mình cụ để hộ vệ và truyền lệnh đi các đồn trại. Một viên kiện tướng của cụ là Nguyễn Mục làm Thống tướng đội quân tử sĩ ấy, cụ Phan đi đâu cũng đi theo từng bước.

Về vấn đề lương thực thì mỗi mẫu ruộng đóng góp cho nghĩa binh một đồng bạc mà thôi. Dân sự vui lòng đem sản vật và lúa gạo cung cấp cho nghĩa binh được dồi dào.

Trên núi Vụ Quang, lại có một trường chế tạo súng đạn đêm ngày. Về thuốc để làm đạn thì cụ cho người tâm phúc mạo hiểm đi đường tắt trong núi rừng qua Lào rồi sang Xiêm mua về.

Giữa năm Kỷ sửu (1889) Tôn Thất Thuyết ở bên Tàu viết thư sai gia nhân trung tín là Trần Thế đem về, khen cụ và phong cụ là Bình trung tướng quân, khuyên cụ lấy đức liêm chánh công bình mà đồ việc lớn.

Nhân có bức thư và mấy lời của Thuyết ân cần nên chi cụ Phan viết câu liên này dán ở đại đồn, giữa nghị sự đường

*Liêm bình khâm tướng huân,
Ưu nhục tấm thần tâm.*

Quân thế, binh lực của cụ càng ngày càng mạnh, văn thân võ sĩ xa gần kéo về qui phục để vâng cụ tiết chế.

Cụ sai anh em Cao Thắng Cao Nữu hoạt động phía ngoài, để trừ biện binh lương rèn tập chỉ biểu các quân thứ.

Anh em họ Cao đánh lính Bảo hộ nhiều trận làm họ kim tâm tán đởm.

Chánh phủ Bảo hộ thấy phong trào văn thân của họ Phan tràn lan to lớn, bèn sai các ông Lê Kinh Hạp, Phan Huy Quân, Thái Văn Trung trước sau làm tiểu phủ sứ hiệp với lính tập và binh tây đi đánh giặc, song hao tổn mấy năm mà không giặc được.

Nhơn sĩ ở Thanh Nghệ, Tĩnh Bình tặng cụ Phan huy hiệu là « Sơn trung tể tướng ».

* * * * *

Để vây bọc và tiêu trừ nghĩa quân Phan Đình Phùng, quân Pháp đặt ba chỗ đóng đại binh.

Thứ nhất là đồn Minh Cầm và đồn Thuật Bài ở mạn Gianh (Linh Giang) thuộc tỉnh Quảng Bình.

Đồn này do Đại úy Monteaux lập từ năm 1887 hồi vua Hàm Nghi còn ở Quảng Bình mà bọn cự thần như Lê Trực Nguyễn Phạm Tuân và con của Tôn Thất Thuyết là Tôn Thất Đạm, đang khởi binh cần vương có thể lực mạnh. Còn ở Hà Tĩnh thì đảng Phan Đình Phùng.

Sau khi vua Hàm Nghi bị bắt thì Lê Trực ra hàng, Nguyễn Phạm Tuân và Tôn Thất Đạm tự tử, chỉ có họ Phan ở Hà Tĩnh còn, cho nên quân Pháp đóng ở Minh Cầm là cốt ngăn đàng sông Gianh, không cho phong trào nghĩa đồng tràn vào đến Huế.

Thứ hai là ở tỉnh thành Hà Tĩnh và Nghệ An, quân Pháp đóng trọng binh để tuyệt đường không cho cụ Phan giao thông với Bắc kỳ.

Đồn thứ ba là đồn Linh Cầm, gần ngay bên làng Đông Thái, chặn ngay đầu con đường một mặt lên Ngàn Trươi, một mặt lên Đại Hàm là nơi căn bản của cụ Phan.

Mấy nơi trọng yếu khác, quân Pháp cũng đóng vô số đồn.

Năm 1886, Paul Bert qua làm Toàn quyền, không muốn dùng sức đại binh, e náo động lòng người bên Pháp, nên chỉ phái quan binh tây làm đầu đem lính tập Việt Nam đánh giặc văn thân mà thôi.

Nhưng cụ Phan không muốn sát hại đồng bào nên truyền lệnh bắt đết dĩ mới bắn giết lính tập.

* * * * *

Một hôm, các tướng đem binh ra ngoài có việc, trong đại đồn chỉ còn có 20 thân binh mà có 14 khẩu súng, chợt có hơn 100 quân của Bảo hộ, gồm có mấy viên cai đội Pháp, còn thì lính tập, tuần tiểu tới nơi.

Cụ định tháo đi ngõ sau núi Vụ Quang để tránh, song lãnh binh Nguyễn Mục bàn nên làm kế nghi binh và nhờ thế núi mà phục kích quân Bảo hộ.

Quả thật, tướng là xuất kỳ bất ý đánh phá đại đồn nghĩa quân và có khi bắt được cụ Phan nữa, chẳng ngờ lính tập và lính Pháp vừa leo tới giữa núi, thì bị phục kích dữ dội, một viên trung úy bị thương nặng, quân Bảo hộ rối loạn chạy xuống vừa tới chơn núi thì bị toán nghĩa binh tiếp ứng ở Khê Thứ đến nơi, và Cao Thắng dẫn 200 quân ở ngoài về, hai đội hiệp nhau, lính Bảo hộ một lúc bị tấn công cả hai mặt, chết nằm ngổn ngang, chỉ một số ít tẩu thoát được, bỏ súng đạn và lương thực lại rất nhiều

Bắt Tuần phủ Đinh Nho Quang

Mấy lúc ban đầu, sau khi quân Pháp chiếm cứ đặng xứ này rồi thì dùng đám quan lại và sĩ phu quy thuận đứng làm trung gian để bày tỏ lợi hại với dân và thấu phục dân tâm.

Trong đám ấy, có những người khuất phục thời thế song có dạ thương dân, giúp đồng bào, trái lại có bọn người thấp hèn tàn nhẫn, lợi dụng quyền thế áp bức dân chúng, hoặc thừa nước đục thả câu, trong bọn này Tuần phủ Đinh Nho Quang là một.

Đinh là người huyện Hương Sơn tỉnh Hà Tĩnh, có tiếng là một tay danh sĩ, nguyên trước làm Tuần phủ Hà Tĩnh. Sau về hưu rồi, Pháp vời ra cho sung vào công việc tiêu phủ các đảng văn thân.

Đinh vốn là bạn thân với cụ Phan, nếu không tán thành việc làm của cụ thì cũng nên đứng trung lập, song lại phò tây mà đánh văn thân lại khinh rẻ cụ Phan và ý thể đi tiểu « giặc » mà hành hạ dân gian rất là tàn ác.

Đinh có viết cho cụ Phan một bức thư, khuyên cụ hàng mà lời lẽ rất là ngạo mạn, trong có một câu rằng :

« Ông chỉ nằm bẹp ở trong núi, không chịu ra hàng, để ban đêm thì làm hùm làm beo, còn ban ngày thì làm chồn làm cáo, tưởng không phải là kẻ vững bền được đâu ».

Cao Thắng vâng lệnh cụ Phan lập kết bắt được Đinh đem về. Cụ Phan dạy Đinh một bài học ái quốc và luân lý rồi bảo phải giúp nghĩa binh sáu bảy ngàn đồng sẽ được thả ra.

Cụ truyền lệnh giam Đinh đồn ngoài, Đinh chờ bốn tháng không thấy lính bảo hộ lên giải cứu, phải viết thư về người nhà đem nạp nghĩa binh bốn ngàn đồng. Nhưng chưa đủ số nên Đinh vẫn còn bị giam ; mãi sau, quân bảo hộ đánh phá được đồn ngoài, Đinh mới được giải thoát.

Cao Thắng bỏ mình

Trong lúc nghĩa quân đang có thế mạnh thì bỗng xảy ra một cái tang đau đớn rất thiệt hại cho nghĩa quân.

Cao Thắng nghĩ rằng nếu giữ mãi một chỗ đã chẳng ích gì, lại bị quân Pháp bao vây, tất có ngày hư đại cuộc, vậy phải tấn công, và xin với cụ Phan cho đi đánh tỉnh Nghệ trước.

Ông chia quân làm hai đội, ông và Nguyễn Niên đi tiên phong, còn em ông là Cao Nữ dẫn một nửa làm hậu đội.

Từ Vụ Quang về tỉnh Nghệ có nhiều đồn trại của lính bảo hộ, ông đã đánh lấy được mấy đồn. Ông kéo quân đến một đồn kia gọi là đồn Nỏ do tên Phiến, làm quan Một, thủ đồn. Ban đêm, ông đi trước tấn công đồn, bị một viên đạn trúng bụng, ngã ra, nghĩa quân cũng ông chạy đến mấy chục dặm, bỏ ông xuống thì ông đã mê man vì viên đạn xuyên qua mạn mở đau quá, vô phương cứu chữa. Mấy giờ sau thì ông mạng chung, khi ấy nhằm tháng 10 năm quý tỵ (1893) ông mới có 29 tuổi.

Bộ hạ ông đưa tin chẳng lành về Ngàn Trươi, cụ Phan khóc lóc kêu gào rất thảm thiết, ba quân ai nấy đều rơi lụy.

Mắt Cao Thắng, cụ Phan như gãy cánh tay mất. Thực lực của nghĩa quân, vì mắt Cao Thắng cũng suy giảm lần lần.

Khi quan tài của Cao Thắng đưa về tới đại bản dinh, cụ Phan mặc tang phục ra đón tại cửa ngoài, hai tay vỗ vào quan tài mà khóc, tướng sĩ cũng khóc như mưa.

Chính tay cụ viết hai câu ai liền đề thờ Cao Thắng :

Câu thứ nhất :

*Vị tiếp tiên tử, thiên ý vị hà,
Hữu chí phát thành, anh hùng dĩ hĩ.*

Câu thứ hai :

*Công cầu tất thành, kích tiếp thế tảo thanh quốc tặc,
Sự nan dự liệu, cứ yên tích dĩ thiếu tư nhân.*

Cụ sai ông Võ Phát (tục gọi là Bang Nhu, đóng quân ở hạt Kỳ Anh, sau thất trận bị bắt rồi bị chém tại kinh), soạn một bài văn tế bằng quốc âm. Ngày đại táng, cụ thắp nhang thân tế Cao Thắng ba tuần, rồi bùng mặt khóc.

Văn tế như vậy :

Than rằng :

*Thanh bừu kiếm mười năm sẵn có, đáng anh hùng đòi mãi mãi chưa thôi,
Ánh hung trường một phút như không, con tạo hóa ghét ghen chi lắm thế !
Nghĩa đồng ưu tướng lại luống đau lòng,
Tình vãng điệu nghĩ càng thêm rơi lệ.*

Nhớ Tôn linh :

Hào kiệt ấy tài,

Kinh luân là chí ;

Vén mây nửa gánh giang sơn,

Võ cánh bốn phương hồ thi.

Gặp quốc bộ đang cơn binh cách, nghĩa giúp vua chung nỗi ân ưu,

Bỏ gia đình theo việc nhung đao, lòng đánh giặc riêng phần lao tụy ;

Địa bộ muốn theo dòng Nhạc Mục, thét hung bào từng ghê trận oai linh,

Thiên tài toan học chước Võ hầu, chế sủng đạn biết bao chừng cơ trí,

Ơn quân tướng Đồng nhung vãng mạng, cảm ân quan phong.

Tước triều đình Chương vệ gia phong kéo cờ tân chế ;

*Nhưng chắc rằng : ba sanh có phước, hăm hờ mài gươm chuốt đá, chí khuông phò không phụ
với quân vương.*

*Nào ngờ đâu ! một sớm không chừng, mơ màng đạn lạc tên bay, trường chiến đâu biết đâu là
số hệ ;*

*Trong ba kỷ xuân thu chưa mấy, trên yên ngựa đòi phen roi thét, trọng cương thường
quyết mở mặt nam nhi,*

*Ngoài mười sương, sự nghiệp biết chừng nào, trước cửa viên bồng chốc sao sa, thu lĩnh
phách vội cướp công tráng sĩ,*

Non thiên phận phát phơ hơi gió thổi, thương người tiết nghĩa ngậm ngùi thay.

Nước tam thoa thấp thoáng bóng trăng soi, nhớ kẻ trung trinh ngao ngán nhẽ,

Thà chết nữa song tay địch khái, theo về tổ phụ ấy cùng vinh.

Kìa sống như mấy kẻ hàng di, ở với tỉnh chiền càng thêm bậy.

Nay nhân :

Chung thất tới tuần,

Thức sô dăng lễ

Chén rượu thoảng bay mùi chánh khí, trước đình đều đủ mặt quan liêu,

Nén hương nghi ngút khói bạch vân, dưới án đưa chen hàng cơ vệ.

*Chua xót thay, hai già tuổi tác, ngọt bùi cậy tay em thay đỡ, khối tâm tình chưa thoát côi
hoàng tuyền,*

*Cám cảnh thay đàn trẻ thơ ngây, ân cần nhờ công vợ dạy nuôi, may di phúc lại nẩy ngành
đan quế ;*

Tinh hồn ví dầu thanh sáng, hộ phen nầy cho tướng mạnh quân bền,

Linh hồn nếu có khôn thiêng, rồi ngày khác lại sắc phong điện tế,

Thôi ! Thôi !

Cửa tia lầu vàng đành kẻ khuất, đem thân bách chiến, để tiếng thơm cho tỏ mặt anh hùng.

Súng đồng gương bạc mặc người còn, truyền lệnh ba quân, hét hơi mạnh để xây nền bình trị.

Thương ôi là thương,

Kể sao cho xiết.

* * * * *

Hoàng Cao Khải dụ hàng

Mặc dầu Cao Thắng đã thác, binh Cao Thắng mới thua, song thanh thế nghĩa quân vẫn còn sung túc oanh liệt, cho nên những tiểu phủ sứ Lê Kinh Hạp, Phan Huy Nhuận, Đinh Nho Quang trăm mưu ngàn kế, song nghĩa quân vẫn cứ đôi lữ giao phong.

Cho được thành công để dặng tăng tước vị bổng lộc, bọn ấy mới tìm cách chặt vây cánh của văn thân, đàn áp khốc liệt những kẻ ngầm ngầm giúp đỡ nghĩa quân.

Họ lại dờ thủ đoạn vô cùng hèn hạ là họ quật mả tổ tiên cụ Phan tại làng Đông Thái, đem về để tại tỉnh thành Hà Tĩnh, nhằm khoảng tháng 9 năm Giáp ngọ (1894), lại bắt giam nhiều người thân tộc của cụ Phan nữa.

Trong ý họ tin chắc rằng khai quật phần mộ rồi sai người chiêu hàng, thì thế nào cụ Phan cũng phải vì đạo hiếu vì việc nhà mà quăng gương qui hàng.

Và người hạ bút viết bức thư khuyên cụ ra hàng, chính là người đồng hương với cụ, lại có tình thông gia với nhau nữa, ông Hoàng Cao Khải, lúc ấy làm Bắc kỳ kinh lược sứ, rất là hiển hách.

Cuối tháng 10 năm Giáp ngọ, Hoàng viết thư rồi sai em vợ mình vừa là anh nhà bác của cụ Phan là Phan Văn Mân đem lên núi Vụ Quang.

Cụ xem thư thờ dài :

- Thôi thì quyết làm công việc của vua ủy thác, dân trông mong, cho tới cùng, dầu sấm sét búa rìu cũng không làm cho tôi thay đổi chí hướng được.

Cụ viết thư trả lời trao cho Mân đem về, dặn bảo đừng lên nữa.

Bức thư của Hoàng Cao Khải :

« Đồng ấp Phan Đình nguyên đại nhân túc hạ,

« Tôi với ngài xa cách nhau, xuân thu đắp đổi trải đã mười bảy năm nay rồi. Dầu bề cuộc đời, bắc nam đường bụi, tuy là mỗi người đi một ngã khác nhau, nhưng mà trong giấc mộng hồn vẫn thường thấy nhau không phải xa xôi gì. Ngồi nghỉ lại ngày trước ở chôn quê hương giao du với nhau, cái tình ấy đậm thắm biết là dường nào !

« Từ lúc ngài khởi nghĩa đến giờ, nghĩa khí trung can, đều rõ rệt ở tai mắt người ta. Tôi thường nghe các quý quan nói chuyện đến ngài, ông nào cũng phải thở than khen ngợi và tỏ ý kính trọng ngài lắm. Xem như thế thì tấm lòng huyết khí tôn thân, tuy là người khác nước cũng chung một tâm tình ấy thôi, không phải là người cùng thanh khí với nhau mới có đâu.

« Ngày kinh thành thất thủ, xe giá nhà vua bôn ba, mà ngài mạnh mẽ đứng ra ứng nghĩa, kể sự thế lúc bấy giờ, ngài làm vậy là phải lắm, không ai không nói như thế. Song le, sự thế gần đây đã xoay đổi ra thế nào, thử hỏi việc đời có thể làm được nữa, dầu kẻ ít học thức, kém trí khôn cũng đều trả lời được. Huống chi như ngài lại là bậc người tuấn kiệt chẳng lẽ không nghĩ tới đó hay sao ? Tôi trộm xét chủ ý của ngài, chắc cũng cho rằng : ta cứ làm theo việc ta phải biết, cứ đem hết tài năng ta có, một việc nên làm mà làm là ở nơi người, còn nên được hay không nên là ở nơi trời, ta chỉ biết đem thân này hứa cho nước đến chết mới thôi. Bởi thế cho nên ngài cứ việc làm tới cùng, không ai có thể làm biến đổi cái chí ấy đi được.

« Có điều tôi thấy tình trạng ở chôn quê hương chúng ta gần đây, lấy làm đau lòng hết sức. Nhân đó, tôi thường muốn đem ý kiến hẹp hòi, đề nghị cùng lượng cao minh soi xét ; nhưng mấy lần mở giấy ra rồi, mài mực xong rồi, đã toan đặt bút xuống viết rồi lại gác bút thờ dài, không sao viết được. Vì sao ? Vì tôi liệu biết can tràng của ngài cứng như sắt đá không thể lấy lời nói mà chuyển động nổi. Đã vậy mà lại khác tình khác cảnh xa mặt xa lòng, vậy thì lời nói của tôi, chắc gì thấu tới nơi ngài chẳng nữa, đã chắc gì lọt vào tai ngài chịu nghe giùm cho, chẳng qua chỉ để cho cổ nhân cười mình là thằng ngu thì có.

« Nay nhân quan Toàn quyền trở lại đem việc ở tỉnh ta ra bàn bạc với tôi, có khuyên tôi sai người đến ngõ ý cùng ngài biết rằng, ngài là bậc người hiểu biết nghĩa lớn, dầu không bận lòng tưởng nghĩ gì đến thân mình nhà mình đi nữa, thì cũng nên tưởng nghĩ cứu vớt lấy dân ở trong một địa phương mới phải. Lời nói đó, quan Toàn quyền không nói với ai, mà nói với tôi, là vì cho rằng : tôi với ngài có cái tình xóm làng cố cựu với nhau, chắc hẳn tôi nói ngài nghe được, vậy có lẽ nào tôi làm thinh không nói.

« Ngài thử nghĩ xem : quan Toàn quyền là người khác nước, muôn dặm tới đây, mà còn có lòng băn khoăn lo nghĩ tới dân mình như vậy thay, huống chi chúng ta sanh đẻ lớn khôn ở đất này, là đất của cha mẹ tôn tộc ở đó, có lý đâu mình làm lơ đánh đoạn, thì trăm năm về sau, người ta sẽ bảo mình ra làm sao ? Ôi ! Làm người trên phải có lòng thương yêu dân làm cốt, chưa từng có ai không biết thương dân mà bảo là trung với vua bao giờ. Việc của ngài làm từ bấy lâu nay, bảo rằng trung thiết là trung, song dân ta có tội gì đâu mà vương phải nông nổi làm than thế này là lỗi tại ai ? Nếu bảo là đã vì thiên hạ thì không thiết chi tới nhà nữa cũng phải, nhưng một nhà của mình đã vậy, chớ còn bao nhiêu nhà ở trong một vùng cũng bỏ đi cả, sao cho đang tâm. Tôi nghĩ nếu như ngài cứ khăng khăng làm tràn tới mãi, thì e rằng khắp cả sông Lam núi Hồng đều biến thành hồ cả hết thủy, chớ không phải chỉ riêng lo ngại cho cây cỏ một làng Đông Thái chúng ta mà thôi đâu. Đến nỗi để cho quê hương điêu đứng xiêu tán, tưởng chắc bậc người nhân nhân quân tử không lấy gì làm vui mà làm thì phải.

« Tôi suy nghĩ đắn đo mãi, vụt lấy làm mừng rỡ mà nói riêng một mình : - Được rồi, lời nói đó tôi có thể đem ra nói cho ngài nghe lọt tai, để xin ngài chỉ bảo cho biết như vậy có phải hay không.

« Tuy nhiên, sự thế của ngài, như cỡi trên lưng cọp đã lỡ rồi, bây giờ muốn bước xuống, nghĩ ngài khó khăn biết bao ?

« Nếu như tôi không có chỗ tự tin chắc được mình, thì quyết không khi nào dám mở lời nói liệu lĩnh để mang lụy cho cổ vấn về sau. Nhưng may là tôi với quan Toàn quyền, vốn có tình quen biết nhau lâu, lại với quan khâm sứ ở kinh, và quan Công sứ Nghệ Tĩnh, cùng tôi quen thân hiệp ý nhau lắm, cho nên trước kia Trần Phiên sứ (tên là Khách Tiến, làm Tuần phủ nên gọi là Phiên sứ) Phan Thị Lang (Tên Huy Nhuận) cũng là chỗ thân trong tỉnh trong làng hoặc bị tội nặng, hoặc bị xử đày rồi, thế mà tôi bảo toàn cho hai ông ấy đều được yên ổn vô sự. Lại như mới rồi, ông Phan Trọng Mưu ra thú, tôi dẫn đến yết kiến các đại hiền quy quan, thì các ngài cũng tiếp đãi trân trọng như đãi khách quý, và tức thời điện về tỉnh nhà, bắt trả lại mồ mả và tha cả ba con về, như thế tỏ ra nhà nước Bảo hộ khoan dung biết chừng nào ! Cứ xem vậy đủ biết lẽ ấy lòng ấy, dầu là người ngàn dặm xa nhau, vẫn là giống nhau vậy.

« Bây giờ, nếu ngài không cho lời tôi nói là dông dài, thì xin ngài đừng có ngăn ngại một điều gì khác hết, tôi không khi nào dám để cho cổ nhân mang tiếng là người bất tri đầu.

**Hoàng Cao Khải
đón thư**

Bức thư cụ Phan trả lời

« Hoàng quý đài các hạ,

« Gần đây, tôi vì việc quân, ở mãi trong chốn rừng rú, lại thêm lúc này tiết trời mùa đông, khí hậu rét quá, nông nổi thiệt là buồn tênh. Chợt có người báo có thư của cổ nhân gửi lại. Nghe tin ấy, không ngờ bao nhiêu nỗi buồn rầu lạnh lẽo, tan đi đâu mất cả. Tiếp thư, liền mở ra đọc : trong thư cổ nhân chỉ bảo cho điều họa phước, bày tỏ hết chỗ lợi hại, đủ biết tấm lòng của cổ nhân, chẳng những muốn mưu sự an toàn cho tôi thôi, chính là muốn mưu sự yên ổn cho toàn hạt ta nữa. Những lời nói gan ruột của cổ nhân tôi đã hiểu biết, cách nhau muôn dặm tuy xa, nhưng chẳng khác gì chúng ta được ngồi cùng nhà nói chuyện với nhau vậy.

« Song le, tâm sự về cảnh ngộ của tôi có nhiều chỗ muôn vàn khó nói hết sức. Xem sự thế thiên hạ như thế kia, mà tài lực tôi như thế này, y như lời cổ nhân đã nói thân con bộ ngựa là bao mà dám dơ cánh tay lên muốn cản trở cỗ xe sao nổi không biết ; việc tôi làm ngày nay, sánh lại còn quá hơn nữa, chẳng phải như chuyện con bộ ngựa đưa tay ra cản xe mà thôi.

« Nhưng tôi ngẫm nghĩ lại, nước nhà mình mấy ngàn năm nay, chỉ lấy văn hiến truyền nối nhau hết đời này qua tới đời kia, đất nước chẳng rộng, quân lính chẳng mạnh, tiền của chẳng giàu, duy có chỗ ỷ thị dựa nương để dựng nước được, là nhờ có cái gốc vua tôi cha con theo năm đạo thường mà thôi. Xưa kia nhà Hán, nhà Đường, nhà Tống, nhà Nguyên, nhà Minh bên Tàu, bao nhiêu phen lắm le muốn chiếm lấy đất ta làm quận huyện của họ mà vẫn chiếm không được. Ôi ! nước Tàu với nước ta, bờ cõi liền nhau, sức mạnh hơn ta vạn bội, thế mà trước sau họ không thể ỷ mạnh mà nuốt trôi nước ta được, nào có vì lẽ gì khác đâu, chẳng qua non sông nước Nam tự Trời định phận riêng hẳn ra rồi, và cái ơn huệ thi thơ lễ nghĩa vốn có

chỗ đủ cho mình có thể trồng cây dựa nương lắm vậy. Đến nay, người Pháp với mình, cách xa nhau không biết là mấy muôn dặm họ vượt bể lại đây, đi tới đâu như là gió lướt tới đó, đến nỗi nhà vua phải chạy, cả nước lao xao, bỗng chốc non sông nước mình biến thành bờ cõi người ta, thế là trọn cả nước nhà dân nhà cùng bị đắm chìm hết thấy, chớ có phải riêng một châu nào hay một nhà ai phải chịu cảnh lầm than mà thôi đâu.

« Năm Ất Dậu, xe giá thiên tử đến Sơn Phòng Hà Tĩnh, giữa lúc đó, tôi đang có tang bà mẹ chỉ biết đóng cửa cư tang cho trọn đạo, chớ trong lòng há dám mơ tưởng đến sự gì khác hơn. Song, vì mình là con nhà thế thần cho nên đôi ba lần đức Hoàng thượng giáng chiếu vọi ra không lẽ nào có thể từ chối, thành ra tôi phải gắng gổ đứng ra vâng chiếu không sao được. Gần đây Hoàng thượng lại đoái tưởng lựa chọn tôi mà giao phó cho việc lớn, ủy thác cho quyền to, ấy mạng vua ủy thác như thế, nếu cố nhân đặt mình vào trong cảnh như tôi, liệu chừng cố nhân có đành chối từ trốn tránh đi được hay là không ?

« Từ lúc tôi khởi nghĩa đến nay, đã trải mười năm trời, những người đem thân theo việc nghĩa hoặc là bị trách phạt, hoặc là bị chém giết, vậy mà lòng người trước sau chẳng hề lấy thế làm chán nản ngã lòng bao giờ ; trái lại, họ vẫn ra tãi ra sức giúp đỡ cho tôi, và lại số người mạnh bạo ra theo tôi càng ngày càng nhiều thêm mãi. Nào có phải người ta lấy điều tai vạ hiểm nguy làm sự sung sướng thềm thường mà bỏ nhà dân thân ra theo tôi như vậy đâu, chỉ vì họ tin cậy lòng tôi, lượng xét chí tôi, cho nên hăm hở vậy đó thôi. Ấy lòng người như thế đó, thế như cố nhân đặt mình vào cảnh của tôi liệu chừng cố nhân có nỡ lòng nào bỏ mà đi cho đành hay không ?

« Thưa cố nhân, chỉ vì nhân tâm đối với tôi như thế, cho nên cảnh nhà tôi đến nỗi hương khói vắng tanh, bà con xiêu dạt, tôi cũng chẳng dám đoái hoài. Nghĩ xem kẻ thân với mình mà mình còn không đoái hoài, huống chi là kẻ si ; người gần với mình mà mình còn không bao bọc nổi, huống chi người xa. Và chẳng hạt ta đến nỗi đổi điều đứng lầm than quá, không phải riêng vì tai họa binh đao làm nên nông nổi ở đâu. Phải biết quân Pháp đi tới, có lũ tiểu nhân mình túa ra bày kế lập công thù vợ oán chạp, những người không có tội gì chúng cũng đâm thọc buộc ràng cho người ta là có tội, rồi thì bữa nay trách thế nọ, ngày mai phạt thế kia ; phạm có cách gì đục khoét được của cải của dân, thì chúng nó cũng dùng tới nơi hết thấy. Bởi đó mà thói hư mối tệ tuông ra cả trăm cả ngàn, quan Pháp làm sao biết thấu cho cùng những tật khổ của dân trong chốn làng xóm quê mùa, như thế thì bảo dân không phải tan lìa trôi dạt đi sao được ?

« Cố nhân với tôi đều là người sanh đẻ tại châu Hoan mà ở cách xa ngoài muôn ngàn dặm, cố nhân còn có lòng đoái tưởng quê hương thay, huống chi tôi đây đã từng lấy thân chịu đựng và lấy mắt trông thấy thì sao ? Khốn nỗi cảnh ngộ bó buộc, và lại sức mình chẳng làm được theo lòng mình muốn, thành ra phải đành, chớ không biết làm sao được. Cố nhân đã biết đoái hoài thương xót dân này thì cố nhân nên lấy tâm sự tôi và cảnh ngộ tôi thử đặt mình vào mà suy nghĩ xem, tự nhiên thấy rõ ràng, có cần gì đến tôi phải nói dông dài nữa ư ?

**Phan Đình Phùng
phúc thơ**

Họ Hoàng xem rồi biến sắc, sai dịch bức thơ ra chữ tây, đưa trình Toàn quyền De Lanessan, luôn với tờ báo cáo của mình, ở trong có câu đại ý :

« Bỏn chức đã lấy hết sức lợi hại để tỏ bày khuyên nhủ Phan Đình Phùng ra hàng thú, nhưng y vẫn tỏ ý ‘hôn mê bất ngộ’, giờ xin chánh phủ bảo hộ vì dân mà dùng binh lực tiêu trừ cho hết văn thân loạn phi... »

* * * * *

Đóng núi Đại Hàm

Cuối năm giáp ngọ (1894) quân lính bảo hộ đã đánh phá tan các đảng văn thân ở Quảng Nam, Phú Yên, Bình Định, Bình Thuận, Quảng Trị, Quảng Bình, Thanh Hóa, bèn đem toàn lực lần hồi vây bọc cả núi Vụ Quang, quyết hạ cho được cụ Phan.

Cụ phải rời bỏ núi Vụ Quang đến đóng đồn ở núi Đại Hàm, thuộc về hạt Hương Khê, là một chỗ có sơn thế hiểm trở.

Trong đại trại chỉ để có 400 binh và 200 khẩu súng, mỗi tên quân nào cũng được giữ luôn trong mình súng đạn và 100 đồng bạc để phòng khi hoặc đánh hoặc lui thành linh. Còn bao nhiêu quân lính khí giới, đều phân phát cho các quân thứ hết.

Quân lính bảo hộ biết cụ Phan đóng trên núi Đại Hàm mà thủ hạ chẳng có bao nhiêu bèn phân binh ra hai đội kéo tới.

Hay tin cụ Phan tính lui binh trước để tránh đi, nhưng hai ông Cao Đạn, Nguyễn Mục hiệp lại cản ngăn và xin quyết kế đối địch, mà quân sĩ cũng năn năn quyết một xin đánh.

Cao Đạn và Nguyễn Mục sắp đặt quân phục mấy nơi hiểm yếu, hễ quân nghịch lên thì xông ra mà chặt. Quân sĩ lại đạn giỡ, đưng bùn hứng đạn, cho nghĩa binh dùng bắn trả lại quân dưới.

Chống giữ có đến nửa tháng như thế, quân lính bảo hộ mới phân ra làm hai đạo, một nửa vẫn giữ ở mặt tiền, một nửa đạp gai lội suối, bọc ra mặt hậu để đánh phía sau lưng nghĩa binh.

Nhưng cụ Phan nhờ bói quẻ Dịch mà biết cơ nguy sắp đến, nên cùng tướng sĩ xuống núi băng rừng tẩu thoát, song bao nhiêu đồ vật và lương thực mất hết không kịp đem theo một món gì.

* * * * *

Về núi Quạt

Đói khát lạnh lùng, quân sĩ chết ở giữa rừng nhiều lắm.

Mồng sáu tháng giêng, nghĩa binh kéo về tới núi Quạt. Cụ Phan sai quân sĩ giả làm nông dân hay thương khách sang Quảng Bình mua gạo, chở lên theo đường rừng đem về.

Nhiều khi, quân sĩ phải chịu đói đói ba ngày, uống nước lã trừ cơm, song không một ai than oán tiếng nào, trái lại họ vẫn vui vẻ theo theo cụ Phan đến chết mới thôi.

Cụ cảm động thường khóc lóc một mình.

Lúc ấy là đời vua Thành Thái năm thứ 7, chánh phủ bảo hộ thấy quân Pháp và lính tập đánh dẹp mãi không yên mà tổn phí rất nhiều, bèn thương thuyết với Triều đình Huế sai Tổng đốc Bình Định là Nguyễn Thân làm khâm sai Tiết chế quân vụ đem quân ra tiêu trừ.

Nguyễn Thân là người tỉnh Quảng Ngãi con Nguyễn Tấn, ngày trước có công giúp giặc Mọi ở tỉnh ấy.

Thân hung ác và hiểm độc lắm giết người như chém chuối, sau về hưu ở làng Thu Xà và bị bệnh điên cuồng mà chết.

Tháng năm, năm Ất mùi (1895) Nguyễn Thân đem 3000 binh lính, từ kinh thành kéo ra.

Quân thứ ở Quảng Bình được tin ấy, phi báo về tổng hành dinh, các tướng đều xin đón đường đánh, nhưng cụ Phan không cho, vả lúc đó, cụ lại đang đau yếu.

Quân Nguyễn Thân kéo đến hạt Việt Yên (thuộc huyện La Sơn) hiệp với quân Pháp đóng ở đồn Linh Cảm. Ông nghĩ đánh đường trường với cụ Phan vị tất đã có lợi, nên ông chặn đường lương thực của cụ mà thôi. Ông chia binh đóng khắp hai hạt Nghệ, Tịnh lại xin thêm 2000 lính nữa, đóng đồn khắp các chỗ quan yếu, hễ ai giúp ngấm nghĩa quân hay ai bị tình nghi như thế, là bắt chém ngay.

Nguyễn Thân dùng mưu chặt vây cánh và tuyệt lương thực, chính là một trận đánh bằng tâm lý, thần hiệu hơn đánh bằng binh lực.

Tình hình lương thực của nghĩa binh càng thêm nguy khốn, liệu bề ở núi Quạt thì sớm muộn thầy trò cũng chết đói với nhau, cụ Phan hạ lệnh nhổ trại, định kéo quân về sào huyệt cũ là núi Vụ Quang, vì nơi đây có đường rừng lại có đường thủy, có lẽ công cuộc vận lương cũng dễ hơn.

Lúc ấy nhằm tháng 7.

Đến mé sông Vụ Quang, cụ Phan sai bốn vệ sĩ qua sông dò thám trước : té ra đồn trại trên Vụ Quang đã bị lính tập chiếm đóng rồi. Cụ xem xét địa thế rồi đem quân sang đóng trên một trái núi khác, cách không bao xa, và cũng thuộc thung lũng của núi Vụ Quang.

* * * * *

Trận đánh Vụ Quang – Kế « Sa nang ửng thủy »

Mặc dầu cụ Phan thấy đã sắp đến ngày cuối cùng, song chẳng bao giờ ý nghĩ đầu hàng thoảng qua đầu óc cụ.

Cụ cũng biết nhân lực không cưỡng nổi song vì khí tiết, vì danh nghĩa, vì phận sự làm tôi đối với vua, làm dân đối với nước, mà phải thi hành phận sự cho tới chết.

Cây đèn cạn dầu phụt lên một cái sáng lòà rồi mới tắt !

Cách vài ngày sau, quân bảo hộ hay tin nghĩa binh đóng trên núi bên kia, liền kéo binh công kích.

Nhờ thám tử giả làm tiều phu đốn củi bên Vụ Quang mà cụ Phan biết rõ hành động của lính bảo hộ. Cụ chẳng tính lui binh như mấy lần trước, lại truyền lệnh cho quân sĩ lên trên đầu nguồn sông Vụ Quang mượn những khúc gỗ lim to lớn của lái buôn cây đã chặt sẵn để trên ấy, lại tự chặt thêm mấy trăm cây lớn nữa. Rồi ghép liền với nhau, thành từng bè lớn, đặt ngay trên nguồn làm như hàng rào hay cánh cửa để chặn ngay đầu nguồn.

Cụ dùng kế « sa nạng ửng thủy » của Hàn Tín phá quân Sở khi xưa.

Quá nửa đêm, quân lính bảo hộ kéo qua đánh trái núi của nghĩa binh.

Trước khi quân ấy chưa đến nơi thì cụ Phan đã kéo binh sĩ dòi qua đóng trên một thung lũng núi khác.

Lính tập đến, chia súng bắn lên ầm ầm, song ở trên chẳng ai trả lời một tiếng ; họ tưởng chắc nghĩa binh đã trốn chạy hồi nào, liền lên núi chỉ thấy còn năm bảy cái nhà tranh với ít nhiều dao cùn gươm mẻ.

Trong lúc chúng lục soát thì dưới chơn núi một toán nghĩa binh bắn súng lên khêu chiến. Lính tập và quân Pháp tức tốc đổ xuống đánh và đuổi bắt. Nghĩa binh vừa đánh vừa chạy dài theo sông Vụ Quang, đến chỗ hơi cạn, bỏ cả cò trống lại mé bờ, tranh nhau lội qua sông để thoát thân, quân Pháp cũng lội xuống sông đuổi theo, nước chỉ ngập tới đầu gối.

Lúc quân Pháp và lính tập ra tới lòng sông, bỗng dưng trên núi cao có một tiếng linh nổi lên làm hiệu, tức thì bọn quân sĩ canh giữ trên đầu nguồn đồng thời chặt giây, tháo hết bè cây ra, cho cây trôi xuống. Nước chảy xuống ầm ầm như thiên binh vạn mã, cây theo nước từ trên cao trôi xuống phẳng phăng rất mạnh.

Quân lính bảo hộ chạy không kịp, và lại bị phục binh bắn xuống tung bưng, đội nghĩa binh giả thua cũng quay trở lại tiếp chiến ở bờ sông bên kia, quan quân muốn lên bên nào cũng chẳng được, bị cây to xô ngã, trôi theo giòng nước, chết đuối trên sông ba viên võ quan Pháp và có đến mấy trăm mạng lính tập.

Nghĩa binh lấy được hơn 100 khẩu súng, cùng là đồng hồ, giầy nịch bằng da, tiền bạc, bánh mì, cá hộp và rượu chất.

Trận này là trận đại thắng nhứt của nghĩa binh mà cũng là trận chót.

* * * * *

Chính khí qui thiên

Đúng Ngọ, quân sĩ lên đường, nhắm phía núi Khai Trướng, tục gọi là núi Giăng Màn tiến đến. Bên kia núi Giăng Màn là địa phận của dân Mường.

Cụ Phan liệu chừng ở núi Giăng Màn cũng không yên thân vả lại khó mua lúa gạo cho quân sĩ ăn, thành ra lại phải bỏ núi Giăng Màn kéo sang nương náu ở đất Mường, lúc ấy nhằm tháng 8 năm Ất mùi (1895).

Quân lính bảo hộ tập nả mả, nghĩa binh dôi dòi quanh quẩn mấy tháng trường rất vất vả, lương thực không có, vì dân Mường không dám bán cho nghĩa binh.

Thấy tướng sĩ cực khổ quá, cụ Phan khóc nói rằng :

- Vì ta mà các người khổ sở, hay là các người đem ta ra mà nạp cho tây rồi ai về làng này, chớ để các người cực khổ đói khát, lòng ta không nở.

Tướng sĩ khuyên giải và chỉ trời thề vui lòng theo cụ đến chết mới thôi.

* * * * *

Nhiều tướng sĩ thọ bệnh, chính cụ Phan cũng bị bệnh lỵ (bệnh kiết) không ăn uống chi được. Bị quan quân ruồng ép thái quá, cụ Phan quyết kế đêm đi ngày ẩn trở về đến núi Quạt là ngày 12 tháng 10 năm Mùi (1895).

Hay tin cụ về, tàn binh mấy nơi, hợp về núi Quạt đến 2700 người ; vấn đề lương thực hết sức nghèo ngặt.

Bệnh cụ thêm trầm trọng, tướng sĩ và gia nhân xúm nhau hầu hạ thuốc men bên mình cụ tối ngày sáng đêm. Các tướng thân cận thì có ba ông Nguyễn Mục, Nguyễn Quỳnh, Nguyễn Khai, còn gia nhơn thì có phu nhơn tức là « cố nguêch rừng » và hai người con trai là Phan Bá Ngọc và Phan Đình Can, với một người cháu kêu cụ bằng chú ruột.

Cụ trời dặn tướng sĩ, phu nhơn, con và cháu rồi đọc cho chép một bài thi tuyệt bút :

Thi như vậy :

*Nhung trường phụng mạng thập canh đông,
Vô lược y nhiên vị tấn công.
Cùng hộ ngao thiên nhan trạch nhận,
Phỉ đồ biến địa thượng đồn phong,
Cửu trùng xa giá quan san ngoại,
Tứ hải nhân dân thủy hỏa trung,
Trách vọng dữ long ưu dữ đại,
Tướng môn thâm tự úy anh hùng.*

Dịch nôm :

*Nhung trường vâng mạng đã mười đông
Việc võ lời thôi vẫn chẳng xong,
Dân đói kêu trời vang ỏ nhận,
Quân gian dậy đất rộn đàn ong,
Chín trùng lặn đạn miền quan tái,
Trăm họ phôi pha đám lửa nồng,
Trách vọng càng to càng mệt nhọc,
Tướng môn riêng hổ tiếng anh hùng.*

Một vị danh y trong miền nghe tin cụ đau phải mạo hiểm muôn vàn mới lên được núi Quạt để trị bệnh cho cụ song không giảm chút nào.

Tám giờ sáng ngày 13 tháng 11, cụ mất, hưởng thọ 49 tuổi. Tướng sĩ khóc cụ vang dậy núi non như con khóc cha mẹ, mấy chục thân binh tự đâm cổ chết theo chủ tướng.

Thay vì dùng quan tài như thường, tướng sĩ chặt cây gỗ vàng tâm thật lớn ở trong rừng, đem về khoét lũng thân cây, đặt di thể mang áo mảo tẩn sĩ vào.

Ngày 16 an táng cụ.

Tướng sĩ sắp hàng làm lễ cử ai và lạy trước linh cửu, rồi rước linh cửu xuống táng dưới chôn núi Quạt.

Quân sĩ các nơi hay tin cụ mất, chán nản, lần hồi tản mác, hoặc trở về quê hương, hoặc trốn sang Lào sang Xiêm. Còn bọn hộ tướng sĩ thì theo hầu phu nhân chờ ngày ra thú, theo lời cụ trời dặn.

Một tên nghĩa binh bị lính bảo hộ bắt và hăm dọa, nên nó tỏ binh tình trên núi và cho hay cụ Phan đã chết và chỉ luôn chỗ chôn cụ nên ngày 30, lính bảo hộ tới đào mộ lên lấy di thể cụ Phan đem về.

Mấy hôm sau, phu nhơn dẫn con cháu và các tùy tướng ra thú ở đồn Lính Cẩm, được các quan Pháp đối đãi tử tế. Một đoàn khác ra thú ở trước quân môn Nguyễn Thân.

Phu nhơn và các tùy tùng bị áp dẫn vô Huế nghị xử. Các tướng như Nguyễn Trạch, Nguyễn Mậu cả thầy 23 người bị chém. Còn phu nhơn và con cháu thì bị giữ ở Huế ít lâu rồi thả cho về làng Đông Thái an nghiệp.

* * * * *

Nguyễn Thân sai đem di thể cụ Phan ra chỗ địa đầu của tổng Việt Yên, đổ dầu châm lửa đốt cho xương thịt cháy ra tro rồi lấy tro ấy trộn vào thuốc súng nhồi trong súng thần công mà bắn xuống La Giang.

« Có người nói rằng việc ấy tuy Nguyễn Thân trước định thế, nhưng sau lại cho đem chôn vì muốn để làm cái tang chứng cho đảng phản đối chánh phủ bảo hộ là quan Đình nguyên đã mất rồi » (V.N.S.I. của Trần Trọng Kim, trang 568).

* * * * *

Sau cụ Phan và Cao Thắng hiển thánh ở làng Khê Thượng, huyện Hương Khê, dân làng cảm mộ anh hùng, lập đền thờ, đến nay hãy còn.

Để chấm dứt phiên khảo cứu về mười năm kháng chiến của cụ Phan Đình Phùng, chúng tôi xin chép bản dịch một đoạn sau đây trích trong bức thư của bà André Viollis :

« Người Việt kém tiến hóa thật nhưng trước khi Pháp đến, đó là một nước có văn minh, có những thuần phong mỹ tục đặc biệt. Chính nước Trung Hoa cũng không được dự gì vào nền nội trị và ngoại giao của Việt Nam. Nền xã hội và chánh trị dựa vào nguyên tắc trung quân, một nguyên tắc ái quốc theo phong tục. Phong trào cần vương là phong trào quốc gia, gây ra vì phản động lực của dân tộc trước bất cứ một cuộc ngoại xâm nào. Coi phong trào đó là giặc cướp, là một sự vô cùng bất công.

« Dẹp xong phong trào đó, đáng lẽ chánh phủ (tức là Pháp) phải có những hành động làm yên lòng người. Đằng này lại đối xử với những người khởi nghĩa đã về hàng phục hay bị bắt, một cách hết sức tàn ác. Không những Mai Xuân Thưởng, Nguyễn Hiệu và các nghĩa binh của Phan Đình Phùng bị chặt đầu, lại còn bị đốt hết nhà cửa, các mồ mả bị khai quật, làng mạc của những người đó phá hết hay đem nhập vào các làng khác.

« Những hành động đó nhiều và ác quá, không phải là công lý nữa, mà là một cuộc trả thù »

Tây Hồ

Phan Châu Trinh

(1872 – 1926)

« Đã vì nước đem thân trôi nổi thế này, thì không bao giờ sự phú quý làm mờ tối lòng ta được. Nếu một ngày kia, dân Việt Nam sẽ hóa ra ù lì cả, ta đã cùng thế hết sức rồi, thì ta còn cách cắt đầu quăng xuống đất không chịu để ai vầy đạp ta, mà cũng không cho ai cướp tự do của ta ».

Cụ tên chữ Tử Can, hiệu Tây Hồ, biệt hiệu Hy Mã, sinh năm 1872 (niên hiệu Tự Đức thứ 26), ở làng Tây Lộc, huyện Hà Đông (nay đổi làm phủ Tam Kỳ) tỉnh Quảng Nam, Trung Việt.

Cha là Phan Văn Bình, làm quan võ, mẹ họ Lê, con nhà vọng tộc làng Phú Lâm, có ba người con, cụ Phan là út.

Vì mẹ mất sớm nên mười tuổi, cụ mới đi học.

Năm 1885, kinh thành Huế thất thủ, vua Hàm Nghi bôn đào lên Quảng Trị. Cần vương nổi dậy khắp nơi, ông Phan Văn Bình làm Chuyển vận sứ trong hội ấy ở đồn A Bá thuộc hạt Tam Kỳ.

Gặp buổi nhà nước ngựa nghiêng, cụ bỏ văn theo võ.

Năm 1887, thân phụ bị hại, cụ lúc ấy 16 tuổi, cửa nhà tan nát, nhờ vợ chồng người anh cả lo liệu và rước thầy cho cụ học lại.

Cụ thông minh khẳng khái, học ở nhà bốn năm mới ra học ngoài, gặp việc bất kỳ lớn nhỏ cứ lấy lẽ phải mà tranh biện.

Năm 1889, thụ nghiệp cùng cụ Đốc Trần Mã Sơn, được cụ thưởng thức bỏ vào ngạch học sinh.

Năm 1900, gặp kỳ thi hương, cụ Phan đỗ Cử nhân. Qua năm sau (1901), năm Tân sửu, niên hiệu Thành Thái thứ 13, có mở ân khoa, cụ đỗ Phó bảng.

Đỗ xong, cụ về thăm nhà ba tháng rồi trở ra Huế, được bổ làm chức Thừa biện là một chức nhờ ở các bộ, thường dành cho các ông khoa mục mới đỗ. Nhon ông anh cả mất, cụ về nhà dạy học, năm 1903, lại được bổ Thừa biện bộ Lễ.

Trong thời gian đó, cụ bắt đầu nghiên cứu các tư tưởng Đông, Tây trong những Am-băng-thất, Trung-quốc-hồn, Vạn-pháp-tình-nghĩa (Esprit des lois), Dân ước (Contrat social) thái được nhiều sự bổ ích về chánh trị, xã hội.

Buổi bấy giờ, cuộc khởi nghĩa cần vương vừa bị đánh dẹp tan rã, sĩ khí sa sút. Trong nước, trên thì bọn sĩ phu chỉ lo đèo gọt câu văn, hầu để vịn mây bẻ quế, dựng làm nấc thang cầu danh cầu lợi; dưới, hạng dân thì ù ù cạc cạc quanh năm đổ mồ hôi sôi nước mắt để phụng sự cho một hạng người.

Cuộc đời điên đảo, nếu là người có ít trí thức, chút ít lương tâm, ắt phải cảm cảnh đau thương cho một dân tộc mất tự do ấy, huống chi cụ là người lòng yêu nước sôi sảng sôi nổi mà thấy trong đám đông liêu phần nhiều là bọn giá áo túi com, trên thì lên mặt quan sang, dưới thì cúi đầu lạy tạ, bắt nạt lẫn nhau, nịnh hót lẫn nhau, không còn nhân cách gì cả.

Cụ sinh lòng chán nản.

Cụ ở Huế mấy năm, nghiên cứu được nhiều cái nguyên nhơn hủ bại và lại giao du những bậc tân học Thân Trọng Huề, Đào Nguyên Phổ.

Từ ấy về sau, cụ quyết chí bỏ quan tìm bạn đồng chí, đem những học thuyết tư tưởng mới mà truyền bá, đề trừ cái độc chuyên chế và cái tệ nho học nước mình. Cụ nghĩ rằng ở thời đại nào cũng thế, dầu thời đại Hy Mã, La Mã ngày xưa, dầu thời đại điện khí cơ khí Âu Mỹ ngày nay, dầu nước Việt, nước Pháp, nước Anh, nước Mỹ gì hễ phá hết sức tàn bạo, nổi bất công thì cội đất hóa ra thiên đàng hòa bình Cực lạc.

Gặp cụ Phan Bội Châu ở Nghệ vào Huế, hai cụ cùng nhau bàn bạc ý kiến, tuy có chỗ không hợp mà lòng ưu quốc vẫn đồng.

Năm giáp thìn (1904), cụ cùng hai cụ đồng khoa là Trần Quý Cáp và Huỳnh Thúc Kháng (hai cụ này cũng không chịu ra làm quan) rủ nhau đi châu du mấy tỉnh miền Nam.

Vô đến Bình Định, gặp lúc quan tỉnh đang mở cuộc thi cho học trò, đầu bài phú là « Lương ngọc Danh sơn », bài thi là « Chí thành, thông thánh ». Các cụ mạo tên là Đào Mộng Giác nộp quyền làm bài. Hai cụ Nghệ làm bài phú mà cụ Tây Hồ thì làm thơ.

Hai bài thơ, phú ấy không làm theo đầu đề như thường lệ mà chỉ nói về việc nước để đánh thức đám sĩ phu đang mê ngủ và đăm đuổi trong khoa trường.

Tỉnh quan thấy mấy bài « cách mạng » ấy sợ không dám điểm duyệt, phải dịch ra Pháp văn trình viên Công sứ bổn tỉnh và đồng thời truy tầm tác giả, nhưng vô bằng cứ nên vụ này phải bỏ qua.

Hai bài văn này truyền khắp trong nước (có lục đăng sau đây) đã có ảnh hưởng rất lớn trong đám sĩ phu Việt Nam thời ấy.

Mà cũng là bài thơ gọi tỉnh hồn nước đầu tiên của cụ vậy.

Rời Bình Định, các cụ thẳng đường vô Phan Thiết. Hồi ấy chiến tranh Nga Nhật đang ở vào thời kỳ quyết liệt. Đoàn chiến hạm Nga bị hải quân Nhật cả phá ở eo biển Đối Mã, một chiếc

thoát hiểm chạy về trú ở Vịnh Cam Ranh thuộc Khánh Hòa, ba cụ bèn thuê thuyền ra tận nơi xem.

Lúc ấy các nước nhược tiểu ở Á châu đều nhận biết rằng loài người chỉ hơn nhau vì trí thức, chứ không phải hơn nhau vì chủng tộc màu da.

Về cuộc du lịch miền Nam này, cụ có thâu nạp được một số đồng chí, trong số có anh em cụ Hồ Tá Bang ở Phan Thiết.

Đến đâu, cụ cũng đề xướng Tân học và công kích hủ nho cùng bọn quan trường.

Ở miền Nam ít lâu, cụ lại trở về thăm các tỉnh miền Bắc.

Ra đến Hà Tĩnh có ghé thăm các cụ Tập Xuyên, Ngô Đức Kế, Lê Văn Huân, Võ Văn Bá, Lê Võ...

Ra Nghệ An, cụ tới thăm cụ Đốc Đăng, cụ Cử Vương.

Tới Thanh Hóa, cụ đến thăm cụ Nghè Tống, cụ Cử Hoàng Văn Khải.

Ra Bắc, cụ đến thăm cụ Cử Lương Văn Can, Hoàng giáp Đào Nguyên Phổ và nhờ cụ Võ Hoành đưa lên Yên Thế thăm cụ Hoàng Hoa Thám.

Trở về Quảng Nam, cụ có tuyên bố : « Ông Đề Thám chỉ là một võ tướng thôi ! »

* * * * *

Năm 1905, là năm phong trào Đông du đã trở nên sôi nổi khắp nước Việt, ở Bắc cũng như ở Nam, nhiều thanh niên tìm cách xuất dương cầu học.

Đại biểu của phong trào này gồm có các cụ Phan Bội Châu, Tăng Bạt Hổ, Nguyễn Thượng Hiền, Đặng Thái Thân.

Thấy Nhựt thắng Nga, tức là một dịp cho người Việt « cầu ngoại viện » cho nên việc xuất dương sang Nhựt thành vấn đề trọng yếu. Các nhà cách mạng tin rằng : « Nhựt sẽ giúp Việt Nam khôi phục nền Độc lập ». Giữa năm 1905 (?) cụ Phan Bội Châu từ hải ngoại trở về nước mật bàn với cụ Tây hồ và cụ Phan Thúc Diêu tìm cách đưa Kỳ ngoại Hầu Cường Để sang Nhựt.

Giữa năm 1906, cụ Phan Tây hồ tính qua thăm Nhựt Bản, trước là quan sát sự tiến bộ của Nhựt sau là để gặp cụ Sào Nam bàn tính việc lớn.

Đến Hoành Tân, cụ tìm vào nhà cụ Lương Khải Siêu, một chí sĩ Trung Hoa tránh nạn sang Nhựt, nhờ họ Lương tìm hộ cụ Sào Nam. Gặp nhau, hai cụ rất là mừng rỡ.

Cụ Sào Nam có đưa cụ Tây Hồ đi thăm hầu hết các chính khách Nhựt và Tàu.

Ở Nhựt được mấy tháng, nhận thấy những sự duy tân hùng cường của nước người, và sau khi thảo luận kỹ càng với cụ Sào Nam, cụ quyết về nước đem cái hay, cái giỏi của nước người ra thực hành, giúp đồng bào khỏi lầm lạc, chứ cụ không chủ trương việc lấy võ lực mà bạo động

trong nước, và không nhờ sức một nước ngoài để nổi quân cách mạng, vì sau mỗi cuộc thất bại, tiếp đến dân bị khủng bố, nhục khí thêm nhứt đi không có ích gì.

* * * * *

Ở hải ngoại về, cụ cùng các đồng chí Ngô Đức Kế, Trần Quý Cáp, Huỳnh Thúc Kháng xướng xuất phong trào duy tân, mở trường, lập hội buôn, hô hào thanh niên cắt tóc ngắn, mặc Âu phục may bằng vải nội hóa.

Đối với Chánh phủ Pháp, cụ cho rằng chánh phủ không thực tâm giáo hóa dân chúng và dung dưỡng chính sách hà lạm của bọn quan lại tham ô.

Cụ thảo ra bốn « Đầu Pháp chánh phủ thơ », năm 1906, gửi ngay cho Toàn quyền Pháp ở Đông Dương hồi đó là Klobukowaki, yêu cầu những sự cải cách thiết thực cho dân chúng.

Chính vì đó mà cụ bị liệt vào hạng người nguy hiểm chống lại chánh phủ. Về sau, bức thơ ấy đem sang tới chánh phủ ở Paris.

Biết được bức thơ đàn hặc ấy, các thần ở triều đình Huế như Trương Như Cương, Nguyễn Hữu Bài hết sức căm giận cụ Phan.

Năm 1907, cụ lại ra Bắc, diễn thuyết công khai ở trường Đông Kinh Nghĩa Thục, do các Tân đảng Bắc Việt lập ra ở Hà Nội. Trước mặt một số thính giả rất đông, cụ khuyên quốc dân bỏ lối cũ, phá phát tinh thần mà lo tự cường tự lập, đừng bạo động, chờ mong người ngoài.

Trong khi ở Hà Nội, cụ có đi diễn thuyết ở các làng lân cận. Vì thế mà chánh phủ bảo hộ chú ý đến cụ lắm.

Tháng giêng năm 1908, dân chúng Quảng Nam kéo nhau hăng vọt tới tòa xứ xin giảm sưu bớt thuế. Đoàn biểu tình toàn thị cúp tóc ngắn ; họ vây quanh tòa sứ mãi không chịu giải tán đến nỗi viên công sứ phải ra lệnh cho lính bắn chết một số người biểu tình, khi ấy họ mới chịu về.

Tuy nhiên phong trào ấy cứ lan rộng mãi vô các tỉnh miền Nam Trung bộ.

Bọn quan lại vốn thù ghét cụ và các nhân sĩ vì đã nhiều lần sỉ vả họ, nay chụp cơ hội đổ tội cho cụ và các nhân sĩ hay nói nhân quyền và giao thiệp với cụ Sào Nam « xúi dân làm loạn ».

Vì vậy mà cụ Trần Quý Cáp bị chém đầu ở Nha Trang ; viên Thống đốc Bonhoure – bấy giờ quyền Toàn quyền – tư giấy bắt cụ, điệu về Huế và giam tại tòa Khâm !

Cụ tuyệt thực bảy hôm để phản đối.

Khâm sứ Trung bộ giao cụ cho Triều đình Huế nghị tội.

Quan lại Triều đình Huế vốn thâm thù với cụ, được dịp nghị án nên họ thẳng tay lên án cụ trăm quyết (nghĩa là chém lập tức).

Nhưng vì trong khi ở Hà Nội cụ có giao thiệp với một người Pháp có thế lực trong hội Nhân quyền là Ernest Babut.

Nghe tin cụ bị Nam triều lên án trăm quyết, Babut lên thẳng phủ Toàn quyền can thiệp xin tái thẩm. Cự chẳng đã, phủ Toàn quyền phải can thiệp với Khâm sứ Huế.

Vì thế mà Triều đình Huế phải đổi án « trăm quyết » ra án « trăm giam hậu » nghĩa là chưa chém ngay.

Babut lại can thiệp kịch liệt nữa, Triều đình Huế phải sửa án lại « Côn lôn ngộ xá bất nguyên » nghĩa là đầy đi Côn Đảo dầu có dịp đại xá cũng không được tha !

Ở nhà lao Phủ thừa mấy tháng cụ bị còng tay giải đi ngoài Côn Đảo.

Lúc đầu, chiếu lệ, cụ cũng bị giữ trong khám mất vài tháng và hàng ngày cũng phải đi làm, đi đập đá.

Hai tháng sau cụ được thả ra ở ngoài. Cụ chặt tre lá, cất nhà, học làm các thứ đồ dùng bằng đồi mồi, bán cho các giám thị Pháp lấy tiền xài.

Ngày giờ rảnh, cụ câu cá, đánh chim, đi khắp núi Côn Nôn, lúc nào tinh thần cụ cũng vui vẻ.

Tại đây cụ có soạn ra một tập thơ, nhan là « Thi tù tùng thoai ».

* * * * *

Ba năm qua.

Người bạn Pháp của cụ là Babut, ba năm tròn đã hết sức nhờ hội Nhân quyền ở Paris can thiệp ráo riết, xin ân xá cho cụ, tháng chạp năm canh tuất (1910) Thủ tướng Raymond Poincaré ký giấy tha cụ.

Viên chủ tỉnh Mỹ Tho là Couzineau tuyên đọc bản ân xá, có đọc câu : « Au nom du Peuple Français, je vous rends la liberté » (nhân danh dân chúng Pháp, tôi trả tự do lại cho ông).

Nhưng bọn họ muốn quản thúc cụ ở Mỹ Tho, cụ khẳng khái không chịu và đòi phải trả cụ lại Côn Đảo. Chánh phủ Pháp phải để cụ tự do.

* * * * *

Cụ nhận thấy, muốn vận động cải cách chánh trị cho Việt Nam thì phải sang tận bên Pháp, giao thiệp với các nhà chính khách với các đảng chánh trị thì mới mong được như ý. Cụ bèn vận động sang Pháp và quả quyết nếu được toại nguyện thì mới chịu về, bằng không thì nguyện gởi nắm xương tàn nơi đất khách chớ nhứt định không chịu về tay không.

Sang Pháp, cụ có đem theo người con trai tên là Phan Dật.

Để chon lên đất Pháp, cụ kiếm một nghề để độ nhật : nghề « Sửa ảnh » và làm với ông Khánh Ký ở Paris.

Vì sức Yếu lại ở xứ lạnh và chịu thiếu thốn mọi phương diện nên mấy năm sau, Phan Dật mắc bệnh đau phổi.

Cụ phải cho con về nước và được ít lâu Phan Dật qua đời tại Quảng Nam.

Cụ vốn có tiếng là nhà Cách mạng Việt Nam, nên được các chính khách khuynh tả ở Pháp rất quý trọng. Trái lại, bọn thực dân thì không ưa cụ, là vì cụ hay lui tới Thượng Hạ nghị viện, điều trần tình cảnh thối nát về chính trị bên nước nhà, do Chánh phủ Pháp ở Đông Dương gây ra bằng cách dung túng bọn tham quan ô lại hà hiếp dân chúng.

Cụ hết sức hô hào cổ động, khiến cho một số du học sinh đương miệt mài trong khuôn khổ học vấn chiếm bằng cấp, như các ông Phan Văn Trường, Nguyễn Thế Truyền, mở mắt giựt mình trở lại, hoạt động chánh trị hăng hái, gây được một phong trào quốc gia cho Việt kiều ở đất Pháp.

Năm 1915, những người cô thù, nhơn lúc cụ không chịu đi lính một cách mù quáng, vu cho cụ theo Đức, bắt cụ giam vào khám tù quốc sự phạm (Prison de la Santé) hơn mười tháng.

Trong lúc bị giam, cụ có làm bài thơ như vậy :

*Cây cao thì gió phải day,
Người cao thì phải đắng cay trăm chiều.*

*Lạ chi thói gió tự xưa nay,
Hễ thấy cây cao chỉ muốn day,
Thẳng vóc sò sà hay cứng cỏi,
Xóc luồng tức tối cứ long lay.
Coi buồn, khách thạo ghê nương bóng,
Né ná, chim hèn sợ dính dây.
Nôm, bác, trời thấy ra sức thôi,
Cội rường trăm thước vẫn chờ ngày.*

Lúc ấy cũng có người lấy võ lực mà dọa nạt cụ mà cũng có người lấy đầu lưỡi đồ dành cụ !

Nhưng bao giờ mối phú quý linh lạc lòng cụ được.

Cụ thường tuyên bố :

« Đã vì nước đem thân trôi nổi thế này, thì không bao giờ sự phú quý làm mờ tối lòng ta được. Nếu một ngày kia, dân Việt Nam sẽ hóa ra ù lì cả, ta đã cùng thế, hết sức rồi, thì ta còn cách cắt đầu xuống đất không chịu để ai vầy đập ta, mà cũng không cho ai cướp tự do của ta ».

Năm 1916, nhờ sự can thiệp ráo riết của các đảng viên đảng xã hội và hội Nhân quyền Pháp, nên cụ mới thoát khỏi ngục Santé.

Cụ hô hào thành lập được một hội « Ái hữu Việt kiều » mục đích là giúp đỡ những đồng bào mình sang du học ở Pháp.

Năm 1922, vua Khải Định ngự du sang Pháp, bị cụ đàn hặc đủ điều, khiến dư luận các nơi đều sôi nổi.

Năm 1925, cụ nôn nao về nước định đi khắp nơi để xem xét tình hình hầu đem tài học và kinh nghiệm thâm thập ở hải ngoại ra hoán cải.

Tháng sáu năm 1925, Tả đảng bên Pháp thắng phiếu trong cuộc bầu cử Nghị viện, ra cầm chánh quyền. Nhân đó cụ được về nước. Những sự mong mỏi gặp đồng bào đồng chủng bấy giờ đã thỏa. Nhưng trong khi gặp gỡ nhau, biết lấy gì bù lại cái công khao khát bấy lâu, cụ nghĩ không có gì quý bằng đem cái tự do, bình đẳng, bác ái bên Thái Tây làm một món quà cho anh em Việt Nam.

Khảo sát tình hình nước nhà, cụ đau đớn mà nói rằng : « Một dân tộc ở trong làn không khí áp chế thì phải hóa ra ngu ngốc ừ lý. Anh em Việt Nam ta ngày nay thua kém người há không phải vì chuyên chế mà ra ư ? »

Về đến Sài Gòn, tuy sức đã cùng, lực đã kiệt mà cụ còn gắng soạn hai bài diễn văn nói trước dân chúng. Một lần cụ diễn thuyết về « Luân lý và Đạo đức Đông Tây » ; một lần khác, về vấn đề « Quân trị Dân trị ».

Hai bài diễn văn này đã hoán cải được một số đông đầu óc cổ hủ người mình.

Các sinh viên trường Đại học Hà Nội có đánh điện mời cụ ra Bắc diễn thuyết song cụ chưa kịp ra thì gặp dịp vua Khải Định thăng hà.

Cụ lại gởi điện văn cho Khâm sứ Trung kỳ yêu cầu về Trung tổ chức dân đảng.

Nhưng cụ bệnh nặng và đêm 12 tháng 2 năm Bính dần, chín giờ rưỡi, 24/3/1926 dương lịch, cụ trút hơi thở cuối cùng, hưởng thọ 55 tuổi.

Ngày 21 tháng 2 tức ngày 4 tháng 4 dương lịch, làm lễ an táng cụ tại nghĩa địa Gò Công (gần Phú Nhuận). Đồng bào toàn quốc cử hành lễ truy điệu rất là long trọng.

Vì lễ truy điệu cụ mà nảy ra phong trào học sinh bãi khóa suốt từ Nam chí Bắc.

* * * * *

Lương ngọc Danh sơn phú

(Trần Quý Cáp và Huỳnh Thúc Kháng)

Hỡi hỡi những đồng bào Nam Việt !
Cùng giống nòi phải biết thương nhau ;
 Giang sơn này, bốn ngàn thâu,
Mà nền văn hóa bấy lâu thế nào ?
Lo việc đời trải bao biến cực,
Bao anh hùng chịu nhục bao phen :
 Kể ông Nam hải đầu tiên,
Khua đời mong tỉnh từng phen dãi dầu,
Kìa liệt sĩ vui đầu từng đám.
Đang kêu gào thê thảm nhường bao !
 Tổ tôn ta ở nơi nào,
Mà cam chịu nhục nữ sao cho đành ? ...

Người biết thẹn mà mình chẳng hổ,
Chịu cúi luôn lấy chỗ vinh hoa :
Sao không nghe rộng trông xa,
Bốn phương thiên hạ người ta thế nào ?
Đây hầy (?) vài câu chuyện cũ :
Nước Việt Nam ở giữa phương đông ;
Biết bao liệt sĩ anh hùng
Dân tâm cố kết dũng trung lạ đường.
Nhớ lại trận Phú Lương ngày nọ,
Bất Mã Nhi, tướng của Nhà Nguyên ;
Lại còn Lính Biểu một phen,
Đuổi thẳng Tô Định chó quên sử nhà.
Quay ngọn giáo, phát cờ mở nước,
Dỡ bàn tay lấy được Chiêm Thành.
Sẵn đà, ta lại tung hoành,
Một châu Chân Lạp tan tành ra tro.
Hùng tráng thay, Việt Nam vạn tuế !
Hồi bấy giờ ta dễ kém ai ? ...
Một phen thất sách đi rồi,
Phải đeo cái vạ muôn đời, thảm chưa !
Đau đớn nỗi nhà nho hủ bại,
Tục di truyền cái hại khoa danh ;
Mấy vắn thơ phú loanh quanh,
Suốt năm, suốt tháng tranh dành từ chương,
Dơ dáy nhĩ, quan trường đáng ghét,
Dở bảo hay, chi xiết là ngu,
Dùi mài đến tử công phu,
Học nhai bã dã, học mù quáng thêm !
Than ôi, cứ triền miên chi tá,
Nọc di truyền nhục nhã lắm thay.
Xem ra sự thế nhường này,
Nhân tình phần uất càng ngày càng tăng.
Nạn sưu thuế nó chằng vào cổ,
Rút ruột gan, thịt mỡ chẳng còn !
Thịt xương ngày một hao mòn,
Chỉ trơ cái xác không hồn đó thôi !!!
Dương mắt chầu mà ngồi đợi chết,
Thảm thương thay đất Việt đi đời ...
Hồi người trí thức kia ơi
Trên thời quan lại, dưới thời thư sinh ;
Nên vì nghĩa, vì danh một chút,
Quẳng mũ đi, vút bút đứng lên !
Đừng cam chịu tiếng ươn hèn,
Hơi tàn còn thở chó quên phục thù.
Tiếc chi cái sống thừa nhục nhã,
Quyết dìm thuyền đập chỗ đi đi,
Phơi gan nát óc quân chi,
Thù chung trả được ta thì mới vinh,

Đau khổ thể làm thình sau nữ,
Cứ lần lần lửa lửa qua năm ;
 Dưới đèn cầm cục khổ tâm,
Say sống mê chết học chăm lấy gì ?
Bọn ăn cắp chó Tề lẳng nhắng,
Cốt khoáng vàng chuỗi mắng mặc ai.
 Nha môn lũ lệ chạy bài,
Mặt dày mày dạn coi trời bằng vung.
Phạm có chí ai không tư tưởng,
Hỗ đội trời sống uổng mà thôi !
 Thề rằng cái tấm thân tôi,
Ngồi tro mắt châu trông đời thảm thương.
Thân thể thể, đoạn trường bao kẻ,
Cuộc đời thay sự thể khôn ngăn.
 Nước sông Sở cuốn bao lần,
Là dòng lệ thảm tưới dần (?) Trường Sa.
Sương thu lạnh phủ mờ bóng mũ,
Trước cửa quan Thần Vũ vắng teo !
 Xa trông từng núi hắt hiu,
Như hồn chiến sĩ đang kêu gọi sầu.
Tiền Kinh Kha đầu sông Dịch Thủy,
Khuyên người đi đắc ý, sẽ về.
 Ca là động khóc thảm thê
Ném tung bút sách nói chi thư từ

Thiên Thê
dịch

Chí thành thông thánh

(Phan Châu Trinh)

Thế cục hồi đầu dĩ nhất không.
Giang sơn vô lệ khắp anh hùng.
Vạn dân nô lệ cường quyền hạ,
Bất cổ văn chương túy mộng trung.
Trường thử bách niên cam thỏa mạ,
Bất tri hà nhật xuất lao lung
Chư quân vị tất vô tâm huyết
Bằng hướng tư văn khán nhất thông.

Dịch :

Cuộc đời ngoảnh lại vắng không,
Giang sơn nào khóc anh hùng được đâu
Cường quyền, rận đạp mái đầu
Văn chương tám vế say câu mơ màng.
Tháng ngày uất giận đành cam,
Sổ lòng tháo cũi biết làm sao đây
Những ai tâm huyết với đây,
Độc lòng văn đạo, thơ này thấu cho.

Cảm tưởng của cụ Sào Nam đối với cụ Tây Hồ

Trong đời này, không có ông Mạnh Tử thì cái nghĩa « Dân quý » không sáng tỏ ra. Nếu không có ông Lư Thoa thì cây cờ « dân quyền » ai dựng lên được ?

Nước ta mấy nghìn năm nay, quyền vua ngang dọc, quyền quan cũng theo đó mà tăng lên, tôn nhất không ai bằng một người, hèn nhất không ai bằng trăm họ. Cái giá trị người mình chỉ xem nơi tờ giấy vàng, giấy trắng mà định cao hạ. Việc đáng buồn đáng thương cho thế đạo còn có gì hơn cái ấy nữa !

Ông Phan Hy Mã ta ra đời, nghiên cứu học thuyết ông Lư Thoa, phát minh lời ông Mạnh Tử, đem hai chữ dân quyền hò hét trong nước, như một tiếng sấm vang làm cho bao nhiêu giấc mơ phải tỉnh dậy, mà dân ta từ nay dần dần mới biết mình có quyền. Quyền dân cao lên thì quyền vua sụt xuống, dân này lập thì dân kia mới chảy đi, chỗ này ngừng thì chỗ kia mới đi tới. Sự thực vẫn như thế, không thể nào giấu được. Chạm phẩm vậy rộng, vớ lấy móng cộp, thế nào mà khỏi bị ? Ông Hy Mã mà bị bọn tiểu nhân vu hãm cho đến tù tội cũng phải lắm chớ !

Tuy thế mặc lòng, sức đề xuống càng mạnh bao nhiêu, thì sức chống lên càng mạnh bấy nhiêu : nào giam, nào đày, nào chết, đều là những sự giúp đỡ cho cái chủ nghĩa ông mà thôi cho bùng cái ngọn lửa ấy đó thôi.

Nay ông đã qua đời rồi, mà cái chủ nghĩa ông ngày càng sáng chói. Hết cả đồng bào trong nước, từ đứa trẻ con cũng cúng lạy ông, khấn vái ông. Vậy là cái nghĩa « dân quyền » dạy bảo cho người đã in sâu vào trong óc rồi đó !

Tôi ngày xưa cùng ông vốn là bạn đồng tâm. Từ khi chia tay nhau ở Hương Cảng, tuy rằng trời bể xa khơi mà hồn mơ quanh quẩn, hơi tiếng thông nhau hơn 20 năm lúc nào cũng thế. Tôi còn nhớ khi ông sang Nhật tìm tôi, gặp nhau ở nhà Bính Ngộ Hiên tại Hoàn Tân ông bảo tôi rằng : « Cả nước ngủ mê, tiếng thở như sấm, mà Bác đứng ngoài muôn dặm, kêu gào hò hét, có được công hiệu bao nhiêu, tất phải có người ở trong gỗ trăn xách tai người ta mà đánh thức dậy, thì họa chẳng lòng người mới không đến nỗi chết hết. Nay tôi về trong nước đóng vai Mã Chi Ni, còn Bác ở ngoài làm Gia Lý Ba Địch, chia ra hai đường mà đều đi tới, chúng ta lấy cái chết thề cùng nhau cho có thủy có chung ». Ông nói xong, tôi kính cẩn vâng lời.

Than ôi, ông có thứ cho tôi chăng ? Lúc ông về nước tôi tiễn chân ông đến Hương Cảng, ông cầm tay tôi dặn mấy lời sau hết « Từ thế kỷ 19 về sau, các nước tranh ngày càng dữ dội, các tính mạng một nước, gói trong tay một số người đông, chứ không thấy nước nào không có dân quyền mà khỏi mất nước bao giờ. Thế mà nay Bác lại còn dựng cờ quân chủ hay sao ? »

Ông nói thế, lúc bấy giờ tôi chưa có câu gì đáp lại, nay đã hơn 20 năm rồi, lời ông càng lâu càng nghiêm. Tôi mới biết cái óc suy nghĩ cùng cái mắt xem xét của tôi thiệt không bằng ông ! Phỏng ngày nay ông còn sống thì cầm cờ hướng đạo cho chúng ta, hẳn phải nhờ tay ông mới được.

Than ôi, ngày nay những kẻ cúng vái ông, kính mến ông, có phải là chỉ ngắm tượng ông, đọc văn ông, góp nhặt năm ba câu làm bộ ái quốc, ái quần đầu miệng mà thôi ư ? Phải biết rằng ông Hy Mã mà được danh tiếng lưu truyền với sử xanh là vì ông có chủ nghĩa thiệt, tinh thần thiệt. Thế thì người ta muốn bắt chước ông Hy Mã cũng cần phải có thiệt chủ nghĩa, thiệt tinh thần mới gọi là biết bắt chước ông Hy Mã vậy.

Năm Bính dần tháng ba
(1927)
Phan Bội Châu

Bài diếu văn của toàn thể quốc dân đồng bào

Truy điệu cụ Phan Tây Hồ tại Huế
Tác giả : Sào Nam Phan Bội Châu

Than ôi ! Tuồng thiên diễn mưa Âu gió Mỹ, cuộc nợ kém thua hơn được, ngó non sông thêm nhớ bực tiên tri.

Dấu địa linh con Lạc cháu Hồng, người sao trước có sau không, kinh sấm sét hơi đau lòng hậu bối.

Vẫn biết tinh thần dĩ tạo hóa, sống là còn mà thác cũng như còn.

Chỉ vì thời thế khuất anh hùng, xưa đã rủi mà nay càng thêm rủi.

Nhớ ông xưa :

Tú dục Nam chu,

Linh chung Đà hải.

Nghiệp thừa gia cung kiếm cũng pha đường,

Nền tác thánh thi thơ từng thuộc lối.

Gan to tày biển, sức xông pha nào quản ức muôn người.

Mất sáng hơn đèn, tài lạnh lợi từ khi năm bảy tuổi.

Vận nước gặp cơn dâu bể, đeo vai thân sĩ, còn lòng đau áo mũ xênh xoang.

Thối nhà chăm việc bút nghiên, dấu mặt hào hùng, khi tạm cũng khoa trường đeo đuổi.

Song le :

Khi vẫn tranh vanh

Chí càng viễn đại

Tài Mã Nê đương chứa sức hô hào,

Tuồng Lỗ Định quyết ra tay đào thải.

Đội tiền phong đầu tá, gió duy tân từ Đông hải thổi về.

Gương độc lập kia là, sóng cách mạng bởi Á châu dồn tới.

Dọc ngang Trời Đất, rục rịch vẽ văn minh.

Tức tới nước nhà, cam đường hủ bại.

Cá chậu chim lồng vợ vãn thế, sáo công danh thôi vất lối tầm thường.

Rồng mây cộ gió lạ lòng gì, thanh khí thử hò người trung ngoại.

Cây Tây học dạn dò phường tự chủ, Lư thoa, Mạnh Đức so sánh người xưa.

Mượn Đông du thăm hỏi bạn đồng tâm, Hương Cảng Hoàn Tân lỗi len đường mới.
Ba tác lưỡi mà gươm mà súng, nhà cường quyền trông gió đã gai ghê.
Một ngòi lông vừa trống vừa chiêng, cửa dân chủ treo đèn thêm sáng chói.

Phỏng khiến :

Trình độ dân ta cao
Trí thức dân ta giỏi
Sức dân ta ngày một dồi dào
Khí dân ta ngày càng cứng cỏi
Một tiếng xướng có muôn tiếng họa, thần Tự Do đứng đỉnh về đây.

Bạn người Việt với thầy người Tây, ma Chuyền chế dám dùng dằng ở mãi.

Nào hay !

Trời đã vô tình

Người càng quỉ quái

Chứa chan máu quốc, nước vẫn vơ hồn

Xao xác tiếng gà, trời mờ mịt tối

Trường nô lệ xung quanh là rắn rít, văn cứu thời khen khéo những gây oan

Ồ dã man ngan ngác những hùm beo, miệng ái quốc hóa nên buộc tội

Thành Hà Nội ùn ùn mây ác độc, nào kẻ lãnh mình, nào người trốn thuế, chỉ âm mưu tỏ vẻ đủ
trăm đường.

Đào Côn Lôn rục rục lửa oan cừ, thấy người yêu nước, thấy kẻ thương dân, tơ xướng loạn
dệt thêu ra một mối.

Mưa đào gió dật xui khách lưu ly

Bể thăm trời xa xót ông chìm nổi.

Thân, Đậu, Tuất, bấy nhiêu năm tân khổ, khi đào cây, khi lượm đá, giữa bể trần gió bụi cũng
thung dung.

Đặng, Huỳnh, Ngô, ba bốn bác hàn huyên, khi dốc rượu, khi ngâm thơ, ngoài cửa ngục lắm
than mà khảng khái.

Hồi đen may cũng lần lừa

Lòng đỏ vẫn còn hăng hái.

Quay đầu lại giả ơn tù đảo, tấm thân già còn nặng gánh giang sơn

Bước chun đi tìm bạn Âu châu, hai tay trắng quyết phát cờ xã hội

Ấn tái phạm vì lời thông Đức, dạ sắt vàng thêm thử lại thêm bền

Thơ Thất điều đón giá như Tây, oai sấm sét chẳng kính mà chẳng hải

Gương vĩ nhân treo những bao giờ

Hồn cô quốc vừa về năm ngoái

Trước mặt nào ai hớn hờ, thấy ngựa xe luống ngẩn ngơ chiều

Bên tai những tiếng kêu van, nghe sưu thuế càng ngao ngán nhé !

Dưới miệng cộp gởi đoàn con đỏ, phúc trùng lai thêm bận dạ tha hương

Trên chiều người diu giống da vàng, lòng cảm tử lửa quân hậu đội

Ước những chuông đều trống nhịp, khắp ba kỳ cho vang tiếng reo hò

Mới là anh trước em sau, giắt một lũ để đồng bào gắn gói.

Khéo vô tình trời chẳng chịu người

Nên bất hạnh mừng mà hóa tủi

Tiệc hoan nghinh mới đó, náo nong rượu chửa phai mùi

Lễ truy điệu liền đây, thấp thoáng hương đà bén khói.

Anh em ta :
Đất xẻ đôi đường
Tình chung một khối
Gánh tồn vong ai cũng nặng nề
Nghĩa chung thì lòng càng bối rối
Sóng gió một con thuyền chung chạ, ngọn chèo đương lúc cheo leo
Mây mù muôn dặm đất xa khơi, đầu ngựa nhờ ai dong ruổi
Trước đã giới thời sau càng giới nữa, dấu Cộng Hòa xin gắng sức theo đòi.
Sống càng thiêng thời thác phải thiêng hơn, thang Độc Lập quyết đều tay vịn với.
Lời này ông thấu cho chăng ?
Lòng ấy trời đã soi đọi ... !

Phục Duy
Thượng hưởng
Chung thanh sao lục

Sào Nam

Phan Bội Châu

(1867 - 1940)

« Lịch can huyết dĩ điều canh,
 để thiên khả giám ;
« Chú tinh thành ư nhứt tiễn,
 kim thạch năng khai.

Nghĩa :

Bát canh nấu với máu gan
Dâng trời cũng thấu lời van cho mình.
Mũi tên dồn hết tâm thành
Bắn vào đá cứng tan tành như chơi

(Rút trong tập « Hải ngoại huyết thư » của cụ Phan Sào Nam viết ở Nhật năm 1906, gửi cụ Tây Hồ Phan Châu Trinh đem về nước).

Cụ họ Phan, húy Bội Châu, tự là Hải Thu, sau ra hải ngoại mới lấy hiệu là Sao Nam tử, là do câu chữ nho : « Việt điều sào nam chi » (chim Việt dẫu bay đâu, ở đâu, nhưng bao giờ cũng chỉ tìm cành Nam mà đỗ).

Cụ sanh giữa tháng 5 năm Đinh Mão, niên hiệu Tự Đức thứ 20 (1867), con một của gia đình nông nghiệp Phan Văn Phổ và Phan Thị Thuần, người làng Đan Nhiễm, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An, Trung Việt

* * * * *

Tổ chức đội sĩ tử cần vương (1885)

Lúc cụ mới sanh, tức là lúc Việt Nam vong quốc. Vì năm 1867, cả sáu tỉnh Nam Kỳ đã bị Pháp chiếm lấy, rồi lần lần đến cả Trung và Bắc Việt.

Năm 1885, Kinh thành thất thủ, vua Hàm Nghi bôn đào ; cụ Phan Đình Phùng cầm đầu phong trào cần vương kháng chiến ở Nghệ Tĩnh và Quảng Bình.

Cụ Phan Bội Châu còn là cậu học sinh, nhưng lòng ái quốc đã bừng bừng phần khởi, cùng các bạn học tổ chức ra Sĩ tử cần vương đội, tôn ông cử nhân Đinh Xuân Sung làm đội trưởng, cụ Phan làm phó đội. Đội này chỉ có lời ngoài một trăm người thôi.

Vừa gặp lúc người Pháp đem đại binh tới hạ thành Nghệ An, rồi thừa thắng tiến binh đánh dẹp các phủ huyện. Đội « Sĩ tử cần vương » thiếu thốn đủ mọi phương diện, súng ống lương thực cũng không, cho nên không bao lâu tan vỡ ; cụ Phan phải trốn tránh một lúc rồi mới trở về với sách đèn.

Lúc bấy giờ, cửa nhà cụ tiêu hủy vì họa binh đao, thân phụ lâm cơn hoạn nạn lại bị bệnh hiểm nghèo, cụ không còn mẹ, cũng không có anh em, thành ra không dám bỏ cha mà lo việc khác, đành nung nấu ở nhà dạy học trò, để sẵn sóc bịnh cha, cả thầy chín năm.

Nổi chí tiền nhân (1901)

Trong chín năm ấy, cụ thường với anh em đồng chí là bọn ông Vương Thúc Quý (người cha khởi nghĩa, đem hương binh chống với Bảo hộ, sau bị tử nạn) và Hà Văn Mỹ (là một viên kiện tướng bộ hạ của Phan Đình Phùng, sau bị quân Bảo hộ bắt được, tự tử mà chết) âm mưu với nhau, mỗi năm tới ngày lễ kỷ niệm cộng hòa, anh em mật hội đồ đảng ở tỉnh thành Nghệ An, toan bề hãm thành. Song quân lính Bảo hộ đông đảo, việc phòng bị vững vàng, cụ cùng đồng chí không thể thành sự được.

Kết quả là nhân mấy dịp đó mà anh em giang hồ hiệp khách được kết bạn với nhau, cũng tức là đầu dây mối nhợ cho cuộc hoạt động sau này. (Ngục trung thư, trương 14-15).

Năm canh tí (1900) thuộc Triều Thành Thái thứ 12, cụ thi đỗ thủ khoa trường Nghệ, văn chương bốn kỳ đều phê « ưu hạng », tiếng tăm Giải Phan hay chữ vang dậy trong nước.

Lúc bây giờ, cụ Phan Đình Phùng đã qua đời được năm năm, phong trào văn thân đã tan rã.

Năm 1901, cụ Sào Nam muốn nổi chí lớn của tiền nhân, định chiêu nạp bọn anh hùng lực lâm và những người trong đảng cần vương còn sót lại để dựng cờ khởi nghĩa ở khoảng Nghệ Tĩnh.

Bộ hạ cũ của Phan Đình Phùng là Quỳnh Quảng và môn hạ của Bạch Xi là bọn Kiềm và Cọng thường tới lui nhà cụ.

Cụ làm nghề dạy học, song học trò chỉ ở nhà ngoài, còn nhà trong thì chứa đầy những khách hào kiệt sơn lâm.

Các ông đồ nho trong xóm, mỗi lần đi ngang, chợt thấy tình trạng như thế, le lưỡi lắc đầu, đến đôi lần sau các ông không dám ngó vào nhà cụ nữa.

Việc cụ cùng đồng chí mưu tính lần hồi chín chắn, gần tới ngày kỳ hẹn khởi công, song ông bạn thân Đặng Thái Thân nói với cụ rằng :

« Xem kỹ lại thời thế chưa có chỗ nào mình đáng thừa cơ làm việc lớn. Bọn ta vội vã làm càn, chắc là không xong việc gì được đâu. Nhưng ta cũng phải làm sao để chỉ tỏ cho người Pháp biết rằng quốc dân ta chẳng phải toàn là hạng người quá hèn, vậy thì ta cứ mạo hiểm làm một phen cũng được, có điều là mong ước sao cho chúng ta cất tiếng lên trước rồi phải có người nối lời sau mới được.

« Nhưng nếu ta chỉ khởi sự trong khoảng Nghệ Tĩnh mà thôi, tôi e chuyện cái thai đứa nhỏ khó đẻ, ở trong bụng mẹ lọt ra chưa kịp khóc oa oa mấy tiếng thì đã chết non mất rồi. Tôi trộm suy nghĩ mà lo ngại dùm cho tiên sinh chỗ đó.

« Theo ý tôi tưởng, trước hết ta nên vào Nam ra Bắc, cầu anh em hào kiệt ở hai nơi cùng làm việc với ta. Đất Bắc kỳ vốn nhiều nghĩa sĩ, từ Quảng Nam trở vô Nam Trung cũng không thiếu gì hạng người khảng khái bi ca. Ta lấy nghĩa đề huề với họ rồi tất cả anh em ba nơi đồng thời khởi nghĩa, để chia bớt sức mạnh của bên địch, mà vây cánh đồ đảng chúng ta đông như vậy họa chẳng mới làm nên công việc ». (Ngục trung thư, trương 17-18).

* * * * *

Vào Nam (1903)

Như theo lời Đặng quân, cụ Phan bàn định trước hết hãy vô Nam Trung, rồi sau sẽ ra Bắc hà, liên kết với anh em toàn quốc để sắp đặt khởi nghĩa sau.

Lúc bấy giờ một bạn đồng niên của cụ, là Đặng Văn Bá tán thành ý định của cụ, cùng với cụ lên đường vào Nam.

Mùa xuân, tháng hai năm Quý mao (1903), cụ cùng với họ Đặng vô Quảng Nam. Đi ngang qua Huế, các cụ gặp ông Lê Võ từ Bình Định về tới đó.

Lê quân vốn con nhà tướng, bốn anh đều vì nước vong thân ; ông nhỏ tuổi nhứt trong nhà nên may chưa chết. Gặp cụ Phan, hai người tỏ bày chí hướng, trở nên một đôi bạn thân, rồi cùng các cụ để vô Quảng Nam, tìm đến ra mắt cụ Nguyễn Thành.

Ông Nguyễn Thành là một viên kiện tướng trong đảng cần vương hai tỉnh Quảng Ngãi, Quang Nam ; hồi khởi nghĩa binh mới có mười tám tuổi, hùng hổ xông pha, nhiều lần đánh địch quân thua chạy ; sau khi bị bắt, nhờ có Nguyễn Thân cứu dùm, may được phóng thích, giờ ông đang ở trong núi làm ăn.

Cụ Phan và ba đồng chí đến, mới làm quen cụ Nguyễn Thành mà đã coi nhau như bạn thân lâu rồi vậy.

Cụ Nguyễn bàn rằng :

« Thuở nay, ai muốn mưu toan đại sự, trước hết phải cần ba điều này :
một là thu phục lòng người,
hai là góp số tiền lớn
ba là sắp đặt mua sắm quân khí cho đủ.

« Hễ lòng người đã chịu tin phục thì số tiền lớn có thể góp được. Có tiền thì vấn đề quân giới không khó giải quyết đâu.

« Nhưng phải hiểu dân trí và tập quán của dân nước nhà, không thể nào bắt chước làm theo châu Âu cho được. Bọn ta muốn có cách kêu gọi nhân tâm cho dễ, nếu không mượn tiếng phò vua giúp chúa thì những nhà sang họ lớn kia, ai chịu phụ họa theo mình. Vậy thì ta dầu có bụng cứu nước mặc lòng, chẳng qua chỉ chết thân mình cho tròn được một tiếng vậy thôi, ngoài ra không ăn thua lợi ích gì cho việc lớn.

« Vua Hàm Nghi trốn tránh ở chốn nào đã lâu không nghe tin tức ra sao. Còn vua Thành Thái hiện tại ở trong tay người Pháp kềm chế, anh em ta không làm cách gì ra vào thân cận bên mình ngài được. Sẵn có dòng dõi đức Đông Cung Cảnh là đích tử Cao Hoàng, hiện nay đang còn. Chúng ta khởi nghĩa, nên trước hết tôn ngài lên làm cung chủ ; có thế thì danh nghĩa mới thuận, hiệu lệnh được chuyên, mỗi khi ta cất tiếng kêu gào, thuận theo chiều gió, tất nhiên có tiếng vang bóng sâu xa lắm vậy.

« Các ông tính sao ? » (Ngục trung thư trang 19-20).

Mặc dầu trong thâm tâm cụ Phan không mấy tán thành, song dân trí ta còn thấp kém, chủ nghĩa gia tộc và quốc gia còn thanh hành, cụ không thể không khuất phục ý kiến ấy được.

Tôn Kỳ ngoại hầu làm minh chủ (1903)

Tháng ba năm quý mao (1903), cụ Phan tìm tới yết kiến Kỳ ngoại hầu Cường Để ở Huế, tỏ bày việc lớn.

Kỳ ngoại hầu mừng nói :

« Lâu nay tôi vẫn nuôi cái chí lớn đó. Ngặt vì từ lúc Hồ Quý Châu và Nguyễn Thu Nam là hai bạn đồng chí của tôi qua đời đi rồi, tôi để ý tìm kiếm mãi nhưng chưa gặp được ai có thể nói câu chuyện ấy với mình. Nay các ông không từ xông pha muôn dặm, vì chỗ thịnh khí với nhau mà tìm đến tôi, tôi xin vui lòng hy sinh tất cả mọi sự, để cùng các ông nằm gai nếm mật, dầu tôi có phải tan thân mất xác cũng vui ».

Rồi Kỳ ngoại hầu cùng cụ và hai ông Đặng, Lê vô Quảng Nam hội họp với các đồng chí ở nhà ông Nguyễn Thành trên núi.

Các ông tôn Kỳ ngoại hầu lên làm hội chủ, và giao công việc của đảng từ hai tỉnh Quảng Nam, Quảng Nghĩa trở về Nam cho Nguyễn Thành gánh vác, còn từ hai tỉnh Quảng Bình, Quảng Trị trở ra Bắc thì cụ Phan đảm nhiệm.

Tháng sáu năm đó, cụ trở về Nghệ rồi thẳng đường ra Bắc Việt đạo trên 10 tỉnh, sắp đặt việc đảng và tìm đồng chí.

Thăm Hoàng Hoa Thám (1903)

Rồi cụ lặn lội lên miệt Yên Thế, tới đồn Phồn Xương để yết kiến ông Hoàng Hoa Thám, tục gọi là ông Đề Thám.

Hoàng là tay cự phách trong đảng cần vương xứ Bắc Việt.

Từ lúc ông Nguyễn Bích tử trận, ông Nguyễn Thiện Thuật chạy sang Tàu thì đảng cần vương Bắc Việt tan rã, duy có ông Đề Thám một mình chiếm giữ miền núi tỉnh Bắc Giang, chống cự với quân Pháp đã ngoài mười năm.

Người Pháp chia cắt miệt rừng cho tướng quân cai quản để cùng tướng quân giảng hòa.

Ngày mồng tám tháng năm quý mao, cụ Phan với hai ông Kiêm Phong Nguyễn Cừ và Cao Điền Nguyễn Điền tới Yên Thế, hai ông ở chờ ngoài đồn, chỉ có mình cụ vào trong.

Đề Thám mang bệnh nặng không thể tiếp kiến cụ được, sai con trưởng là Cả Trọng và hai viên ái tướng là Cả Đình, Cả Huỳnh tiếp đãi cụ.

Cụ ở đấy mười một ngày, tỏ hết tâm sự rồi mới ra đi.

Đảng ở Bắc Việt từ đó mới tổ chức lại.

Tháng mười, cụ trở vô Kinh, báo cáo việc đảng cho Kỳ ngoại hầu biết.

Kỳ ngoại hầu bảo cụ nên vào Nam một chuyến, vì Nam trung vốn là khu đất của tiên triều gây dựng mở mang, lòng người nhớ cũ rất nhiều.

Vào Nam Việt (1903)

Cụ vâng lời, trung tuần tháng chạp năm Quý mão, cụ lên đường vô Nam.

Cuối tháng chạp, tàu đến Sài Gòn.

Qua tháng giêng năm Giáp thìn, cụ đi Châu Đốc, Hà Tiên, tìm thăm các hào kiệt ở Thất Sơn. Lại đi dạo khắp các tỉnh Cần Thơ, Vĩnh Long, Sa Đéc. Nhân dịp thăm viếng cả những chỗ dấu xưa vết cũ của hai cụ Nguyễn Huân, Trương Công Định.

Lưu cầu Huyết lệ tân thư (1904)

Tháng năm năm Giáp thìn, ở Nam Việt về, cụ Phan lại ngụ ở Huế, tìm cách vận động với các cụ chốn quan trường, mới viết ra một quyển sách nhan là « Lưu cầu Huyết lệ tân thư » tả những thảm trạng thành tan nước mất, những nỗi nhớ nhục đối chúa làm tôi, lại nói đến dân trí phải mở mang, dân khí nên gấp bồi dưỡng để làm nền tảng cho việc cứu quốc...

Cụ đem ssách tới ra mắt các cụ Đông các Nguyễn Thảng, Công bộ Đào Tiến, Lễ bộ Hồ Lễ, Lại bộ Nguyễn Thuật ...

Các cụ khen hay, song cũng không giúp đỡ gì cho thành đạt chí hướng cụ Phan.

Song kết quả của quyển « Lưu cầu Huyết lệ tân thư » là làm cho các chí sĩ lần lượt trong kinh đô đều rõ biết mật gan cụ Phan ra thế nào, và nhờ quyển sách giới thiệu mà cụ cùng ông Phan Châu Trinh, ông Trần Quý Cáp, làm quen thân mật với nhau.

* * * * *

Cầu viện Nhứt Bồn (1904)

Lúc bấy giờ, những nghĩa dân hiệp sĩ khắp nơi trong nước đã liên lạc nhứt khí với nhau rồi.

Từ Bắc vô Huế, khắp các tỉnh thành châu quận trọng yếu, cụ Phan cùng các đồng chí đều ngấm ngấm sắp đặt vây cánh phe đảng đâu đó hẩn hòi, chỉ còn đợi thời cơ là khởi sự.

Vấn đề kiếm những khoản tiền lớn để làm việc, cũng có anh em gánh vác trách nhiệm quyền góp.

Song có một vấn đề to lớn quan trọng nhứt mà không sao giải quyết được, chính là vấn đề quân giới. Thời đại này, gươm giáo đao thương sánh sao cho được với súng đồng, bom, đạn.

Các sở chế tạo quân giới trong nước đều canh gác cẩn mật thì làm thế nào mà lấy đi cho được, còn nếu mua khí giới ngoại quốc, thì làm thế nào mà chở vô xứ cho lọt sự canh phòng của nhà chức trách ?

Năm 1904, tiếng súng Lữ Thuận, Liêu Đông vang dậy khắp trời làm cho đám sĩ phu Việt Nma tỉnh ngủ.

Nhật, Nga khai chiến với nhau, mà chú lùn lại đại thắng anh khổng lồ, làm cho ai nấy đều công nhận người da vàng không kém người da trắng.

Hạ tuần tháng 10 năm giáp thìn (1904), các tay lãnh tụ trong đảng mở cuộc đại hội ở tỉnh Quảng Nam, lấy sơn trang Nam thanh làm nơi khai hội, nhận thấy chỗ này gần kinh đô Huế, tất ông Hội chủ là Kỳ ngoại hầu có thể lên tới nhóm hội được.

Lúc đó, ông Tăng Bạt Hổ mới ở Hải Phòng vô, trong đảng lại được thêm một tay kiện tướng, ai nấy vui vẻ hăng hái lạ thường.

Bàn đến vấn đề quân giới, anh em công nhận rằng nếu không nhờ nước ngoài giúp, tất không xong chuyện. Lấy chỗ quan hệ về lịch sử, địa dư, nòi giống mà nói thì có thể giúp cho Việt Nam được, không ai hơn Trung Hoa. Nhưng từ thua trận ở Lạng Sơn hồi năm Giáp thân trở đi, Trung quốc ký điều ước Bắc Kinh với Pháp, đã đem chủ quyền phiên thuộc nước Nam mà nhường cho Pháp rồi.

Đền việc Hàm Nghi xuất bôn, trong khoảng mấy năm dậu, tuất, thiếu gì các nhà ái quốc Việt Nam chạy sang cầu viện bên Trung quốc, song nào có thấy tin tức chi đâu.

Bàn đi tính lại, chỉ còn có cầu viện Nhật Bản.

Lúc ấy, Nhật Bản mới phát lên hùng cường mà họ cũng là dân tộc da vàng ở Châu Á, lại vừa đánh thắng Nga, không chừng họ muốn làm bá chủ cả châu Á, vậy thì họ giúp ta để tước bớt khí lực của châu Âu đi, cũng có điều lợi cho họ vậy. Nếu ta sang kêu ca với họ, chắc có lẽ họ cũng giúp ta quân nhu khí giới chớ chẳng không.

Bàn định rồi, bèn cử cụ Phan làm đại biểu đem bức thơ của ông Hội chủ qua Nhật lo việc khí giới.

* * * * *

Sang Tàu (1904)

Hạ tuần tháng chạp năm giáp thìn (1904), cụ tới kinh yết kiến Hội chủ là Kỳ ngoại hầu, dặn dò công việc sau khi cụ đi, rồi từ Quảng Nam cùng với hai ông Tăng Bạt Hổ và ông Đặng Tử Kính lên đường khởi hành.

Ông Tăng Bạt Hổ lúc trước từng giúp việc quân chơ cho Lưu Vĩnh Phúc, có dịp đi du lịch khắp hai tỉnh Quảng và Đài Loan và nói thông tiếng Quảng Đông.

Mồng hai tháng giêng năm Ất tị (1905), cụ Phan ra Hải Phòng giả làm thương khách, bí mật xuống tàu.

Khi lên đường, cụ khẫu chiếm từ biệt anh em đồng chí bằng một bài thơ lưu giản, đầy giọng cảm khái :

*Sanh vi nam tử yếu hy kỳ
Khắc hứa càn không tự chuyện di
Ư bách niên trung tu hữu ngã
Khởi thiên tải hạ cảnh vô thù
Giang sơn tử hỉ sinh đồ nhuế
Hiền thành liêu nhiên tụng diệc si.
Nguyễn trưc trường phong Đông hải khứ
Thiên trùng bạch lãng nhất tề phi.*

Dịch :

*Khắc thường bay nhảy mới là trai
Chẳng chịu vắn xoay mặc ý trời !
Trong cuộc trăm đành có tớ
Rồi sau muôn thuở há không ai ?
Non sông đã mất, mình khôn sống
Hiền thánh đâu còn, học cũng hoài
Đông hải xông pha nung cánh gió
Nghìn làn sóng bạc múa ngoài khơi.*

(Ngục trung thư, trương 34)

Từ Hải Phòng ra Mongcay, cụ giả làm chủ khách đi buôn, cạo đầu gióc bín, đắp một chiếc tàu buôn mà đi.

Lúc tàu đến bến, cụ với các bạn đợi đêm khuya mới mượn một chiếc thuyền đánh cá nhỏ, lén qua Trúc Sơn, Trường Sơn là bờ cõi huyện Phong Thành nước Trung Hoa.

Ra khỏi Bắc Việt rồi, các giấy tờ quan hệ và tiền bạc của các cụ đều còn nguyên vẹn.

Ở lại Trúc Sơn một tuần lễ mới đáp ghe buồm Khâm Châu mà đi Bắc Hải.

Lúc bấy giờ đã bước qua sơ tuần tháng hai, ngọn gió đông bắc còn thổi mạnh, thành ra ghe đi chỉ có bảy ngày tới Hiệp Phố. Cụ đổi sang tàu buôn Anh quốc mà đến Hương Cảng.

Ở Hương Cảng mà hưởng cái không khí tự do hơn một tuần, cụ Phan bèn đi Quảng Đông viếng quan Hiệp đốc đại thần Nguyễn Thiện Thuật trước kia vì quốc nạn mà chạy sang Quảng Đông, giờ đang cư ngụ trong nhà thờ họ Lưu ở Sa Hà, Nguyễn Công là bậc ngang hàng với thân phụ cụ Phan, lại là tay cần vương ngày trước.

Gặp cụ Phan, Nguyễn công mừng rỡ, dắt cụ đến yết kiến Uyên đình Lưu Vĩnh Phúc.

* * * * *

Gặp Lương Khải Siêu và Khuyển Dưỡng Nghị (1905)

Lúc cụ đến tỉnh thành Quảng Đông, chính là lúc Sầm Xuân Huyền đang làm tổng đốc Lương Quảng.

Cụ gởi cho Sầm một bức thư, nói rõ tình hình tỉnh Quảng và nước Nam, ở giáp ranh nhau như thể là môi với răng, môi hở thì răng lạnh, cầu xin họ Sầm giúp đỡ nước Nam, bất cứ về phương diện nào.

Thơ đi thời có, thơ về thời không.

Sầm tướng quân sợ người Pháp như cọp, ấy là thói quen của quan lại nhà Thanh.

Cụ trở về Hương Cảng rồi đáp tàu sang Thượng Hải, sau ngày rằm tháng ba.

Thượng tuần tháng tư, đáp tàu Nhựt ở bến Thượng Hải, trung tuần thì đến Hoành Tân. Trước hết tới ra mắt Lương nhiệm công Khải Siêu, đang làm chủ « Tân dân tùng báo ».

Trong bức thư cụ xin ra mắt Lương, có câu như vậy : « Ra đời khóc một tiếng, đã là tương tri, sách vở đọc mười năm, trở nên thông gia ». (Lạc địa nhứt tỉnh khóc, tức dĩ tương tri, đọc thơ thập niên nhĩn, toại thành thông gia).

Tiếp được thư, Lương mời cụ vào lập tức, hai người cùng bút đàm.

Cụ chỉ kể đại khái tình hình người Pháp cai trị nước Việt ra sao, rồi viết ra cuốn « Việt Nam vong quốc sử » đưa trọn bản thảo cho Lương đem ra in.

Lương đối đãi với cụ rất tử tế. Cụ tỏ cho Lương biết cụ cùng đồng minh mưu tính cậy nhờ người Nhựt giúp cho khí giới để khởi binh đánh đổ chánh phủ Pháp.

Lương đáp :

- Nhiệt tâm của các ông như thế, sức tôi có được tới đâu tôi giúp liền tới đó, không hề chạy chối. Nhưng nghĩ lại sự giúp sức cho đảng cách mạng đánh đổ chính phủ, thuở nay các nước không có lệ đó bao giờ. Nếu có chẳng nữa, chỉ là lúc nào hai nước có chuyện xích mích tới đánh nhau mà thôi. Nay hai nước Pháp Nhựt chưa tới cơ hội xích mích đánh nhau, có khi nào chánh phủ Nhựt chịu giúp khí giới cho các ông.

« Nghĩ tới cách khác, duy có mấy chánh đảng của dân họ đem sức riêng giúp ngầm các ông, họa chẳng có thể. Trong mấy dân đảng ở nước Nhựt hiện thời, chỉ có đảng Tấn bộ nhiều thể lực mà Bác tước Đại Ôi và Khuyển Dưỡng Nghị là hai người đầu đảng. Nếu các ông muốn làm quen hai người đó thì tôi giới thiệu giùm ».

* * * * *

Rồi họ Lương cùng cụ Phan đi Đông Kinh yết kiến Khuyển Dưỡng Nghị, ông này lại dẫn cụ ra mắt Đại Ôi Bá tước, giới thiệu với các vị yếu nhân trong đảng.

Cụ nhân dịp tỏ bày ý muốn cầu viện.

Họ bảo cụ rần chờ đợi một ít lâu, làm sao được chánh phủ Nhựt ngầm chịu giúp cho thì mới có thể làm. Nhưng mới đánh Nga vừa xong, chưa rảnh mà ngó ngang việc khác.

Người Nhựt vốn tôn trọng Thiên Hoàng, cụ Phan tỏ cho họ biết rằng đảng của cụ cũng tôn sùng quân chủ và tôn một vị hoàng thân là Kỳ ngoại hầu Cường Để lên làm hội chủ.

Các vị trong đảng Tấn bộ bảo cụ rước Kỳ ngoại hầu sang qua, thì giao tình của hai nước, càng thêm khẩn khít.

Cụ nghĩ, đã trốn ra nước ngoài, nếu tiếng tăm bay ra, rủi ro mà Hội chủ có bề gì, chắc là ảnh hưởng đến việc đảng lớn lắm.

Cụ quyết kế trở về nước để mời Hội chủ xuất dương.

* * * * *

Về nước lần thứ nhứt (1905) Kỳ ngoại hầu xuất dương (1906)

Trong lúc cụ ở Nhựt, được biết rõ hiện trạng của Nhựt về chính trị, giáo dục, ngoại giao, thực nghiệp, cụ hết sức hồ thắm cho Việt Nam chưa được tiến hóa đến đâu.

Thượng tuần tháng bảy năm Ất tị (1905), cụ với ông Đặng Tử Kính đáp tàu ở Hoành Tân về nước.

Tháng tám, về tới Hải Phòng, ở nhà một người bạn trong đảng, sự vui mừng khôn kể xiết. Vì lúc cụ đến Bắc Hải, đánh liều xuống một chiếc tàu Pháp, nhờ một người đồng bào đốt than trong tàu che chở giùm. Đến lúc người Pháp xuống tàu khám xét thời va giấu cụ ở khoang tàu dưới chót, chung quanh chất đầy than, cụ nằm lệt ở giữa im lìm không dám hó hé, nhờ vậy mà người Pháp không hay, cụ mới lên về nước được.

Lên bến Hải Phòng rồi, cụ đáp xe lửa đi về Nghệ An.

Trên xe, tình cờ gặp ông Tuần phủ X... là người tôi tớ đắc lực của thực dân, ông ấy viết ít chữ trên miếng giấy nhỏ đưa cho cụ xem như vậy :

« Ông trốn đi chưa đầy tuần lễ, mật thám đã bủa lưới khắp nơi. Vậy ông sớm liệu đào tẩu cho mau, không thì nguy đấy ».

Cụ trốn trở về Hà Tĩnh, ước hẹn những anh em kín đáo tới hội họp tại nhà Đặng Quân. Còn ông Tử Kính thì đem giấy tờ trọng yếu vô Huế trước để yết kiến Hội chủ, rồi đi thẳng vô Quảng Nam, tỏ sự mình mưu tính cho đồng chí hai tỉnh Nam Nghĩa hay.

Các đồng chí lại hối thúc cụ ra ngoài vì người Pháp dòm ngó Nghệ Tĩnh gắt gao, ở lâu e nguy hiểm. Vừa may cụ gặp ông Trần Đông Phong đem đến 15 nén bạc và 200 đồng tặng cụ và giục cụ khởi hành.

Lúc ra đi, cụ lưu ông Tử Kính ở lại Huế và dặn dò ông Đặng Thái Thân lo việc hộ vệ Hội chủ xuất dương cho vẹn toàn, lại viết thư nhắc nhở anh em phải liệu định sẵn sàng món tiền mua sắm và chuyên chở khí giới để sắp đặt khởi sự mai sau.

Thượng tuần tháng chín, cụ với Nguyễn Thức Canh từ bến đò Ché Giang ra đi, cuối tháng tới Hải Phòng, nhờ một người làm bồi dưới chiếc tàu Pháp tên là Lý Tuệ giúp kế thoát nguy.

Lý Tuệ là một người hăng hái làm việc nghĩa, sau làm quốc sự bị đày.

* * * * *

Tháng mười năm ấy, cụ đến Hoành Tân, rồi một bữa, cụ đến nhà Lương Khải Siêu, trong lúc bút đàm, cụ đem ý kiến về việc khai dân trí mà bàn cùng Lương.

Lương bảo :

« Cái kế hoạch độc lập của quý quốc có ba đề mục lớn.

Một là thực lực riêng ở trong nước các ông.

Hai là nhờ hai tỉnh Quảng nước tôi cứu viện.

Ba là nhờ sức cứu viện của Nhật.

Hai tỉnh Quảng giúp chỉ là giúp giùm khí giới. Mà Nhật có giúp cũng chỉ là giúp về mặt ngoại giao, còn thì nhứt thiết đều trông cậy ở thực lực của quý quốc mà thôi.

« Thực lực hệ trọng hơn hết, không gì cho bằng nhân tài.

« Vậy thì tôi tính kế cho quý quốc bây giờ, trước hết ta hãy gắng công ra sức vun trồng nhân tài. Hễ nhân tài có đủ, thì chỉ đợi thời cơ đưa đến là ta làm việc lớn được dễ dàng ».

* * * * *

Đào tạo nhân tài

Cụ phục lời Lương là phải, soạn một bài văn « Khuyên thanh niên du học » in ra mấy ngàn tập, giao cho Tăng Bạt Hổ đem về nước phát hành.

Mùa đông tháng chạp năm Ất tị, Tăng quân về nước, lo cổ động thanh niên xuất dương du học bên Nhật bản.

Vừa khi đó, ông Nguyễn Hải Thần ở Việt Nam trốn qua tới Nhật gặp cụ Phan ở Hoành Tân, được đọc bài « Khuyên thanh niên du học » rất mừng, tình nguyện gánh vác khoản tiền tổn phí cổ động du học sinh.

Chẳng bao lâu, tập văn của cụ có tiếng vang dội làm rung động xôn xao cả nước Việt Nam.

Tháng giêng năm Bính ngọ (1906), cụ bàn tính với ông Khuyển Dưỡng Nghị đưa học sinh Việt Nam sang học, sắp đặt cho anh em trường học và chỗ lưu trú sẵn sàng.

Lúc đó ông Phước Đào đang làm hiệu trưởng « Chấn Võ học hiệu » tại Đông Kinh, cụ liền xin cho Trần Hữu Công (tức Nguyễn Thúc Canh), Lương Lập Nham và Nguyễn Điền ba người vô học trường ấy, còn một người nữa là Lương Nghị Khanh thì vô học « Đông văn thư viện ».

Có lẽ bốn người này là du học sanh trước nhứt.

Tháng hai năm Ngọ (1906), bọn ông Tử Kính đã phò tá Hội chủ Kỳ ngoại hầu đến Hương Cảng được yên ổn, viết thơ sang Nhật gọi cụ Phan qua.

Hạ tuần tháng hai, cụ đáp tàu Nhật sang Hương Cảng ; tới đây lại gặp Phan Châu Trinh mới từ Việt Nam qua ; Kỳ ngoại hầu cùng hai cụ Phan xuống tàu sang Nhật, đến Hoành Tân vào hạ tuần tháng tư.

Cụ dẫn ông Phan Châu Trinh đi xem khắp các trường học và các nơi danh tiếng ở thành Đông Kinh, lại giáp mặt nhiều danh nhân nước Nhựt.

Phan quân nói với cụ rằng :

« Xem dân trí Nhựt Bản rồi đem dân trí ta ra so sánh, thật không khác gì muốn đem con gà con đò với con chim cất già. Giờ bác ở đây, nên chuyên tâm ra sức vào việc văn, thức tỉnh đồng bào cho khỏi tai diếc mắt đui, còn việc mở mang diu dặt ở trong nước nhà thì tôi xin lãnh. Lưỡi tôi còn, người Pháp chẳng làm gì tôi được mà lo ».

Cụ Phan Bội Châu cho lời ấy là phải, bèn viết ra tập đầu « Hải ngoại huyết thư », nhân lúc ông Châu Trinh về nước, cụ gửi tập huyết thư ấy đem về.

Cách không bao lâu, những đồng chí trong phái quá khích ở Nghệ Tĩnh như mấy ông Đại Đầu, Thần Sơn, viết thư hỏi thúc cụ, về việc quân giới.

Dường như cụ Phan không tán thành chánh sách của mấy ông ấy, vì cụ nhìn nhận rằng « lúc chưa bỏ nước ra đi, (cụ) cũng chỉ có tư tưởng giống y như thế ; chừng sau ra ngoài được rộng kiến văn và nhờ người giáo huấn, (cụ) mới biết sự nghiệp quang phục nước nhà, không sao có cơ sở cho thật bền vững thì không làm nên » (Ngục trung thư, trang 51).

Bởi vậy, một mặt cụ cổ vũ thanh niên du học, một mặt cụ muốn mở mang tư tưởng ái quốc cho toàn dân, bèn viết ra :

« Tân Việt Nam Kỷ niệm lục », « Việt Nam sử khảo », và tập « Hải ngoại huyết thư nói theo », lời lẽ lâm li thống thiết, kêu gọi lòng ái quốc của quốc dân, xem gương diệt vong của Chiêm Thành, Chân Lạp mà suy và theo chân nổi gót hai bà Trưng, vua Lê Thái Tổ mà hăng hái làm cho nước được độc lập hùng cường.

* * * * *

Về nước lần thứ nhì (1906)

Mặc dầu ý kiến cụ như vậy, song cụ cũng không thể làm lơ với lời kêu gọi của anh em quá khích.

Vậy cụ lại tính trở về nước lần thứ nhì với hai mục đích.

Một là đi qua các nơi hiểm yếu ở biên giới hai tỉnh Việt (Quảng Đông), Quế (Quảng Tây) để xem xét địa thế và mượn đường với các hào kiệt trong vùng ấy để chuyên chở quân giới mai sau.

Hai là lên Bắc Giang yết kiến ông Hoàng Hoa Thám, xin một khu đất để anh em quá khích lập đồn điền nương thân, chờ giải quyết vấn đề quân giới.

Tháng bảy năm Bính ngọ, cụ lại từ già Nhật Bản về Quảng Đông, đến Sa Hà ra mắt Mạnh hiếu Công, vừa gặp người con trưởng của cụ Phan Đình Phùng là Phan Bá Ngọc cũng vừa trong nước ra đến nơi.

Cụ vội vàng đi Khâm Châu tìm kiếm một người trong nghĩa đảng hồi trước, tên là Tiêu Đức, để cậy va làm hướng đạo. Hai người đi men một dọc bờ cõi dưới Từ Châu, qua phủ Thái

Bình, đến Long Châu, rồi vượt qua cửa ải Trấn Nam Quan. Trước sau cả thấy năm tuần lễ, bao nhiêu địa thế hiểm trở, cụ đều xem xét kỹ càng.

Qua ải Trấn Nam, tới chợ Vân Uyên, nhờ mua một cái giấy thông hành của một khách buôn mà cụ đi lọt đồn binh Pháp, lên xe lửa ở Đồng Đăng mà đi Hà Nội.

Lúc ấy là thượng tuần tháng chín.

Xe lửa tới ga Gia Lâm thì cụ xuống đi đường bộ lên Thái Nguyên, tới chợ Chu vào thăm Lương Tam Kỳ.

Nguyên là lúc cụ đi ngang qua Thái Bình phủ đã có dịp vào ra mắt quan Thống lãnh Trần Thế Hoa, xin ông giới thiệu cụ với Lương Tam Kỳ vì Lương là bộ hạ cũ của ông.

Trần lại sai một viên thuộc hạ dẫn đường cho cụ tới đồn điền của Lương.

Lương ở Thái Nguyên, có đồn điền lớn, thế lực to, chiếm gần hết tám phần mười của toàn tỉnh. Bộ hạ đông, quân giới khá, chánh phủ Pháp phong làm chức Chiêu phủ đại sứ để ràng buộc Lương.

Cụ Phan và người của Trần đến, Lương hết sức hoan nghênh, nhân dịp cụ Phan thuyết Lương phản chính và giúp sức đảng, Lương nói :

« Chừng nào đại binh các ngài hạ Đông Kinh thì tôi xin đem hai tỉnh Thái Nguyên và Bắc Kạn ứng theo ».

Thế là câu chuyện ăn trọt.

Cụ Phan từ biệt Lương, do đường núi rừng lên tỉnh Bắc Giang tới đồn Phồn Xương, yết kiến Hoàng Hoa Thám.

Lúc ấy ông Đặng Thái Tân đang có việc ở Hà Nội, được tin tức cụ liền lên Phồn Xương gặp cụ.

Rồi đó, hai người xin ông Đề Thám cấp cho một chỗ đất để làm đồn điền, thu dụng đảng viên Nghệ Tĩnh. Tướng quân nhận lời ngay và không bao lâu, đồn điền « Tú Nghệ » lập ra trong phần đất của Hoàng cai quản.

* * * * *

Chánh phủ lâm thời Tân Việt Nam (1908)

Nhưng rồi người Pháp, thỉnh linh tấn công Hoàng Hoa Thám, thành thử đồn điền của cụ Phan lập ra phút chốc tan tành.

Lúc sắp đặt công cuộc đồn điền xong là hạ tuần tháng mười, cụ lui xuống Hà Nội gặp ông Ngô Đức Kế và các đồng chí ở Kinh ra, bàn tính các việc. Rồi lại đi Bắc Ninh, lấy nhà ông cử Nội Duệ làm nơi tụ họp bí mật.

Hai ông Đặng Thái Thân và Lê Võ cùng ở Nghệ ra Bắc cùng cụ hội đàm quốc sự.

Nhưng mật thám bủa lưới khắp nơi vây cụ, anh em hồi cụ lìa khỏi nước nhà, thế là trung tuần tháng chạp, cụ qua cửa ải Nam Quan, do đường Quảng Tây mà đến Ngô châu, để xuống ghe đi Hương Cảng.

Thượng tuần tháng hai năm Đinh mùi (1907), cụ đến nơi.

Lúc bấy giờ ảnh hưởng bài văn khuyến học của cụ lan rộng khắp ba kỳ. Trong nước, các nơi đều lo tổ chức những trường học mới. Nổi tiếng nhất là trường « Đông kinh nghĩa thực ».

Thanh niên tấp nập xuất dương du học, sang Quảng Đông và Hương Cảng.

Bắc Việt có Đặng Tử Mãn, Đàm Khanh...
Trung Việt có Nguyễn Siêu, Lâm Quảng Trung.
Nam Việt thì có Đặng Bình Thành, Hoàng Hưng.

Cụ Phan lại lập tại Hương Cảng một nhà hội gọi là « Việt Nam thương đoàn công hội » để giúp đỡ việc cho đảng, giao cho ông Võ Mẫn Kiển làm chủ trì.

Những người Việt Nam qua làm ăn tại Hương Cảng gia nhập hội rất đông, song rủi chưa được mấy năm, bị can thiệp mà hội phải giải tán.

Từ xuân Đinh mùi (1907) đến đông Mậu thân (1908), là thời kỳ thanh niên ta du học thành hành nhất, mà trách nhiệm cụ Phan càng nặng nề. Nào là chọn người vào học, nào là lo liệu giao thiệp, nào là vận động bạc tiền, nào là liên lạc.

Cụ lại cùng các đồng chí dựng lên « Tân Việt Nam Cống hiến » làm như một chánh phủ lâm thời của Việt Nam ở hải ngoại.

Không bao lâu, có những việc ám sát quan binh Pháp và dân rủ nhau xin thuế thành lính nổi lên ở Trung Bắc Việt làm cho chánh phủ Pháp, năm Thân (1908), năm Dậu (1909) bủa lưới mật thám bắt nghĩa đảng.

* * * * *

Học sinh đoàn bị giải tán (1909 ?)

Đồng thời, Pháp lại vịn lấy chỗ quan hệ của tờ hiệp ước Pháp Nhựt mà giao thiệp với chánh phủ Nhựt, yêu cầu bắt người đầu đảng và giải tán học sinh đoàn Việt Nam ở Nhựt.

Học sinh đoàn bị hai tai ách là « Kinh tế hết phương » và « Ngoại giao bịt lối », anh em đành phải từ giã đất nước Nhựt Bồn mà đi.

Bao nhiêu sách vở truyền đơn của cụ in ra để cổ động quốc dân đều bị chánh phủ Nhựt tịch thu hết.

Cụ Phan với Kỳ ngoại hầu cũng bị chánh phủ Nhựt buộc phải xuất cảnh.

Lúc bấy giờ học sinh Việt Nam có người chạy qua Bắc Kinh, như bọn Chung Hạo Sanh, có người tới Quảng Tây như Nguyễn Tiêu Đầu (Bá Trác), Nguyễn Siên, Đặng Quốc Kiền.

Cũng có người vẫn lưu ở Nhựt, giả làm người Tàu để cầu học, như Trần Trọng Khắc, Hoàng Đình Tuân.

Còn cụ Phan ? Cụ nghĩ không thể nào không qua con đường bạo động, mặc dầu, theo ý cụ, chưa có thể lực thì bạo động với tự sát là việc làm của kẻ kiến thức hẹp hòi, không biết lo xa, nhưng nếu sự thế buộc tự sát, thà rằng xoay ra bạo động mà chết còn hơn.

Tháng tư, mùa hạ, năm Kỷ dậu (1909), với số tiền của đảng gởi ra, cụ đem trao hết cho một hiệu buôn Nhựt để họ lên mua quân giới cho mình.

Quân giới mua rồi, do Đặng Tử Mẫn bí mật đem qua Hương Cảng, lúc ấy là hạ tuần tháng năm, cụ cũng đang ở đó.

Nghे tin nước nhà đưa sang, ông Đề Thám đang kịch chiến với Pháp binh, cụ nghĩ phải chuyên chở khí giới về cứu viện họ Hoàng mới được.

Song muốn chở quân giới vào Trung Việt tất phải mượn đường Xiêm, vậy cụ tức tốc lên đường sang Vọng Các, kinh đô Xiêm tìm cách yết kiến nhà đương cuộc Xiêm cầu họ giúp đỡ cho mình, song họ dùng dằng chưa quyết.

Cụ lại từ giả Vọng Các đi Nam Dương, tìm Chương Bình Lân là một đảng viên cách mạng Trung Hoa, nhờ Chương viết một bức thư giới thiệu cụ với đầu đảng cách mạng. Bàn định xong rồi cụ tới một hãng tàu Trung Hoa thương thuyết với họ về khoản tiền chuyên chở.

Không ngờ, trung tuần tháng hai năm Canh tuất (1910), cụ ở Nam Dương trở về, thì nghe tin chánh phủ Pháp đàn áp dữ quá, người chủ nã của đảng ở trong nước là ông Ngự Hải bị nạn, việc đảng vỡ lở tứ tung. Bao nhiêu quân giới giấu ở Hương Cảng, vì sự đình trệ lâu ngày mà thấu đến tai nhà đương cuộc Anh ở Hương Cảng, cả thấy hơn 10 hòm súng đạn đều bị chánh phủ Anh tịch thu hết !

Hung tin ấy đưa đến như nhát dao giết cái kế bạo động của cụ, nhân đó cụ có câu thơ cảm khái như vậy :

« Ưa thế kỷ hồi thương hải khắp,
« Kinh nhân nhất chỉ ngọc sơn đồi.
Nghĩa là :
« Lo nước bao phen ta huyết lệ
« Tin quê đưa tới luống kinh tâm...

Lại còn câu nữa :
« Khả vô mãnh hỏa thiêu sào khứ
« Thiên hựu cuồng phong tổng hận lai
Nghĩa là :
« Đã không ngọn lửa thêu sào rụi
« Lại có cơn dông thổi giận thêm.

* * * * *

Từ tháng ba năm Canh tuất (1910) trở đi, cụ Phan ở vào thời kỳ khổ não. Tin tức nước nhà có khi vắng bật mấy tháng trời, vì chánh phủ Pháp khám xét thơ từ và tịch thu tiền bạc trong nước gởi ra ngoài cho các cụ.

Thỉnh thoảng có tin miệng đưa tới đều những tin kinh hoàng : Đàm Kỳ Sanh bị đày, Lê Võ bị bắt ... !

Cụ rời Xiêm sang Quảng Châu, bị bọn quan lại Pháp bỏ tiền mua bọn trinh thám người Tàu làm khó cho cụ, làm cụ không dám dùng ngòi bút làm kế sinh nhai, chỉ nương dựa vào một bà nữ sĩ nghĩa hiệp 70 tuổi là bà Châu Bách Linh.

* * * * *

Thời kỳ ở Xiêm (1911)

Lúc bấy giờ người trong đảng kiều ngụ nương náu ở Xiêm có các ông Từ Kính, Ngô Sanh và Minh Chung (hay Chương Chu ?) rủ nhau chịu khó cày cấy ruộng nương, chăn nuôi gà vịt, để làm kế trữ sức lâu ngày.

Các ông viết thư sang Hương Cảng gọi cụ qua.

Thế là tháng 2 năm Tân hợi (1911), cụ lại qua Xiêm, cụ ở sở ruộng Bận Thâm, dầm mưa dãi nắng, sống cái đời nông phu cực nhọc với anh em trước sau tám tháng.

Tuy là cày cấy để sinh sống tạm, nhưng thật lúc bấy giờ không ai trong tay có một đồng nào, biết lấy gì chi dụng, nhứt là « làm cách mạng » thì lẽ tự nhiên là phải xài tiền nhiều.

Cụ Phan với cụ Nguyễn Thành Hiến, biệt hiệu là Chương Chu, người Cần Thơ, đến chùa Phổ Phước tìm Thiện Quảng thiền sư, tức là « Thầy Rau » (vì ngài tu hành tuyệt cốc, mỗi ngày ăn ngọ, và ăn vồn vẹn có hai chén rau luộc thôi).

Hai cụ ngộ ý nhờ thiền sư trở về nước quyên tiền trợ cấp các đảng viên của phong trào Đại đồng du đang lâm vào cảnh khốn đốn.

Thiền sư nhận lời, với một đảng viên cách mạng là Minh Trai lên về Nam Việt, và hơn một tháng sau hai người trở lại với một số tiền 2000 \$.

Năm sau, thiền sư Thiện Quảng lại trở về nước định quyên món tiền lớn cho đảng cách mạng Việt Nam hoạt động, nhưng than ôi, ngài cùng một đảng viên cách mạng do đường bộ, ngã Cao Miên xuyên đường rừng núi xuống Tây Ninh, không may bị lộ hình tích, cả hai thầy trò đều bị bắn.

Cụ Sào Nam và cụ Chương Chu có dựng bia đá kỷ niệm công đức ngài trong hang Kho Lẽm ở Xiêm.

Nhàn rồi, cụ soạn nào truyện Lê Thái Tổ, nào truyện Trưng Nữ vương, nào những khúc hát bài ca, cô vũ tám lòng yêu nước yêu giống yêu nòi, dạy những người ở sở ruộng học thuộc lòng.

Tháng 10 năm 1911, Phan Bá Ngọc, ở Hương Cảng sang Xiêm, đem cái tin Võ Xương khởi nghĩa nói cho cụ nghe, cụ lấy làm cảm động.

Hồi trước cụ còn ở Nhựt, từng kết giao với bọn lãnh tụ cách mạng Tàu như Hoàng Khắc Cường, Chương Thái Viêm. Lại cùng bọn Trương Kế và chí sĩ các nước Triều Tiên, Nhựt Bản, Ấn Độ và Phi Luật Tân tổ chức ra hội « Đông Á Đồng Minh » cùng một hạng người đau lòng mất nước, mong phục nghiệp xưa.

Nghe lời khuyên của Bá Ngọc, cụ trở qua nước Tàu.

* * * * *

Được Trần Kỳ Mỹ và Hồ Hán Dân tán trợ (1912)

Hạ tuần tháng 11, cụ tới Hương Cảng, anh em đồng chí tản mác các nơi, giờ đều quần tụ lại đây.

Cụ viết ra một bài chính kiến, tựa là « Liên Á sở ngôn » kêu gào hai nước Trung Hoa và Nhựt Bản nên chung vai đấu cật gầy dựng đại cuộc châu Á.

Bài này truyền ra, được các nhà kiến thức tán thành.

Mùa xuân năm Nhâm tí (1912), nước Trung Hoa dân quốc thành lập, cuộc cách mạng xong xuôi, cụ đi Thượng Hải tìm thăm người bạn thân là Trần Kỳ Mỹ đang làm Đốc quân, được Trần quân tặng cụ một số tiền lớn để hoạt động.

Cụ lại nhân dịp Dân đảng ở Quảng Đông cũng thành công, Hồ Hán Dân làm Đô Đốc, cùng với cảnh sát trưởng Trần Cảnh Hoa, vốn tỏ ý đồng tình với đảng cách mạng Việt Nam, cụ lại đi Quảng châu và định ở luôn tại đó.

Trung Hoa dân quốc dựng lên có ảnh hưởng rất lớn đến Việt Nam, dân khí nước ta lại càng phấn chấn, thanh niên lại tập nập bỏ nước sang Quảng Châu.

Bọn ông Liệt Sanh ở Nam Kỳ qua, bọn ông Nguyễn Hải Thần ở Bắc Kỳ tới, Đặng Tử Kinh và Đặng Hồng Phần ở Xiêm sang. Mấy anh em học tốt nghiệp ở trường Lục quân Quảng Tây lớp nọ, nay cũng đồng thời kéo đến Quảng Châu để hội họp nhau.

Cụ Phan cùng đồng chí thuê một căn nhà ở ngoài thành để làm cơ quan.

Đảng viên xã hội Tàu ở Quảng Đông là các ông Đặng Cảnh Á và Lưu Sư Phục cũng ra tay giúp sức đảng cách mạng Việt Nam mà vận động giùm với các giới.

Chánh phủ Quảng Đông sẵn lòng nhắm mắt làm lơ, cho nên đảng cách mạng Việt Nam làm việc rất hăng hái.

Anh em đồng chí thúc giục cụ Phan cử đồ đại sự, song đảng lại bị thất bại lần thứ hai nữa.

Mồng hai tháng năm, năm Nhâm tí (1912), anh em trong đảng sửa soạn tổ chức lại, thành ra hội « Việt Nam Quang phục ».

Các đồng chí cử cụ giữ quyền tổng lý ; Hoàng Trọng Mậu thì làm bí thư.

Đảng thảo ra thể lệ cách thức đạo quân Việt Nam Quang phục, lại in ra phiếu quân dụng riêng cho Việt Nam. Quang phục quân dùng với nhau. Một mặt khác, cụ cùng đồng chí in vô số sách vở văn bài cổ động, như là truyện Hà thành liệt sĩ và bài văn khuyên bảo lính tập, rồi sai người chuyển vận về nước, rải phát tứ tung.

Tháng hai năm Quý sửu (1913), đảng ủy ông Nguyễn Hải Thần làm chi bộ bộ trưởng hội Việt Nam Quang phục ở Quế Biên (giáp giới tỉnh Quế, tức tỉnh Quảng Tây), ông Trần Văn Kiện làm chi bộ bộ trưởng ở Xiêm biên, còn Đỗ Chơn Thiết thì tự nguyện phụ trách ngã Điền biên (Điền là tên tắt của tỉnh Vân Nam).

Đảng viên bàn định, lúc nào cử sự thì cả ba mặt cùng tiến, sắp đặt sẵn sàng, chỉ còn đợi ngày giờ đến thì làm việc.

Song kinh tế còn eo hẹp mà quân lương cũng túng thiếu.

Và tai biến lại xảy ra bất ngờ.

* * * * *

Bị Long Tế Quang bắt (1913)

Giữa năm 1913, có hai vụ ném bom ở Thái Bình và « Hà Nội hôtel », hội đồng đề hình lập ngày tháng 9, xử 14 án chém, cụ Phan và ông Cường Để đứng đầu, cùng bị tử hình vắng mặt.

Năm 1913, cuộc diện Pháp Đức ở Âu châu đã có mỗi khuôn bách mỗi ngày đi sâu mãi vào cái tình thế không khỏi chiến tranh.

Nhà đương cuộc Pháp phòng sợ khi họ đánh nhau với Đức ở châu Âu thì ở đây đảng Việt Nam cách mạng bên trong và bên ngoài, tất sẽ thừa cơ dấy lên, nội ứng ngoại hiệp, lật đổ chủ quyền thực dân.

Vì đó, họ muốn tìm cách sớm trừ cái họa sau lưng nghĩa là trừ bọn Việt Nam chí sĩ ở hải ngoại, trước hết là cụ Phan.

Mùa hạ năm Quý sửu, tỉnh thành Quảng Đông, quân lính nổi dậy gây biến, đánh đổ Đô đốc Trần Cảnh Hoa, làm cho Trần phải chạy. Long Tế Quang kéo binh tới, tự lãnh chức đô đốc Quảng Đông.

Thuở nay, Long với đảng Việt Nam cách mạng vẫn không quen biết nhau và không liên lạc với nhau bao giờ. Long lại thù ghét cánh Hồ Hán Dân và Trần Cảnh Hoa mà cánh này lại có cảm tình với Việt Nam cách mạng, cho nên đảng mới bị vạ lây.

Vả lại Pháp lấy lợi nhờ Long Tế Quang đặt nhặt nhanh người Việt Nam ta tại Quảng Đông, tổng hết vào ngục.

Lúc đó cụ Phan muốn bỏ đi nơi khác, song việc đảng xếp đặt chưa yên, còn phải ở đó ; cụ cần thận nhờ ông Nguyễn Thượng Hiền vận động với bộ Ngoại giao Bắc Kinh xin giùm cụ một

tám giấy hộ chiếu. Song bạn đồng chí cùng ở Quảng Đông với cụ cũng nhiều mà tiền bạc không có, thành thử đành chịu nán nã ở đó, chưa tính đi đâu.

Cách không bao lâu, có tin báo rằng quan Toàn quyền Đông Pháp Albert Sarraut tới Quảng Châu, (tỉnh thành Quảng Đông) đem vụ án đầu đảng cách mạng nước Nam ra, xin chánh phủ Quảng Đông bắt tội để giải giao về chánh phủ Pháp xử.

Kể một tuần sau, thì các cơ quan hành sự của đảng đều bị khám xét và bị giải tán.

Trước khi Hoàng Trọng Mậu có việc đi Vân Nam và Phan Bá Ngọc hồi xuống tàu đi Nhật Bản, đều căn dặn cụ nên liệu cơ mà từ giả Quảng Đông kéo nguy.

Song cụ nghĩ, các bạn đồng chí ở Quảng Đông với mình vô số, mình nỡ lòng nào bỏ mà đi, để yên thân một mình.

Trước Tết 8 bữa, Long Tế Quang bắt được cụ Phan, coi như bắt được của quý vô giá, vì Pháp hứa Long đánh đổi cụ Phan với một số tiền rất to.

Trong ngục, cụ bị giam chung với Mai quân Lão Bạng, một giáo sĩ đạo Thiên Chúa, người tỉnh Nghệ, bỏ nước ra ngoài hoạt động chính trị, lần này bị bắt là lần thứ ba.

Mai quân than thở mình vì nước bốn ba chưa làm nên việc gì, chỉ những giam hãm lao tù, mất hết ngày giờ quý hóa.

Cụ Phan đọc miệng một bài thơ yên ủi quân như sau này :

*Phiêu bồng ngã bối các tha hương
Tân khổ thiên quân phận ngoại thường
Tánh mạng kỷ hồi tân tử địa
Tu mi tam độ nhập linh đường
Kính nhân sự nghiệp thiên đào chú
Bất thế phong vân để chủ trương
Giả sử tiền đồ tận di thần
Anh hùng hào kiệt giả dung thường*

Đại ý là :

*Bơ vơ đất khách bác cùng tôi
Riêng bác cay chua nếm đủ mùi
Tính mạng bao phen gần chết hụt
Mày râu ba lượt bị giam rồi
Trời toan đại dụng nên rèn chí
Chúa giúp thành công tất có hồi
Nếu phải đường đời bằng phẳng hết
Anh hùng hào kiệt có hơn ai.*

Vài hôm sau, chính cụ Phan cũng cảm thấy rầu buồn đè nặng tâm hồn, nhân xúc cảnh sinh tình, làm bài thơ Việt văn sau này, tự yên ủi, rồi ý khí tự hào ngâm nga lớn tiếng, vang động cả bốn vách, hầu như quên mình đang bị giam trong ngục.

*Vẫn là hào kiệt, vẫn phong lưu
Chạy mỗi chơn thì hãy ở tù
Đã khách không nhà trong bốn biển
Lại người có tội giữa năm châu !
Bủa tay ôm chặt bồ kinh tế
Mở miệng cười tan cuộc oán thù
Thân nọ vẫn còn, còn sự nghiệp
Bao nhiêu nguy hiểm, sợ gì đâu ?*

Cuộc thương thuyết giữa Pháp và Long Tế Quang chưa xong, thì Âu chiến 1914-1918 nổ bùng, Long Tế Quang bị hạ, Hồ Hán Dân và đảng cách mạng Tàu cứu cụ Phan ra khỏi ngục thất Quảng Châu.

* * * * *

Lập Tâm tâm xã (1924)

Sau những vụ thất bại đau đớn của Việt Nam Quang phục hội do cụ Phan khởi xướng, nó bao trùm cả các cuộc vận động cách mạng trong nước nhà, như vụ Hà thành đầu độc, vụ tạc đạn Hà Nội hotel (1913), vụ Đông Kinh nghĩa thực, vụ Đề Thám ở Bắc Việt, vụ văn thân khởi nghĩa, vụ kháng thuế ở Trung Việt, vụ Phan Xích Long ở Nam Việt, lực lượng cách mạng Việt Nam trong ba xứ bị sức mạnh của chế độ thực dân và triều đình Huế đàn áp tan rã.

Phong trào liên tiếp ở trong nước đã bị tan rã, tất nhiên không lấy tiền của đâu mà châu cấp cho các anh em bỏ đào vận động ở hải ngoại cho được.

Vì thế mà cảnh ngộ anh em Đông du hồi đó lâm vào một tình trạng rất là quần bách thê lương. Đến đôi miếng ăn hằng ngày còn chưa đủ, huống hồ nói chuyện cách mạng, vì vậy mà đoàn thể hầu như gần vỡ lờ tan hoang.

Cụ Nguyễn Thượng Hiền thì bỏ lên Hàng Châu nương nhờ cảnh Phật, cụ Nguyễn Hải Thần thì vào làm việc với chánh phủ Quảng Đông, làm một chân trông nom học sinh trong trường võ bị Hoàng Phố để lấy lương bổng sinh nhai.

Riêng có cụ Phan, tinh thần lúc nào cũng vững vàng thái nhiên bất chấp cả mọi thiếu thốn khổ sở. Trong khi anh em chia lìa tan tác, cụ nhứt quyết ở lại Quảng Châu để duy trì tàn cuộc. Cụ viết báo Tàu để nuôi sống và nhịn ăn để châu cấp bọn thanh niên hoặc đang tòng học, hoặc đang hoạt động. Trong số có Nguyễn Công Viện tức Lâm Đức Thụ, Trần Đức Quang tức Lê Quốc Đại, Lê Tấn Anh tức Hồng Sơn và Lê Hồng Phong...

Cụ cho lập tại Quảng Châu một cơ quan gọi là « Tâm tâm xã » lấy nơi đi lại họp các đồng chí và dịch viết cách sách tuyên truyền để gọi về nước cổ động duy trì tinh thần cách mạng cho dân chúng, nâng cao dân trí dân tâm sau những cuộc đàn áp tàn khốc đã gần như chỉ còn hơi thở thôi thóp.

Công việc đương tiến hành thì gặp được cơ hội tốt là Toàn quyền Merlin đi công cán qua Nhựt lúc về có ghé thăm Quảng Châu, bị Phạm Hồng Thái mưu sát hụt tám giờ tối ngày 18 tháng 6, 1924. Trái bom mà Phạm liệng vào khách sạn Victoria, tuy không được kết quả như ý, nhưng thực đã có công dụng thức tỉnh đồng bào Việt Nam đang mơ ngủ trong nước không phải là nhỏ.

Đồng thời làm cho Thế giới phải chú ý đến công cuộc vận động giải phóng của Việt Nam rầm rộ trên đất Trung Hoa.

Sau đó các đồng chí ở rải rác trong nội địa nước Tàu cũng lục tục trở về Quảng Châu tìm kiếm cụ Phan để mưu tính việc lớn, mỗi ngày một đông.

Cùng trong lúc đó, Nga Sô viết muốn tìm cơ hội để gieo rắc chủ nghĩa Cộng Sản sang Á đông nên chi thể theo lời yêu cầu của Tôn Văn, Lénine bèn cử một phái đoàn sang Quảng Châu làm cố vấn cho Chính phủ miền nam Trung Quốc.

Phái đoàn này do Pháo-la-Đinh (Borodine) làm cố vấn chính trị, Gia-Luân tướng quân (Galen tức Blucher) làm cố vấn quân sự và Nguyễn Ái Quốc tức Lý Thụy được sung làm bí thư.

Đặt chân lên đất Quảng Châu, Lý Thụy liền đi tìm ngay cụ Phan để bàn tính công việc. Nhân đó Lý được gặp cả cụ Hải Thần và hầu hết anh em thanh niên Việt Nam hô hào ở Trung Quốc lúc bấy giờ.

Lý Thụy trình cụ Phan biết là Đệ tam quốc tế Cộng Sản chủ trương lập một hội tên là « Toàn thế giới Nhược tiểu dân tộc Liên Hiệp hội » để lãnh đạo các nước nhỏ yếu khắp trong thế giới hiện đang bị ách đô hộ, mục đích là chống với các nước Thực dân và các Đế quốc Tư bản để tranh thủ Độc lập. Vậy thì Việt Nam ta chỉ xin gia nhập tổ chức ấy và lấy tên là « Toàn thế giới bị áp bức nhược tiểu dân tộc, Á đông bộ, Việt Nam chi bộ ».

Cụ Phan và các đồng chí đều bằng lòng.

Cụ lại tự đảm đương việc đi lên Hàng Châu nói chuyện với cụ Mai Sơn Nguyễn Thượng Hiền biết, luôn thể mời cụ Mai Sơn và các đồng chí ở Hoa Trung, Hoa Bắc, về tham gia công cuộc với anh em ở Quảng Châu.

Khi ra đi, cụ Phan lại ủy thác cho Lâm Đức Thụ ở nhà cùng với Lý Thụy lo việc xếp đặt và mời thêm các anh em. Khi nào công việc xong xuôi thì đánh giầy thép lên Hàng Châu cho cụ biết để cụ về dự lễ khánh thành.

* * * * *

Hy sinh cụ Phan (1925)

Sau khi cụ Phan đi Hàng Châu rồi, Lâm Đức Thụ và Lý Thụy triệu tập một kỳ hội nghị có hết thầy các anh em cách mạng có mặt ở Quảng Châu, trừ ra cụ Nguyễn Hải Thần, để trưng cầu ý kiến, về nhiều vấn đề quan trọng, nhứt là vấn đề tài chánh.

Không ai giải quyết được vấn đề này, Lâm Đức Thụ bèn đưa ra một đề nghị là « phải hy sinh một người trong anh em, hoặc về danh tiếng hay tánh mạng, miễn là đạt được mục đích có lợi cho công cuộc cách mạng ».

Hội nghị tán thành nguyên tắc ấy rồi, Lâm nói tiếp :

« Xét ra người mà ta có thể đem ra làm vật hy sinh ấy là cụ Phan Bội Châu. Tại sao tôi lại chọn cụ Phan mà không chọn cụ Mai Sơn hoặc cụ Hải Thần ? Là vì tôi đã từng phen ướm hỏi cụ Phan nếu gặp trường hợp phải hy sinh cụ để làm lợi cho cách mạng thì cụ có chịu không ?

Cụ đã khẳng khái trả lời tôi thế này : « Tôi bốn ba hải ngoại, khi Hương Cảng, lúc Hoàn Tân, chốc đã ngoài 20 năm rồi mà rốt cuộc chỉ vấp phải thất bại hoài, thêm phần tuổi đã cao, gối đã mòn, nếu có dịp được hy sinh cho tổ quốc thì dầu chết tôi cũng vui lòng ! »

« Hai nữa, cụ là tượng trưng của cách mạng tiếng tăm đã lừng lẫy trong nước cũng như trên trường quốc tế, thực dân e dè và ước muốn cụ lắm. Họ cho rằng Cụ là linh hồn của đám Đông du, nếu bắt được cụ, tức là phong trào tan rã.

« Và lại, cụ đã gần đất xa trời, ngoài việc viết báo kiếm ăn, năng lực bắt quạ cũng chẳng giúp ích gì cho công cuộc vận động cách mạng cho bọn ta được mấy.

« Vậy tôi mạnh bạo đề nghị với anh em là bắt cụ nộp cho lãnh sự Pháp, tất nhiên họ phải hậu tạ một món tiền lớn. Tiền ấy ta sẽ dùng vào công việc vận động cho đoàn thể ở nước nhà.

« Dem cụ Phan ra nộp cho Pháp, ta sẽ thu được hai cái lợi :

« Một là sau khi giải cụ về Hà Nội, tất nhiên thực dân lập Hội đồng đề hình xét xử, cụ sẽ trở hết tài hùng biện mà biện hộ cho mình. Các báo trong nước sẽ viết những bài tường thuật và tinh thần cách mạng nhờ đó mà lan tràn và phổ cập trong hết các tầng lớp dân chúng xã hội Việt Nam.

« Hai nữa là sẵn món tiền thưởng trên kia, ta sẽ phái anh em về nước mà tổ chức các chi bộ rồi đưa thanh niên ra huấn luyện cho nhiều thì công việc của ta mau có kết quả ».

Hội nghị bàn luận sôi nổi, sau cùng, mấy lý lẽ của Lâm làm xiêu lòng cử tọa và Lâm được hội nghị ủy cho toàn quyền hành động.

Thế rồi, mấy ngày sau, người ta thấy Lâm đi lại với Phan Vị một nhân viên cao cấp trong tòa lãnh sự Pháp ở Hương Cảng một cách rất thân mật.

Rồi một ngày kia, cụ Phan ở Hàng Châu bỗng tiếp được một bức điện tín ở Quảng Châu đánh lên mời cụ về để dự lễ thành lập « Á tế Á bị áp bức nhược tiểu dân tộc Việt Nam chi phân bộ ».

Cụ mừng rỡ, vội vàng từ giả Hàng Châu đi lên Thượng Hải để đáp tàu thủy về Quảng Châu, có dắt người cháu gọi cụ Nguyễn Thượng Hiền bằng ông chú đi theo, tức là Cử Huyền.

Xe lửa vừa dừng bánh ở ga Bắc Trạm, cụ bước ra cửa ga thì một bọn lạ mặt nhảy ra cản lại, rồi bế thốc cụ lên một chiếc xe hơi đậu gần đấy. Xe mở máy chạy tuốt vào tô giới Pháp ở Thượng Hải (Vào khoảng tháng bảy năm 1925).

Mấy hôm sau, người ta áp dẫn cụ xuống một chiếc chiến hạm từ Thượng Hải đến Hương Cảng, rồi chuyển sang tàu Angkor của hãng Nhà Rồng đưa về Hải Phòng.

* * * * *

Mấy bài thơ tuyệt mạng

Lúc chiến hạm ra cửa Ngô Tùng, cụ ngồi trong buồng kín, dòm qua lỗ cửa tò vò, thấy những thuyền đánh cá nhỏ nhô trên mặt bể, liền nghĩ ra cách mượn họ đưa tin, may ra đến nơi các báo Tàu đăng lên, thì anh em đồng chí sẽ biết cụ đã bị bắt và mật thám thực dân có muốn tiêu khử ngấm ngấm cũng phải e ngại dư luận quốc tế mà không dám thi hành độc thủ.

Tức thời cụ lấy mảnh giấy con và dùng bút chì viết mấy hàng chữ, đại khái tỏ mình là nhà cách mạng Việt Nam tên Mỗ, đã bị Pháp bắt trước ga Bắc Trạm, nay dẫn đi đâu không rõ. Dưới có ba bài thơ tuyệt mạng như sau đây :

I

Nhất lạc nhân hoàn lục thập niên
Hảo phùng kim nhật liễu trần duyên
Bình sinh kỳ khí ví hà hử ?
Nguyệt lại ba tâm, vân tại thiên

II

Sinh bất năng trừ thiên hạ loạn
Na kham tử lụy hậu lai nhân
Hảo tòng hồ khâu hoàn dư nguyện
Khẳng nhượng Di, Tề nhứt cá nhân

III

Thống khóc giang san dữ quốc dân
Ngu trung vô kế chửng trầm luân
Thử tâm vị liễu, thân tiên liễu
Tu hướng truyền đài diện cố nhân

Có người dịch ra quốc văn cốt lấy đúng theo nguyên ý

I

Sáu chục năm nay ở cõi đời
Trần duyên giờ hẳn đã xong rồi !
Bình sinh chí lớn là đâu tá ?
Trăng gối lòng sông, mây ngắt trời

II

Sống đã không trừ xong giặc nước
Chết đi há lụy tới người sau
Phen này miệng cọp âu đành dạ
So với Di, Tề có kém đâu ?

III

Thương khóc non sông với quốc dân
Tài hèn không vớt được trầm luân
Lòng này chưa hả, thân đã chết
Chín suối then thùng gặp cố nhân !

Viết xong, cụ Phan bỏ vào trong một cái chai không đáy nút kỹ lưỡng, rồi ném qua cửa tò vò xuống biển.

May sao, một thuyền chài vớt được.

Báo Cộng Hòa ở Thượng Hải lấy tài liệu kỳ ấy đăng lên báo, nhân dịp chỉ trích nhà đương cuộc Tàu để người ngoài xâm phạm quyền lãnh thổ mình. Mấy báo khác nổi lên cùng một luận điệu. Việc này làm xôn xao dư luận, thành ra một vấn đề quốc tế.

Lúc bấy giờ, Đốc quân Tề Nhiếp Nguyên đang hùng cứ ở Chiết Giang, tức là gồm cả Thượng Hải, vì dư luận xôn xao, một mặt viết thư kháng nghị gởi cho Lãnh sự Pháp, một mặt sai thủ hạ đi lùng những người Việt Nam nào khả nghi làm trình thám chánh trị cho Pháp đều bắt về hạ ngục.

Thế là, vì mấy bài thơ tuyệt mạng lọt vào tay bọn thuyền chài ở Ngô Tùng mà việc bắt nhà cách mạng Việt Nam được bộc lộ ra ánh sáng. Thoạt tiên ở Thượng Hải và gần khắp hai nước Hoa, Nhựt, rồi tin bay như chớp về đến nước nhà.

Khi cụ mới về Hòa Lò Hà Nội, người ta biên tên vào sổ là Trần Văn Đức, nhưng mà các đồng chí cách mạng đã biết rõ là ai rồi.

Cụ bị giải tới Hải Phòng tháng bảy năm 1925, lúc ấy đã 59 tuổi.

Trước hội đồng đề hình (1925)

Với mấy cái án tử hình mang trên đầu khi bị bắt về nước, cụ Phan yên trí là thế nào cũng chết. Cái chết đối với cụ không có nghĩa gì, song cụ e cái chết của mình còn di lụy cho hàng bao nhiêu người khác, không chừng còn nhiều người sẽ bị chết theo cụ và công cuộc của cụ sẽ vì đó mà lỡ dở. Cụ đã toan tự tử để tránh cái chết cho người khác, vì vậy cụ đã làm thơ tuyệt bút trong có câu « Nam kham tử hậu lụy lai nhân ».

Người Pháp hình như biết rõ ý định của cụ nên rất chăm nom săn sóc đến cụ từ sự ăn mặc cho đến sức khỏe. Sau đó, một hội đồng đề hình đặc biệt được lập ra để xử vụ án cụ. Hội đồng đề hình nhóm ngày 23 Novembre 1925.

Viên cai trị Bride ngồi ghế chánh án, ông Bùi Bằng Đoàn làm thông ngôn. Tòa vấn hỏi cụ gay gắt nhiều điều về quốc sự.

Cụ bào chữa một cách lưu loát hùng hồn và không hổ thẹn với danh nghĩa một nhà chí sĩ cách mạng lão thành.

Luôn mấy phiên tòa xử cụ, công chúng kéo nhau đi xem đứng chật cả trong tòa, ngoài hàng ba và cả sân tòa án.

Sau khi viên Biện lý Boyer đứng lên buộc tội cụ Phan và yêu cầu Hội đồng đề hình xử tử cụ, công chúng đều náo động.

Bỗng một người từ đám đông len ra đến trước vành móng ngựa. Sự đột ngột ấy đã làm cho cả tòa kinh lạ và lính san đàm vội nắm giữ người ấy lại. Đó là một ông nhà nho, người nhỏ thó

nhưng rất gần gũi, ông ra trước tòa khai tên là Nguyễn Khắc Doanh, nộp đơn thỉnh nguyện xin chết thay cho cụ Phan.

Hai Luật sư Larre và Bona bình vực cụ giải bày những lý luận đích đáng và xin tha cho cụ nhưng cụ vẫn bị lên án tử hình.

Án chưa thi hành, thì tháng 11 năm 1925, ông Varenne, trong đảng xã hội sang nhậm chức Toàn quyền Đông Dương. Khi ông tới Hà Nội, sinh viên cách trường Cao Đăng, học sinh trường Bưởi và các trường tiểu học ở Hà Nội biểu tình từ ga về đến phủ Toàn quyền, đầy đường căng biểu ngữ :

« Hoan hô nhà xã hội Varenne

« Đảo đảo chính sách thực dân

« Ân xá Phan Bội Châu ».

Varenne đánh điện hỏi ý kiến chánh phủ Pháp về việc ân xá cụ Phan. Chánh phủ Pháp lúc đó đương bị bối rối vì Abdel Krim khởi nghĩa ở Maroc, bèn đánh điện trả lời cho Varenne được toàn quyền định đoạt việc ân xá cụ Phan, mục đích để Varenne có dịp lấy lòng dân chúng Việt Nam hồi bấy giờ.

Nên nhớ rằng trước khi sang nhậm chức, Varenne đã tuyên bố rằng nếu không mau mau cải cách việc cai trị ở Đông Dương thì xứ này sẽ lâm vào tình thế đẫm máu như Maroc với Abdel Krim.

Ngày 24 Décembre 1925, Varenne quyết nghị ân xá cụ Phan Sào Nam

* * * * *

Ân xá ! (1925)

Sau khi ân xá, cụ được đưa về Huế, tuy bề ngoài được tự do, nhưng kỳ thực vẫn bị dò xét bí mật.

Dư luận hồi đó chia ra hai phe, có nhiều người khuyên cụ nên cứ ở yên, đừng hoạt động gì, nhưng cũng có nhiều người khuyên cụ nên lấy tài ba, kinh nghiệm sẵn có ra làm cố vấn cho Triều đình Huế để giúp ích một phần nào cho dân cho nước.

Trước những dư luận sôi nổi hồi bấy giờ, cụ có viết mấy câu tập Kiều sau đây :

Vì chẳng xét tâm tình si

Thiệt ta mà có ích gì đến ai ?

Vội chi liễu ép hoa nài

Còn thân ắt hẳn đền bồi có khi

Sinh rằng « Từ thuở tương tri

Tấm thân riêng những nặng vì nước non

Trăm năm tính cuộc vương tròn

Phải dò cho đến ngọn nguồn đáy sông

Muôn đời ơn lòng ... »

Sau vụ án Phan Bội Châu, phong trào thanh niên nổi lên rầm rộ, « Việt Nam quốc dân đảng » từ 1927 đến 1930, đánh thức lòng hoạt động yêu nước của các tầng lớp xã hội và làm sôi nổi

xứ Bắc, với những cuộc tổ chức bí mật, những vụ ám sát, bãi công, những cuộc khởi nghĩa máu sắt ở Yên Bái, ở Lâm Thao, ở Vĩnh Bảo.

Chưa ai quên được phong trào lúc ấy có nhiều phụ nữ tham gia, đóng góp tài sức vào mọi việc hoạt động của đảng rất đặc lực. Già như bà Chánh Toại, trẻ như chị em cô Giang, có những cử chỉ hy sinh, đến nay vẫn còn truyền làm giai thoại.

Nhút là cô Nguyễn Thị Giang, sau khi việc đảng vỡ lở và vụ đổ máu Yên Bái, vẫn mạo hiểm làm trọn nhiệm vụ liên lạc giữa đảng trưởng Nguyễn Thái Học và các anh em đồng chí ẩn núp khắp nơi. Cô khéo giữ tung tích, đến nỗi mật thám Pháp lùng bắt cô ráo riết mà không sao bắt được. Trong khi ấy, cô vẫn ở quanh Hà Nội, vẫn làm việc đảng như thường.

Cho tới ngày 16 tháng sáu 1930, Thái Học lên đoạn đầu đài ở Yên Bái với 12 bạn đồng chí, cô Giang trả trộn chung quanh, lấy tâm hồn tiễn đưa đảng trưởng, rồi đáp xe lửa xuống Vĩnh Yên, rút súng lục tự tử giữa cánh đồng làng Thổ Lang, chính là quê hương Thái Học.

Cách đó không lâu, cụ Phan gửi đăng ở một tuần báo trong Sài Gòn, mấy bài thơ sau đây. Cụ thác ra chuyện một đôi nhân tình gắn bó, nhưng chẳng may cậu trai bị nạn chết, cô gái dặt bản thờ khóc tế bằng một bài thơ. Hồn cậu trai cũng làm thơ đáp lại, giải bày tâm sự. Sau cô gái thác theo ý trung nhân. Người chị thương em, khóc than cảm khái.

Cô khóc cậu :

Thình lình một tiếng sét ngang lưng
Nuốt ghen tình tơ xiết nói năng
Mây mịt mờ xanh trời vẫn hắc
Giọt chan chứa đỏ, bể khôn bằng
Thân vàng đành cậu liêu theo cái
Dạ tuyết thôi em gởi với trăng
May nữa duyên sau còn gặp gỡ
Suối vàng cười nụ có ngày chăng ?

Hồn cậu trả lời :

I

Gặp mình, mình lại thẹn cùng mình,
Ai khiến em mà vội gặp anh ?
Vẫn nghĩ hữu chung ví hữu thủy
Thôi thề đồng tử chẳng đồng sinh
Trăm năm cuộc bụi, dâu hay bể
Một tấm lòng son, sắt với đinh
Gió dữ mưa cuồng cây kệ nó
Dắt nhau ta tới tận thiên đình

II

Dắt nhau ta tới tận thiên đình
Quyết đẹp cho yên sóng bất bình
Mặt nước em còn hồng giọt máu
Nợ đời anh chữa trắng tay tanh
Trăm năm thề với trời riêng đội
Bảy thước âu là mẹ chẳng sinh
Mình hỡi ! Mình đừng buồn bã quá
Hồn còn mạnh khỏe, phách còn linh

Chị khóc em

(Khi em chết theo người yêu)

I

Em ơi ! Em vậy, chị thời sao ?
Ghê gớm mà cùng tiếc biết bao !
Chung nợ cha sinh và mẹ dưỡng
Rẽ đường vực thẳm với bờ cao
Ngại ngừng gió yếu, mây tro mực
Tức tối trời say, máu úa đào
Hồn có thiêng liêng, dùm tính nhĩ
Mẹ già em bé nghĩ đường nao !

II

Mẹ già em bé nghĩ đường nao !
Và nợ chồng con nặng biết bao
Nổ đất thành linh tay vỗ kếp
Nhuộm trời ghê gớm máu phun đào
Giữa trường tân khổ no cay đắng
Trước trận phong ba nổi gió trào
Chị có ngờ đâu em đặt thế
Biển ngàn ấy rộng, núi ngàn cao !

Lúc bấy giờ, ai cũng thấy rõ cụ Phan ký thác vào chuyện Thái Học và chị em cô Giang cô Bắc mà làm ra mấy bài thơ này.

* * * * *

Ngày 26-3-1936 là thập chu niên cụ Tây Hồ Phan Châu Trinh.

Nhân dịp ấy, cụ Sào Nam có làm bài hát viếng bạn Tây Hồ như sau đây :

*Mây trần thế, hợp tan, tan lại hợp
Kiếp phù sinh, mai tới, tới liền mai
Quán trần gian trăm năm gởi trọ ấy là ai ?
Ngẫm người cũ lại ngậm ngùi thân vị tử.
Phải trời đất chẳng sinh ta thì chớ
Đã sinh ta lại đang dở du mà ?
Nhớ bạn xưa chẳng trẻ cũng chưa già,
Từng lập chí đời non và lập bệ
Trâm bút hữu thời kêu ngọc bệ
Loan cung tăng tạc quải Phù tang.
Tốt nghiệp tù, chí khí vẫn ngang tàng.
Cời sóng bạc băng ngàn sang Pháp quốc.
Cờ xã hội những toan lên thẳng bước
Gánh giang san chẳng chịu trút nhường ai
Đau đớn thay trời chẳng chịu người
Người bước tới mà trời giằng kéo lại
Công nghiệp sống chưa ra vòng thất bại
Tuổi chết nay đã trái chẵn mười năm
Nhớ bạn xưa khôn nỡ khóc thầm
Một « hàng chữ gởi thốn tâm » cùng thiên cổ*

*Kẻ tiền đạo ấy ai người hậu lộ ?
Thập châu niên ngộ thập châu niên hoài !
Khóc ông, ông khóc ai ai ?*

* * * * *

Những ngày tàn

Từ khi về Huế, cụ Phan cho làm một túp lều tranh ba gian ở Bến Ngự để ở, có một thân nhân hầu hạ cơm nước. Thường thường, cụ chỉ ngâm thơ xem sách cho qua ngày tháng.

Thỉnh thoảng có một vài ông bạn trong làng nho hay trong giới cách mạng cũ hoặc đồng bào Nam, Bắc qua Huế tới viếng thăm, đôi khi cũng có người biểu cụ tiền nông để sinh sống qua ngày đoạn tháng.

Thỉnh thoảng, cụ cũng có ra phố mua một vài thứ cần dùng và thường cụ ăn vận y phục Trung quốc. Tuy không còn được hoạt động cách mạng chánh trị như trước nữa, cụ cũng vẫn được biết tình hình quốc tế và tình hình trong nước, qua các báo chí và theo những tin tức mà các bạn bè của cụ đem lại.

Đến tháng chín năm 1939, xảy ra Thế giới đại chiến lần thứ hai. Cụ vẫn theo dõi thời cuộc.

Tháng sáu 1940, phái bộ Nhật tiến vào Đông Dương, Toàn quyền Catroux đủ áo ra đi.

Toàn quyền Decoux sang thay. Rồi đến 23 tháng chín, quân đội Nhật rần rộ kéo vào Đông Dương. Những biến chuyển trên trường quốc tế và ở trong nước đều được cụ chú ý một cách đặc biệt.

Trong giai đoạn quan trọng của lịch sử, cụ thọ bệnh. Trên giường bệnh, cụ còn đọc cho thân nhân chép bài thơ sau này để khuyến khích đàn em.

*Mạc sâu tiền lộ vô tri kỷ
Thiên hạ thù nhân bất thức quân
Bảy mươi tư tuổi trót phong trần
Nay gặp bạn mới tinh thần hoạt hiện
Những ước anh em đầy bốn biển
Ai ngờ trắng gió nhốt ba gian
Sống xác thừa mà chết cũng xương tan
Câu tâm sự gởi chim ngàn cá biển
Mừng được đọc bài văn « Sính văn »
Chữ đá vàng in mấy đoạn tâm can
Xét mình nay sức mỏng trí thêm khan
Lấy gì đáp khúc đèn tri kỷ
Nga nga hồ chí tại cao sơn
Dương dương hồ chí tại lưu thủy
Đàn Bá Nha mấy kẻ thưởng âm ?
Bỗng nghe qua khóc trộm lại đau thâm
Chung Kỳ chết ném cảm không gầy nữa*

*Nay đương lúc tử thần chờ trước cửa
Có vài lời ghi nhớ để về sau
Chúc phượng hậu tử tiến mau ... »*

Thấy tử thần chờ đợi, thấy tình hình quốc tế và trong nước tuy đã biến chuyển mạnh nhưng cũng chưa thể trông thấy ngay bước vinh quang của Tổ quốc, cụ hồi tưởng lại ngoài hai mươi năm góc biển, chon trời, năm gai, nếm mật, khi ở Tàu, lúc qua Nhật, khi lại sang Xiêm, vùng vẫy tự do nơi đất khách, lúc lại về nước hoạt động bí mật, một mình thon thót đi về, rồi chẳng may sa lưới, bị giam lỏng ở nơi xứ Huế âm u, chốc mười lăm năm trời đằng đằng, mà chưa trông thấy kết quả cụ thể gì cho đất nước, cho nên cụ buồn ngâm câu đối rằng :

*« Thất bại chi thị dã, ba đào bốn tẩu, biến thiên nhai hải giốc, nhị thập niên dư, nhất sự cánh vô thành, quyển huyết sơn hà vân cộng bích ;
« Tinh thần y nhiên hỉ, bút mặc tung hoành, dữ A Kiệt, Âu Anh, số thiên lý ngoại, tái sinh chung hữu hạnh, nhân quyền thế giới nhật tranh hồng ».*

* * * * *

Cụ mất ngày 29 tháng 10 năm 1940, thọ 74 tuổi, và chôn cất ở Huế.

Quốc dân hay tin thương tiếc vô cùng, chỉ vì thời cơ lúc ấy không được thuận tiện làm lễ quốc táng.

Nhà đương cuộc bấy giờ bề ngoài thì làm ra vẻ sẵn sóc đám tang của cụ bằng cách canh phòng cẩn mật, nhưng kỳ thật là muốn ngăn cản những cuộc truy điệu, hoặc biểu tình rầm rĩ, nhứt là cụ mất sau khi quân đội Nhật vừa đổ bộ vào Đông Dương được hơn một tháng.

Cụ có hai người con trai : Phan Huỳnh và Phan Đệ cùng làm ruộng ở quê hương, và một rể là Vương Thúc Oanh, tuy khuynh hướng cộng sản, nhưng đối với cụ vẫn phải kính nể, giữ đạo nhà nho.

* * * * *

Kết luận

Cuộc tranh đấu của cụ Phan Sào Nam ngoài hai mươi năm trời ở hải ngoại, mục đích giành độc lập cho đất nước là một gương sáng lạn cho đồng bào.

Cuộc tranh đấu ấy dầu chưa đem lại kết quả cụ thể cho Tổ quốc, nhưng cũng đã gây được nhiều ảnh hưởng tốt đẹp trong quốc dân. Danh thơm của cụ vì cuộc tranh đấu ấy đã để lại không những ở trong nước mà còn ở ngoại quốc nữa.

Cuộc bắt bớ cụ đã đưa đến vụ « Án Phan Bội Châu ». Án ấy và những lý thuyết cùng chủ trương của cụ đã được đăng lên các báo, đã in ra thành sách, nhan đề là « Tập án Phan Bội Châu », đã được truyền đi các nơi từ thành thị đến thôn quê thành ra có một ảnh hưởng chánh trị lớn lao.

Phản đông dân Việt Nam hồi bấy giờ đương còn mê ngủ, có nghĩ đâu đến việc nước, không rõ Phan Sào Nam còn sống hay đã chết ở hải ngoại ra sao, thì trong lúc bất ngờ thấy cụ bị đưa về nước. Dân chúng đọc những « Tập án Phan Bội Châu » thấy sự tỉnh giấc mê, thấy lòng yêu

nước bị kích thích, rồi phong trào ái quốc nổi lên cuộn cuộn trong khắp nước đưa đến bao cuộc bãi khóa, biểu tình, đưa đến việc đề tang và truy điệu Phan Tây Hồ, đưa đến vụ Việt Nam Khách sạn và Việt Nam Quốc dân đảng, rồi đến vụ Yên Bái, Lâm Thao, Cổ Am...

Các việc ấy đều là những ảnh hưởng chính trị gián tiếp của cuộc tranh đấu không ngừng và việc bắt bớ cụ Sào Nam.

* * * * *

Thuyết Pháp Việt đề huề với hai cụ Phan Tây Hồ và Phan Sào Nam

1) Chủ trương trái nghịch giữa hai cụ Phan

Trong giới chánh trị cách mạng tiền bối, hai bậc chí sĩ được toàn quốc ngưỡng vọng hơn hết là cụ Tây Hồ Phan Châu Trinh và cụ Sào Nam Phan Bội Châu. Danh vọng và thế lực của hai cụ tương đương nhau ở hạng sĩ phu như ở hạng quần chúng, nhưng chủ trương của hai người thật là trái nghịch nhau hẳn.

Cụ Tây Hồ là đệ tử trung thành của chủ nghĩa dân chủ.

Cụ Sào Nam thì theo quốc gia thuần túy thâm nhiễm tư tưởng bảo hoàng.

Cụ Tây Hồ chủ trương ôn hòa cải cách tin ở nước Pháp dân chủ để khai hóa dân tộc Việt Nam, diu dắt Việt Nam lần bước đến trình độ tự chủ để tự giải thoát ách nô lệ. Cụ Sào Nam thì chủ trương cách mạng bạo động ý lại nơi sự viện trợ nước ngoài để khôi phục ngay chủ quyền của Tổ quốc.

Cụ Tây Hồ chủ trương Pháp Việt hiệp tác theo tư tưởng dân chủ để lại dân tộc cùng tiến theo nhịp tiến hóa của nhân loại.

Cụ Sào Nam thì chủ trương đánh hất người Pháp ra khỏi xứ để Việt Nam được hoàn toàn độc lập giữa các tổ chức nhân sinh.

Cụ Tây Hồ chủ trương : « Trước phải dạy dân cho khôn » rồi sau này có muốn chi hãy muốn. Dân còn ngu muội thì dầu có viện trợ nước ngoài đuổi Pháp ra khỏi nước nhà gỡ ách nô lệ, tạo nên độc lập đi nữa thì cũng chẳng ích gì mà không khéo còn e bị cảnh « dịch chủ tái nô » tai hại hơn gấp bội.

Cụ Sào Nam thì cả quyết dùng đủ mọi phương tiện trước cỗi ách nô lệ cho đồng bào và khôi phục độc lập cho Tổ quốc rồi sẽ kiến thiết quốc gia sau.

2) Mỗi người một con đường

Vì không hợp chủ trương, hai nhà cách mạng sau nhiều lần hội kiến bàn định phương châm cứu quốc, bèn tách ra mỗi người đi mỗi ngã, nhưng đồng theo tiếng gọi thiêng liêng của Tổ quốc, ôm ấp một hoài bão « Cứu quốc » cho đến ngày cùng ...

Cụ Phan Sào Nam già từ quê quán Nghệ An phò Kỳ ngoại hầu Cường Để xuất dương, rồi sang Nhật, sang tàu, qua Xiêm ... trải mấy mươi năm bốn ba hải ngoại đi khắp đó đây phong trần cùng với nhiều đồng chí hoạt động mưu đồ phục quốc ...

Trải bao cuộc thử thách, cụ vẫn hết lòng vì quê hương chủng tộc cùng với người tri kỷ là cụ Mai Sơn Nguyễn Thượng Hiền trải qua các cảnh gian lao tân khổ, không ngớt vận động công cuộc cứu quốc.

Nhưng Trời chẳng chiều người chí sĩ... Cơ hội thuận tiện do cuộc Âu chiến kỳ nhứt tạo ra nay đã kết liễu và phần thắng lợi hại về nước Pháp...

Cụ xét rõ tình thế, cụ thấy rằng Việt Nam không thể hy vọng sự giúp đỡ của nước Tàu, vì Tàu còn tự cứu không xong. Cũng không thể trông đợi gì ở Nhật, vì tâm địa Nhật rất gian hiểm, chỉ cốt lợi kỷ mà thôi. Bởi thế, sau rốt cụ chủ trương hợp tác với Pháp viết ra tập « Pháp Việt đề huề chánh kiến thư » yêu cầu đôi bên cũng phải thành thật mới cộng tác với nhau được ...

Trải bao năm tranh đấu, hai nhà chí sĩ lão thành mới trở lại đường chánh kiến. Hai cụ Phan đã gặp nhau trên tinh thần Pháp Việt đề huề.

Tuy sơ khởi trái nghịch nhau hẳn về chủ trương hoạt động, nhưng hai cụ rất kên kính nhau vì tâm chí, vì đồng một hoài bão thiêng liêng là cứu quốc...

* * * * *

Hai cụ Phan chết không được gặp nhau

Cụ Sào Nam bị bắt về nước cuối 1925, ra trước Hội đồng đề hình rồi được ân xá, phải về ở Huế.

Xấp xỉ trong hồi đó, cụ Tây Hồ ở bên Pháp về đến Sài Gòn ít lâu thì mang bệnh, muốn ra Huế chơi với cụ Sào Nam nhưng vì bệnh không đi được. Cụ Sào Nam lại cũng không thể vào Sài Gòn thăm bạn, vì người Pháp cấm đi ra khỏi thành Huế.

Đến tháng hai năm Bính dần (1926), Tây Hồ tiên sinh mất tại Sài Gòn. Trong lúc đó, vua Khải Định cũng vừa mới thăng hà, con là Đông cung Vĩnh Thụy đang học bên Pháp chưa xuống tàu về nước nối ngôi, kỷ nguyên Bảo Đại.

Bởi có những tình cảnh éo le ấy, câu đối ông Phan Khôi viếng cụ Tây Hồ, thật là tả chân tả tình đều khéo :

*Âu châu vạn tỷ quy, vị dĩ Sào Nam mưu nhất diện
Bính dần nghị nguyệt tốt, bất trí Bảo Đại hữu nguyên niên*

Nghĩa là :

*Bên Tây muôn dặm trở về, chưa kịp cùng Sào Nam hội diện
Năm dần tháng hai nhắm mắt, biết đâu có Bảo Đại kỷ nguyên*

* * * * *

Tác phẩm

Sinh bình, cụ Phan viết sách rất nhiều, cốt mục đích tuyên truyền cách mạng và cổ động lòng ái quốc của dân chúng.

Những sách, viết bằng Hán văn còn truyền tụng là :

- 1) Lưu cầu huyết lệ tân thơ
- 2) Hải ngoại huyết thư
- 3) Hải ngoại huyết thư tục biên
- 4) Tân Việt Nam kỷ lục
- 5) Việt Nam sử khảo
- 6) Ngục trung thư

Mấy tác phẩm trên đây đã xuất bản ở bên Tàu. Lúc cụ Phan ở Xiêm có soạn nhiều sách bằng quốc văn như « Truyện Lê Thái Tổ », « Truyện Trưng Nữ Vương » và các bài ca yêu nước, yêu nòi, yêu dân, nhưng đáng tiếc nay đã thất truyền hầu hết.

Ngoài ra bao nhiêu năm ở hải ngoại, cụ viết trên báo Tàu cũng nhiều, đầu hết là « Tân dân tùng báo » của Lương Khải Siêu. Từ khi về nước trở đi, thỉnh thoảng cụ có gởi bài cho các báo quốc văn, phần nhiều là thể truyện ký và văn chương.

* * * * *

Trích lục vài bài thơ của cụ Phan

Vịnh cái trống

Khen khéo cho ai chế tạo mầy
Có danh mà thực chẳng ra gì
Mặt lì thầy kẻ hai đầu đánh
Bụng rỗng không tròn một tý giầy
Ra lệnh ba hồi vang tiếng ác
Kẻ rỗng năm sắc phỉnh người ngây
Da trâu tang nứt thoi dưng lão
Chờ sấm trời kêu sẽ biết tay.

Khát nước

Vì có sao mà khát nước hoài ?
Trà đâu ? Ta hãy uống mầy chơi
Không Tàu thì Huế tha thổ thú
Pha tục và tiên đặc bỏ đời
Ám lạnh tình đời năm bảy chén
Lạt nồng mùi thể một vài hơi
Trà ơi, còn nước là vinh hạnh
Cháy lưỡi khô môi thấm những mùi !

Ru em ngủ

Ru hời, ru hời, ru hời
Nín đi em hời chị ngồi chị ru
Nước ta từ dựng cơ đồ
Bốn ngàn lẽ địa đồ còn kia
Rừng vàng biển bạc thiếu gì
Non sông đất nước cũng thì người ta
Mà thử ngắm Xiêm La, Nhựt Bản
Một vót lên cùng bạn liệt cường
Nước mình thua kém trăm đường
Sống say chết dở mơ màng điếc câm
Nghĩ lắm lúc âm thầm chị giận
Không chủ quyền nên mất tự do
Cơ đồ tiên tổ để cho
Chỉ vì con cháu không lo giữ gìn !
Nay đến nỗi không quyền tự trị
Tám mươi năm sỉ nhục lắm em ơi
Ru hời, ru hời, ru hời
Mong em khôn lớn nên người
On nhà nợ nước em thời lo toan
Lo toan đem lại giang san
Đừng ham sống cái nhơn tuần như ai

Cày cờ

Ai ơi xin thử ngó cây cờ
Một lá kia kia đáng phát phơ
Cao thấp quyền về tay kẻ múa
Trắng vàng màu lựa mặt người ưa
Trên cao mấy cửa chiêu bài hảo
Xoay đủ tứ bề ngọn gió đưa
Rồi cũng về tay ai nẩy phát
Xôn xao dưới bóng bọn vầy hùa.

Đồng hồ náo

Vì sợ người ta quá ngủ say
Liều công đánh thức cả đêm ngày
Giờ trời ghi nhớ mười hai tiếng
Mây thánh thiêng liêng một sợi dây
Chuông có hồi kêu ma phải tỉnh
Phút không khi ngủ đất hằng xoay
Khen cho tài ngủ người mình nhĩ
Reo đã bao nhiêu cũng kệ thầy.

Vào thành

Vào thành ra cửa Đông
Xe ngựa chạy tứ tung
Vào thành ra cửa Tây
Sa gắm rục như mây
Vào thành ra cửa Nam
Áo mũ đỏ pha chàm
Vào thành ra cửa Bắc
Mưa gió đen hơn mực
Dạo khắp trong với ngoài
Đàn địch vang tai trời
Đau lòng có một người !
Hỏi ai ? Ai biết ai ?

10 bài thơ Tết

1) Thợ thuyền

Biết bao máy móc cướp tron nghề
Tết lấy gì đây ? Sợ Tết về
Tiền bạc bọn trong mười ngón ép
Tháng ngày qua trọn một đời thuê
Mua vui nhưng tởm ma trêu chọc
Bán đại còn e nợ bọn bề
Cặm cùi lo co xong mấy bữa
Tết gì cực quá hỡi xanh tê !

2) Lao động

Nghĩ tới anh em phải choáng đầu
Tết ai, nào phải Tết mình đâu ?
Kiếm cơm năm suốt mười hai tháng
Bán sức ngày vừa ít chục xu
Con đói vì khô hai vú sữa
Thân còm than cực mấy phen sầu
Tết hoài, Tết hủy vui gì há ?
Pháo lạng giềng kêu tởm điếc mù.

3) Thầy tu

Rằng Tết thời vui chẳng mấy ai
Duy mình vui Tết nhất trên đời
Hương hoa vô số người mê cúng
Chè oản tha hồ phật sống xơi
Sướng tốt là không sầu thuế tới
Giờ thừa lại có kiệu cờ chơi
Rày nghe hội Phật cùng lan khắp
Cứ việc Nam mô tụng niệm hoài

4) Nhà văn

Tết mới đi qua Tết lại về
Nghe người Tết Tết, khiến mình ghê
Bếp không pháo láo ngoài sân nổ
Bụng trống thờ diên trước cửa đề
Say gượng chén trà mua thú mướn
Ngồi mềm đầu óc bán bài thuê
Tết như thế hử ? Âu không Tết
Bốn bề năm Châu nợ bọn bề.

5) Nhà giàu

Than trách thầy ai trẻ với già
Ta vui cái thú sống riêng ta
Xe hơi chen chúc dừng đầy ngõ
Áo gấm vào ra rộn cả nhà
Tiếng chúc tiếng mừng xen tiếng pháo
Câu cười, câu tán lẫn câu ca
Tết như thế mãi vui đâu hết
Sông biển mây rừng chán ngó xa

6) Công thương

Loanh quanh ngày tháng sống qua thì
Còn vất tiền mua cái tiếng « si »
Bạc nợ nhà băng đòi riết tới
Vốn nhà phố xá bán không đi
Giàu sang mừng thấy vui xuân mới
Túng bán thêm cho tháng nhuận trì
Thôi lại tết cùng ba chén rượu
Còn trời còn đất mặc chi chi !

(Thiếu bốn bài)

Sống

Sống túi làm chi, đứng chật trời
Sống nhìn thế giới, hồ chẳng ai ?
Sống làm nô lệ cho người khiến
Sống chịu ngu si để chúng cười
Sống tưởng công danh không tưởng nước
Sống lo phú quý chẳng lo đời
Sống mà như thế, đừng nên sống
Sống túi làm chi, đứng chật trời !

Chết

Chết mà vì nước, chết vì dân
Chết đáng nam nhi trả nợ trần
Chết buổi Đông Chu hồn thất quốc
Chết như Tây Hán lúc tam phân
Chết như Hưng Đạo hồn thành thánh
Chết tựa Trưng Vương phách hóa thần
Chết cụ Tây Hồ danh chẳng chết
Chết mà vì nước, chết vì dân

Khóc ông Phan Sào Nam

- Một bầu nhiệt huyết, tưới ra khắp Hoành Tân, Ban Cốc, Thượng Hải, Yên Kinh, ôm về núi Ngự, sông Hương, vùi xuống cữu nguyên còn đóng cục
- Muôn thuở anh hồn, bạn cùng Tây Lộc, Nhi Khê, Trảo Nha, Liên Bạt, phù hộ nòi Hồng giống Lạc, ngắm xem năm bể những phì cười.

Dương Bá Trạc

Những sách tham khảo

Phan Đình Phùng	của Đào Trinh Nhất
Việt Nam sử lược	của Trần Trọng Kim
Cụ Phan Đình Phùng khóc thượng tướng Cao Thắng	của Lạc Việt số 9-10, 12-3-48
Phan Đình Phùng	của Lịch sử giải phóng Việt Nam thời kỳ cận đại trang 31
Phan Tây Hồ tiên sinh	của Tân Dân số 3, 24-3-49
Phan Châu Trinh	của Thời cuộc số 160, 25-3-49
Nỗi lòng của chí sĩ Phan Châu Trinh	của Thần Chung số 36, 25-3-49
Nhớ nhà ái quốc Phan Châu Trinh	của Ánh Sáng số 272, 24-3-49
Nhân ngày kỷ niệm 24-3 Phan Châu Trinh tiên sinh	của Điện Báo số 1, 24-3-49
Nhân ngày giỗ nhà chí sĩ Phan Châu Trinh	của Thời Cuộc số 159, 24-3-49
Phan Sào Nam	của Cải Tạo số 25, 30-10-48
Cụ Phan Bội Châu, hội đồng Nguyễn Thành Hiền và Thiện Quảng Thiên hội đàm tại chùa Phổ Phước	của Lạc Việt số 1, 12-11-48
Phỏng vấn một bạn già của Sào Nam tiên sinh	Cải Tạo số 26, 6-11-48

Thuyết Pháp Việt đề huề với hai cụ
Phan Tây Hồ và Phan Sào Nam

Lạc Việt số 14, 28-30 Déc 48

Gia huấn ca của Nguyễn Trãi và
Phan Bội Châu – Nền gia đình giáo dục
của Việt Nam hồi trước. Hai bài Gia huấn ca
của hai thế hệ cách nhau bốn trăm năm

Việt Thanh số 116, 14-11-48 số 117, 15-11-48

Phan Bội Châu (Những năm cuối cùng của cụ
Phan Bội Châu – Nguyễn Huyền Linh
Kỷ niệm Phan Bội Châu)

Hồ Gươm số 8, 29-10-48
Báo Tiếng Dội có dịch Ngục trung ký sự
Báo Sài Gòn mới
Báo Thời cuộc (13-10 và 1-11-48)
Ánh Sáng 18-11-48

Phan Bội Châu

của Thế Nguyên (Nhà xuất bản Tân Việt)

Phan Bội Châu

của Lưu Trần Thiện (nhà xuất bản Ngày Mai)

Ngục Trung Thư

bản dịch của Đào Trinh Nhất